

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN MINH SƠN

HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP - PHÁP LUẬT
VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - NĂM 2020

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN MINH SƠN

HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP - PHÁP LUẬT
VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành đào tạo: Luật Kinh tế.

Mã số chuyên ngành: 9.38.01.07.

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS-TS. Dương Đăng Huệ

2. PGS-TS. Vũ Thị Lan Anh

HÀ NỘI - NĂM 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của cá nhân tôi.

Nội dung cũng như các số liệu trình bày trong Luận án hoàn toàn trung thực. Những kết luận khoa học trong Luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án này.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Trần Minh Sơn

LỜI CẢM ƠN

Luận án được hoàn thành tại Trường Đại học Luật Hà Nội, dưới sự hướng dẫn nghiêm khắc nhưng tận tình và chu đáo của PGS. TS. Dương Đăng Huệ và PGS. TS. Vũ Thị Lan Anh, luôn tạo điều kiện cho Nghiên cứu sinh phát huy được khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực mình đang theo đuổi, nghiên cứu hàng chục năm qua, góp phần cống hiến các kiến thức nhỏ bé của mình cho kết quả nghiên cứu khoa học, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy cô giáo đã thường xuyên hướng dẫn, khuyến khích, động viên, chia sẻ khó khăn với tác giả trong suốt thời gian thực hiện Luận án.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã nhận được những chỉ bảo, góp ý, hỗ trợ tư liệu quý báu từ các thầy, cô, các nhà khoa học trong Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp, Thư viện Quốc gia... và những cơ quan, tổ chức có liên quan.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả cán bộ, thầy cô giáo và đồng nghiệp nơi tác giả đang công tác cũng như bạn bè và gia đình đã động viên tác giả rất nhiều trong suốt quá trình thực hiện Luận án.

Một lần nữa, tác giả xin tri ân và tận đáy lòng mình xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Trần Minh Sơn

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Số TT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	XHCN	Xã hội chủ nghĩa
2	VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
3	ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
4	USAID GIG	Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện
5	ETV2	Chương trình hỗ trợ kỹ thuật của EU cho Việt Nam
6	PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
7	VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
8	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
9	CP	Cổ phần
10	AVSI	Tổ chức kinh doanh và nhân quyền
11	NGO	Tổ chức phi Chính phủ
12	CSR	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
13	JETRO	Tổ chức ngoại thương Nhật Bản
14	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài

MỤC LỤC

		Trang
MỞ ĐẦU		1
1	Tính cấp thiết của việc nghiên cứu Đề tài Luận án	1
2	Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án	3
3	Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án	4
4	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Luận án	5
5	Những đóng góp mới của Luận án	6
6	Kết cấu của Luận án	7
PHẦN TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI		8
1	Tình hình nghiên cứu liên quan đến Đề tài Luận án	8
1.1	Các nghiên cứu về các vấn đề lý luận liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	8
1.2	Các nghiên cứu về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	19
2	Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án	24
2.1	Một số vấn đề liên quan đến đề tài luận án đã được nghiên cứu	24
2.2	Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án chưa được nghiên cứu	25
3	Lý thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu	31
	Kết luận Phần tổng quan	34
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP		36
1.1	Những vấn đề lý luận cơ bản về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	36
1.1.1	Khái niệm, đặc điểm của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	36
1.1.1.1	Khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	37
1.1.1.2	Đặc điểm của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	42
1.1.2	Sự cần thiết hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	47
1.1.3	Vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	53
1.1.4	Nguyên tắc hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	57
1.1.5	Những yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	59

1.1.6	Sự khác nhau hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật	63
1.2	Những vấn đề lý luận về pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	70
1.3	Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	76
	Kết luận Chương 1	87
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP		90
2.1	Sự hình thành và phát triển pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam	90
2.1.1	Giai đoạn trước năm 2008	90
2.1.2	Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2017	93
2.1.3	Giai đoạn từ năm 2017 đến nay	96
2.2	Thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	97
2.2.1	Nội dung cơ bản của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	97
2.2.2	Ưu điểm, nhược điểm của pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	108
2.2.3	Nguyên nhân của ưu điểm, nhược điểm của pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	117
2.3	Thực tiễn thực hiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	121
2.3.1	Thực tiễn triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	121
2.3.2	Xây dựng và tổ chức thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	137
	Kết luận Chương 2	146
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY		148
3.1	Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam	148
3.2	Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	152
3.3	Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	165
	Kết luận Chương 3	180

	KẾT LUẬN	182
	Công trình nghiên cứu về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của tác giả đã được công bố	185
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	187

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài Luận án:

Sự hỗ trợ được hiểu là “*Sự giúp đỡ nhau, giúp thêm vào*”¹. Sự hỗ trợ thường được thực hiện cho những đối tượng yếu hoặc chưa đủ mạnh ở một góc độ nào đó. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa là một nhiệm vụ quan trọng của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Nhiệm vụ này lại càng quan trọng hơn khi hiện nay, tuyệt đại đa số các doanh nghiệp Việt Nam lại là doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong số hơn 624.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động hiện nay thì 97,7% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ²). Mặc dù, Nhà nước không phải là chủ thể duy nhất có thể hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng cho doanh nghiệp (còn có các thiết chế khác như các hiệp hội doanh nghiệp, câu lạc bộ, luật sư... cũng có thể thực hiện công việc này một cách độc lập hoặc cùng Nhà nước thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) nhưng Nhà nước luôn phải đóng vai trò chính trong hoạt động này.

Ở Việt Nam, trên thực tế, nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong việc giải quyết các khó khăn pháp lý trong kinh doanh ở Việt Nam luôn được xếp ở vị trí cao hơn cả nhu cầu tìm kiếm mặt bằng kinh doanh phù hợp, nhu cầu tìm kiếm nhà cung cấp và nhu cầu tìm kiếm công nghệ...³ vì thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam cho thấy, nhận thức về vai trò, ý nghĩa pháp luật của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc thực hiện pháp luật do ít được sử dụng tư vấn pháp luật miễn phí và hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp còn nhiều bất cập; các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin pháp luật.

Từ năm 2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định 66/2008/NĐ-CP), thiết lập cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, quy định cụ thể hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), Đại từ điển tiếng Việt, Nhà Xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1998, trang 835.

² Báo cáo số 150/BC-TCTK ngày 27/9/2019 của Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

³ Kết quả Điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

nhân dân cấp tỉnh trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; điều kiện bảo đảm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014, định hướng đến năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014). Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTP-BTC ngày 12/10/2010 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đến năm 2017, lần đầu tiên, cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được Luật hóa trong Luật Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoản 3 Điều 14) và ngày 24/6/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) (thay thế Nghị định 66/2008/NĐ-CP). Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật như đã nêu trên, kết quả, tính đến ngày 31/12/2019 đã có 17/22 Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (trong đó, có 03 Bộ ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp); 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (trong đó, có 20/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp)⁴.

Các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành và hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ về mặt pháp lý ngày càng tăng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, sau quá trình triển khai thực hiện đã bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập, vướng mắc, khó khăn như: nhiều quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có nội dung còn chưa rõ ràng, cụ thể, chưa đảm bảo tính đồng bộ và tính hiệu lực chưa cao; việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các Bộ, ngành và địa phương còn chưa được thường xuyên, có tính đồng bộ và tính hệ thống nên hiệu quả chưa cao; nhân lực, kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức; cơ chế phối kết hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn chưa thực sự hiệu quả, việc xác định nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong từng giai

⁴ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

đoạn chưa thực sự sát với nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp; việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số Bộ, ngành và địa phương còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao, chưa thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp thụ hưởng các hoạt động hỗ trợ pháp lý của Nhà nước. Bên cạnh đó, có thể nhận thấy, các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện chủ yếu theo kinh nghiệm thực tiễn Việt Nam, chưa được đầu tư nghiên cứu một cách cơ bản về lý luận, chậm tổng kết đánh giá thực tiễn. Nói cách khác, loại hình hỗ trợ pháp lý này chưa thu hút được nhiều sự quan tâm, tìm hiểu của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, trong khi đó nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo và nhất là các doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 toàn cầu như đã diễn ra lại được đặt ra một cách cấp bách.

Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu toàn diện, cơ bản về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc làm rất cần thiết. Thành công của Luận án chắc chắn không chỉ sẽ góp phần quan trọng vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra mà còn phục vụ cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ nói chung và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng. Với lý do đó, tác giả chọn vấn đề: ***“Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp - Pháp luật và thực tiễn thi hành”*** làm đề tài Luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án

**** Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của Luận án chủ yếu là các chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các văn bản pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; thực tiễn thi hành hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua; các hình thức, biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (đặc biệt là các Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành và Chương trình hỗ trợ pháp lý của Bộ, ngành và địa phương); kinh nghiệm nước ngoài về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện và thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo.

**** Phạm vi nghiên cứu***

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thực tiễn triển khai và việc hoàn thiện nó là những vấn đề rất phức tạp không những về mặt lý luận mà còn cả về mặt thực tiễn. Vì vậy, trong khuôn khổ giới hạn của một Luận án tiến sĩ, việc nghiên cứu các vấn đề nêu trên sẽ giới hạn ở các phạm vi dưới đây:

Về nội dung: khi nghiên cứu đề tài đã lựa chọn, tác giả luận án tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cũng như thực trạng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như việc thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; việc xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; trách nhiệm của bộ, ngành và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; vấn đề nguồn lực, kinh phí trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; vấn đề kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Về đối tượng: Việt Nam quan tâm đến tất cả các chủ thể kinh doanh, trong đó có cả các hợp tác xã, các cá nhân kinh doanh vì các chủ thể kinh doanh này cũng có nhu cầu lớn về hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu, Luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu nhu cầu hỗ trợ pháp lý của một số đối tượng là các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có cả các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo.

Về không gian: luận án tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật trong nước; tuy nhiên, có sự phân tích, bình luận và so sánh với một số quy định của pháp luật nước ngoài về cùng vấn đề để rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam.

Về thời gian: luận án tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành để đánh giá chính xác thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Song để đảm bảo tính khả thi của các kiến nghị, luận án cũng nghiên cứu quá trình vận động và phát triển của các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn trước khi có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

** Mục đích nghiên cứu của Luận án*

Xuất phát từ thực tiễn và chủ trương hoàn thiện thể chế của nền kinh tế thị trường nhằm đáp ứng những đòi hỏi của một nền kinh tế mở và nhu cầu hội nhập của các doanh nghiệp, mục đích của luận án là trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề

lý luận về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thực tiễn thi hành hoạt động trong thời gian qua để nhận diện được những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam để đề xuất phương hướng và các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay và trong thời gian tới.

** Nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án*

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án tập trung giải quyết một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như khái niệm, đặc điểm, vai trò, sự cần thiết của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và ý nghĩa của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Nghiên cứu các quy định pháp luật và tình hình thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Nghiên cứu tìm hiểu kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;
- Tìm ra được các giải pháp nhằm triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt là đề xuất các kiến nghị liên quan đến việc xây dựng pháp luật và thực thi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Luận án

** Phương pháp luận của Luận án*

Khi nghiên cứu đề tài của Luận án - một đề tài thuộc khoa học xã hội, tác giả luận án sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế và xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới, trong đó, hướng tới chủ trương “Chính phủ phục vụ”, “Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp”. Luận án kế thừa kết quả của các công trình mà các tác giả đi trước đã nghiên cứu về nhiều vấn đề có liên quan đến các hình thức hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng ở Việt Nam.

** Phương pháp nghiên cứu của Luận án*

Trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử, khi giải quyết các vấn đề thuộc nội dung nhiệm vụ của luận án, người viết sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp là quy nạp, phân tích, tổng hợp, so sánh...

Ở Chương 1 và Chương 2, tác giả dùng phương pháp quy nạp để nghiên cứu sự cần thiết, xây dựng các định nghĩa; sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nghiên cứu sự ra đời, khái niệm, đặc điểm, vai trò, tình hình hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, ưu điểm của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; phương pháp so sánh luật học được áp dụng khi tìm hiểu vấn đề này ở một số nước trên thế giới và đối chiếu với pháp luật Việt Nam.

Tác giả sử dụng phương pháp nổi bật và so sánh luật học nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật của một số nước khác về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trên cơ sở đó tham khảo để hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

Tại Chương 4, về cơ bản, tác giả sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp để đưa ra phương hướng và các giải pháp có căn cứ khoa học, đúc kết quá trình nghiên cứu thực tiễn để đề xuất, góp phần hoàn thiện pháp luật và thực hiện có hiệu quả pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

5. Những đóng góp mới của Luận án

Thông qua việc nghiên cứu có hệ thống các vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của đề tài này, so với các công trình đã được công bố của các tác giả khác, Luận án dự kiến sẽ có những đóng góp mới sau đây:

- Làm rõ tính tất yếu khách quan của sự ra đời và quá trình phát triển của chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Làm rõ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không phải đơn thuần là một chính sách nhất thời mà là một công việc lâu dài, thể hiện chức năng kinh tế của Nhà nước ta; đồng thời phản ánh bản chất đây là một loại hình dịch vụ công mà Nhà nước phải thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Làm rõ khái niệm, nội dung của nhiều khái niệm khoa học liên quan đến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Tiếp cận và nghiên cứu một cách có hệ thống pháp luật về hỗ trợ cho doanh nghiệp và kinh nghiệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số nước có nền kinh tế phát triển (Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan, Hoa Kỳ, Anh, Pháp...) dưới góc độ so sánh với pháp luật Việt Nam; trên cơ sở đó, rút ra những bài học nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân của những thiếu sót, bất cập của pháp luật cũng như của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian qua.

- Đề xuất định hướng cũng như các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, công tác thực thi pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp một cách đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn hiện nay và trong thời gian tới.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài Mục lục, mở đầu, kết luận, phụ lục minh chứng kết quả nghiên cứu của tác giả, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành các Phần và Chương như sau:

Phần Tổng quan về tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết đề tài.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Chương 3: Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

PHẦN TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến Đề tài Luận án

Hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thông tin pháp lý cho doanh nghiệp...) trên thế giới đã được thực hiện từ rất sớm, ở Hàn Quốc từ năm 1979, ở Anh từ những năm 1980 đã tập trung xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có hỗ trợ thông tin pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để mục tiêu giải quyết tình trạng thất nghiệp. Hoặc như ở Pháp, việc cung cấp thông tin là nghĩa vụ của cơ quan nhà nước phải thực hiện: APEC (Agence Pour la Creation d'Entreprise) là cơ quan cung cấp các thông tin về thị trường, bảo hiểm xã hội, thuế và hệ thống pháp luật tại Pháp. Chính vì vậy, cũng đã có các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến Đề tài luận án về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là việc nghiên cứu về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ở Việt Nam, từ những năm 2001 (thời điểm Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/01/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa) đến nay cũng có khá nhiều công trình nghiên cứu về thực trạng công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhất là từ năm 2008 (thời điểm Nghị định số 66/2008/NĐ-CP được ban hành) có khá nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (đây là một trong 07 hình thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 hiện nay).

1.1. Các nghiên cứu về vấn đề lý luận liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1.1.1. Các nghiên cứu về khái niệm, đặc điểm, vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Trên thế giới có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuy nhiên, đi sâu vào lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thì trong khả năng hiểu biết của tác giả, có một số nghiên cứu tiêu biểu như sau:

- Trong tài liệu “*Startups and Unmet Legal Needs*” (khởi nghiệp và các nhu cầu pháp lý chưa được đáp ứng) của University of California, Hastings College of the Law phát hành năm 2016 đã nhận định rằng, đối với các công ty khởi nghiệp, các quy định pháp lý hầu như chính là các nội dung chính tại các cuộc họp hàng ngày của công ty, vấn đề thực hiện pháp luật đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp là vấn đề mang tính chất cấp bách. Nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý từ thời điểm công ty thành lập là vấn đề đặc biệt quan trọng nếu như không muốn nhận được các hậu quả pháp lý nghiêm trọng tốn kém chi phí hơn như vấn đề về thuế, sự bất đồng giữa những người sáng lập công ty, chính sách bảo mật, sở hữu trí tuệ... khiến công ty phải chịu rủi ro pháp lý cao⁵.

Theo tài liệu trên đánh giá, các công ty khởi nghiệp cần tập trung nỗ lực để giải quyết các vấn đề pháp lý sẽ phát sinh (đã xảy ra hoặc có thể xảy ra) khi các công ty bắt đầu khởi nghiệp. Một vài nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, các vấn đề pháp lý mà doanh nghiệp sẽ phải đối mặt sớm khi gia nhập thị trường trong và ngoài nước, cũng như nghiên cứu các trở ngại pháp lý mà doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ gặp phải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình và các cơ chế hỗ trợ pháp lý hữu hiệu cho doanh nghiệp khi khởi nghiệp đến từ phía cơ quan nhà nước hay phía các tổ chức tư vấn pháp luật, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các hiệp hội, câu lạc bộ... như thế nào. Có thể đánh giá, đây là những thông tin hữu ích giúp Nghiên cứu sinh nghiên cứu các nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong các giai đoạn, nhất là giai đoạn khởi nghiệp của doanh nghiệp, lý thuyết này, cùng với thực tiễn của quốc tế là minh chứng rõ nét sự cần thiết nghiên cứu, xây dựng các chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là các doanh nghiệp khi bắt đầu khởi nghiệp ở Việt Nam.

- Trong bài viết: “*Small and Medium Scale Businesses and the need for Legal Support*” (Các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ và nhu cầu hỗ trợ pháp lý) của Temitayo Ojo trên Website: <https://www.linkedin.com/pulse/small-medium-scale-businesses-need-forlegal-support-temitayo-ojo> đã nhận định rằng, các doanh nghiệp nhỏ thường được gọi là SMEs hay Start-up là những động lực thúc đẩy nền kinh tế của các nước đang phát triển. Thông thường, chủ sở hữu của các doanh nghiệp nhỏ thường được trang bị đầy đủ

⁵ Alice Armitage, *Startups and Unmet Legal Needs*, University of California, Hastings College of the Law 2016, p.575.

khả năng về kỹ thuật để sản xuất hàng hoá và dịch vụ, tuy nhiên, thường thiếu kỹ năng quản lý và tiếp cận với sự hỗ trợ chuyên nghiệp như (quản lý, nhân sự, pháp lý, kế toán, marketing...), trong đó, kỹ năng vận dụng pháp luật là yếu tố quan trọng.

Theo bài viết, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xem xét chi phí ban đầu bỏ ra để quyết định liệu có nên sử dụng các dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp hay không (chi phí ở đây là kinh phí bỏ ra hay thời gian, nhân lực phải thực hiện để tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ). Bài viết này cũng thảo luận về những lý do chính tại sao các doanh nghiệp nhỏ có nhu cầu sử dụng các dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp ngay từ đầu khi khởi nghiệp, tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh của thị trường⁶. Qua đó, cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa các dịch vụ chuyên nghiệp về pháp lý để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, hạn chế các chi phí đầu tư, nhân lực của doanh nghiệp vào những dịch vụ chuyên nghiệp này (trong khi nguồn lực của doanh nghiệp SMEs hay Start-up là hạn chế). Ý kiến lập luận rằng, các dịch vụ pháp lý rất tốn kém (điều này không hoàn toàn đúng) nhưng qua phân tích cho thấy phương án thay thế nó có thể còn tốn kém hơn. Thực tế đã minh chứng, hỗ trợ pháp lý tốt làm giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp SMEs hay Start-up vì nó hỗ trợ kinh doanh trong việc xác định các lựa chọn tốn kém và không tốn kém, hạn chế tối đa được các rủi ro pháp lý có thể tốn kém hơn cho doanh nghiệp nếu không thực hiện đúng pháp luật. Đây là minh chứng hữu ích cho Nghiên cứu sinh nghiên cứu các nội dung về nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả sử dụng dịch vụ pháp lý) cũng như sự cần thiết phải hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Trong tác phẩm *“Business and Human Rights: a challenge for enterprises?”* (Kinh doanh và Quyền con người: Một thách thức đối với doanh nghiệp?) của nhóm chuyên gia AVSI Kinh doanh và Quyền con người Alessandro Costa đăng tại www.avsi.org có nhận định rằng, Hội đồng Liên Hiệp Quốc phê duyệt việc tuân thủ các quyền trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là việc giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong suốt quá trình kinh doanh, nhất là khi gặp khó khăn của việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ quyền con người,

⁶Temitayo Ojo, *Small and Medium Scale Businesses and the need for Legal Support*, <https://www.linkedin.com/pulse/small-medium-scale-businesses-need-forlegal-support-temitayo-ojo>.

quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Trên thực tế, vấn đề này ngày càng cấp bách và cần thiết, dựa trên việc xác định và phân tích hơn 300 trường hợp liên quan đến vi phạm quyền của các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ở cấp độ toàn cầu⁷. Theo đó, việc hỗ trợ pháp luật, hỗ trợ quyền kinh doanh cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa là việc làm cần được nghiên cứu và cảnh báo nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh, thúc đẩy kinh doanh phát triển. Trong nghiên cứu luận án tiến sĩ của tác giả, với các thông tin hữu ích trên khẳng định cho nhận định rằng, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được đánh giá như một nghĩa vụ hỗ trợ của Nhà nước (được coi là một loại hình dịch vụ công của nhà nước), các tổ chức dịch vụ pháp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo, coi đây là trách nhiệm chung của xã hội, của cộng đồng vì mục đích chung phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức ngoại thương Nhật Bản (JETRO) đã có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nước ngoài quan tâm đến các hoạt động kinh doanh tại Nhật Bản. Trong cuốn sách *"Laws & Regulations on Setting Up Business in Japan"* (Luật pháp và Quy định về thiết lập kinh doanh tại Nhật Bản) của tập thể tác giả Kiwamu Masai; Tomohide Koh; Hiroshi Shindo; Satoshi Nagaura và Tetsuo Tachibana do Tổ chức ngoại thương Nhật Bản (JETRO) xuất bản lần đầu tiên vào tháng 10 năm 2004 đã cung cấp các kiến thức pháp luật cho các doanh nghiệp nước ngoài quan tâm trong việc thiết lập các hoạt động tại Nhật Bản để thúc đẩy FDI, trong đó cung cấp thông tin về luật, quy định và thủ tục về đăng ký thành lập, thị thực, thuế, quản lý nguồn nhân lực, và hệ thống bảo vệ nhãn hiệu và thiết kế⁸. Đây là một trong những hình thức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu thiết lập kinh doanh, đầu tư vào Nhật Bản tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan nêu trên để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình. Nghiên cứu này chứng minh thêm cho kết quả nghiên cứu của Nghiên cứu sinh rằng, nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ ở doanh nghiệp trong nước mà các doanh nghiệp nước ngoài cũng rất cần thiết khi đầu tư, thiết lập hoạt động kinh doanh tại một đất nước khác và Nhật Bản là nước đã thực hiện hiệu

⁷AVSI Alessandro Costa, *Business and Human Rights: a challenge for enterprises?* www.avsi.org, truy cập ngày 15/10/2019.

⁸Kiwamu Masai; Tomohide Koh; Hiroshi Shindo; Satoshi Nagaura và Tetsuo Tachibana, *Laws & Regulations on Setting Up Business in Japan*, Invest Japan Department, Japan External Trade Organization, 2004.

quả việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hỗ trợ cho nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Nhật Bản.

- Đạo luật về Ủy ban Dịch vụ pháp lý 1977 của Australia cho thấy, từ năm 1977 Ủy ban Dịch vụ pháp lý Bang South Australia (legal services commission of SA) tại Australia được thành lập để điều phối các chương trình hỗ trợ pháp lý cho những người không có khả năng chi trả các dịch vụ pháp lý có thu phí như tư vấn pháp luật, giáo dục cộng đồng và đại diện pháp lý nhằm bảo đảm quyền bình đẳng của tất cả công dân trong việc tiếp cận công lý tại Bang South Australia⁹.

Theo đó, điểm C, khoản 1, Điều 10 của Đạo luật về Ủy ban Dịch vụ pháp lý năm 1977 nêu trên, quy định Ủy ban có nhiệm vụ xác định điều kiện được nhận khoản tài trợ từ trợ giúp pháp lý. Trên cơ sở đó, Ủy ban Dịch vụ pháp lý đã xác định 04 tiêu chí để được cấp trợ giúp, hỗ trợ pháp lý bao gồm: xác minh tài sản/thu nhập của người nộp đơn (*Means Test*), kiểm tra, đánh giá ưu điểm của vụ việc (*Merit Test*), tuân thủ hướng dẫn chung về trợ giúp, hỗ trợ pháp lý (*Guidelines*), vụ việc được giải quyết tại Bang South Australia (*Forums Test*). Đây là một trong những hình thức hỗ trợ pháp lý của Australia đối với công dân, trong đó có nhiều công dân hoạt động thương mại nhằm đảm bảo bình đẳng khi tiếp cận pháp luật và nâng cao năng lực pháp luật, ý thức pháp lý của người dân. Những kết quả nghiên cứu này minh chứng cho hoạt động hỗ trợ, trợ giúp pháp lý của Australia, theo đó, công dân nói chung, trong đó nhiều công dân hoạt động thương mại được bình đẳng khi tiếp cận pháp luật. Đây là một lý thuyết quan trọng cho Nghiên cứu sinh khi chứng minh kinh nghiệm nước ngoài để làm rõ đối tượng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

Ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến khái niệm, đặc điểm và vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó có những công trình tiêu biểu như sau:

- Ở Việt Nam, đến những năm đầu của thế kỷ XXI mới có các công trình nghiên cứu đầu tiên về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đó là đề tài “*Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và việc mở rộng thị trường dịch vụ pháp lý trong điều kiện hội nhập quốc tế*” do Bộ Tư pháp nghiên cứu từ

⁹<https://trogiupphaply.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/dieu-kien-duoc-tro-giup-phap-ly-tai-bang-south-australia>, truy cập 10/11/2019.

năm 2007 và nghiệm thu đầu năm 2008. Đây là công trình nghiên cứu được thực hiện trước khi Việt Nam ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Công trình nghiên cứu này nhằm mục đích khảo sát và cung cấp những luận cứ và tiền đề cho việc khuyến nghị xây dựng dự thảo Nghị định đầu tiên về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam (đây được coi là văn bản pháp lý đầu tiên và cao nhất về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cũng là Nghị định được coi là “Nghị định không đầu”¹⁰). Trong giai đoạn này chưa xuất hiện những công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam.

Đề tài trên đã đánh giá thực tiễn, nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường giai đoạn đầu và việc mở rộng thị trường dịch vụ pháp lý trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam với các nội dung chính như việc xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện pháp luật; thực trạng thi hành pháp luật của doanh nghiệp, đề xuất tăng cường công tác hỗ trợ việc thực hiện pháp luật cho doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; thực trạng hoạt động của đội ngũ luật sư tư vấn; định hướng phát triển thị trường dịch vụ pháp lý trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của tổ chức pháp chế ở các doanh nghiệp; doanh nghiệp và các cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về dịch vụ pháp lý; thực trạng của đội ngũ luật sư tư vấn, yêu cầu nâng cao chất lượng đáp ứng hoạt động của doanh nghiệp; thông tin pháp lý cho doanh nghiệp - những kết quả, khó khăn và giải pháp; vai trò của luật sư đối với doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế; vai trò của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đây là những thông tin rất quan trọng giúp Nghiên cứu sinh nhận thức được đầy đủ và có hệ thống quá trình hình thành và phát triển của các quy định pháp luật, các nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian ban đầu khi bắt đầu có các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để tiếp tục nghiên cứu trong Luận án.

- Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh*

¹⁰¹⁰ “Nghị định không đầu” là cách ví von của các nhà soạn thảo pháp luật khi nói đến các Nghị định được ban hành mà không có căn cứ là quy định của các Luật do Quốc hội ban hành.

ng nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội” do Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, thực hiện và nghiệm thu năm 2014. Đây là đề tài nghiên cứu về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước mà đầu mối là Sở Tư pháp thành phố Hà Nội và các sở, ngành liên quan và các tổ chức có liên quan như các tổ chức đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã... trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề án đã chỉ rõ, mặc dù Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhưng kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Những hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chính là về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng trên địa bàn thành phố.

Từ đó, Đề án đã đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai công tác hỗ trợ pháp lý trên địa bàn thành phố Hà Nội như: (1) đề xuất về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và các văn bản của chính quyền thành phố Hà Nội về các nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở, ban, ngành, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (2) cách thức phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong việc triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà đầu mối là Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; (3) cách thức phối hợp giữa các tổ chức đại diện doanh nghiệp và giữa các tổ chức đại diện doanh nghiệp với sở, ban, ngành thành phố khi triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (4) đề xuất giải pháp cần kiện toàn tổ chức pháp chế, nhân sự thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, quan tâm bố trí tài chính đối với các Sở, ban, ngành khi thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp... nhất là kiện toàn các Phòng, Ban pháp chế, nhân sự tại các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố; (5) đề xuất xây dựng mô hình phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là những thông tin hữu ích giúp cho Nghiên cứu sinh nghiên cứu và đưa ra các giải pháp thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam trong phần đề xuất các giải pháp của Luận án.

- Cẩm nang “*Chuyên đề về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*”, năm 2013, Nhà Xuất bản Tư pháp – Bộ Tư pháp. Cuốn cẩm nang này đã đưa ra được những vấn đề cơ bản về khái niệm, nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, hướng dẫn các nội dung thực hành, nghiệp vụ về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cụ thể như, theo cẩm nang này thì quy định việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được định nghĩa là quy định về hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý, điều kiện bảo đảm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng được hưởng chính sách (doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân kinh doanh); trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cẩm nang này đề cập đến các nội dung chủ yếu mang tính chất hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết nhưng cũng có nhiều nội dung về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các hướng dẫn chuyên đề theo các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Đây là những nội dung hữu ích cho Nghiên cứu sinh khi nghiên cứu và xây dựng khái niệm về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và là cơ sở để Nghiên cứu sinh đưa ra các nhận định về nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phần nội dung của luận án.

- “*Đề án tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An từ nay đến 2015*” của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, thực hiện năm 2009. Đề án này nghiên cứu thực trạng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An để từ đó đưa ra các giải pháp để củng cố thêm nhân sự, bố trí kinh phí và xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhằm tăng cường công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ năm 2009 đến năm 2015. Phạm vi nghiên cứu và các nội dung nghiên cứu xoay quanh việc triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và việc thực hiện công tác này của Sở Tư pháp và các Sở, ban ngành liên quan trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Đề án được coi là tài liệu quan trọng, hữu ích cung cấp cho Nghiên cứu sinh nhiều thông tin hữu ích về thực tiễn triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các địa bàn cấp tỉnh (Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất Việt Nam – với tổng diện tích 16.493km²). Với các số liệu cụ thể, liên quan đến thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp ở địa phương này, Đề án đã giúp Nghiên cứu sinh có thêm tư liệu thực tiễn để minh họa cho các nhận định của tác giả trong phần nội dung của luận án, trong đó

có việc cần xây dựng Quy chế phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

Ngoài ra, một số luận văn thạc sĩ ngành luật học tại Việt Nam cũng đề cập đến khái niệm, đặc điểm, vai trò của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Trong công trình “*Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam: thực trạng và giải pháp*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2015, Trần Minh Sơn đã nêu khái niệm và chỉ rõ các hình thức hỗ trợ pháp lý theo quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Luận văn chỉ rõ, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được hiểu theo 02 nghĩa (nghĩa chủ quan và nghĩa khách quan). *Theo nghĩa chủ quan*, thì hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là hoạt động (bao gồm các hành vi: xây dựng các chương trình hỗ trợ pháp lý, giải thích, tuyên truyền pháp luật, giải đáp pháp luật...) mà các cơ quan có liên quan (đặc biệt là các cơ quan nhà nước) thực hiện để giúp doanh nghiệp nâng cao tri thức pháp luật, ý thức tuân thủ pháp luật, khả năng tự giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nhờ các cơ quan, tổ chức khác giải quyết các tranh chấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. *Còn theo nghĩa khách quan*, thì hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là tổng hợp các quy định pháp luật được Nhà nước ban hành để quy định về các vấn đề có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, bao gồm các quy định pháp luật về đối tượng được hỗ trợ; hình thức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ; trách nhiệm của các chủ thể có nghĩa vụ thực hiện việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các chế tài do vi phạm trách nhiệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đây là những kiến thức khoa học hữu ích giúp tác giả đi sâu nghiên cứu về mặt lý luận công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đưa ra các nhận định, định nghĩa một cách khoa học về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong luận án.

- Trong công trình “*Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2012, Phan Thị Thu Thủy đã phân tích về sự cần thiết của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nêu khái niệm, nội dung và hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam, trao đổi về thực trạng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở nước ta hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam trong tình hình mới, trong đó có việc thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, bồi dưỡng kiến thức pháp

lý cho doanh nghiệp, xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; giải pháp về nhân lực và tài chính hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Quốc hội đã ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong các văn bản quy phạm pháp luật này đã đề cập và xử lý được nhiều vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến khái niệm, đặc điểm và vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, các luận văn nêu trên vẫn là nguồn tư liệu hữu ích để Nghiên cứu sinh tham khảo khi nghiên cứu các vấn đề lý luận về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong luận án tiến sĩ của mình.

1.1.2. Các nghiên cứu về hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Bài viết “*Cơ chế mới hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ làm thay đổi đời sống doanh nghiệp*”, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số 8 năm 2008. Nội dung cơ bản của bài viết là giới thiệu cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ghi nhận trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, được thực hiện thông qua các hoạt động như: xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành và các chương trình của Bộ, ngành và địa phương; giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp; tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật... Đây là những thông tin hữu ích cho Nghiên cứu sinh khi nghiên cứu làm rõ các nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong luận án của mình ở giai đoạn đầu khi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được triển khai ở Việt Nam.

- Trong Cẩm nang “*Chuyên đề về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*”, năm 2013, Nhà Xuất bản Tư pháp – Bộ Tư pháp đã đưa ra được những nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, đồng thời hướng dẫn một số vấn đề mang tính chất thực hành, nghiệp vụ liên quan đến kỹ năng xây dựng các tài liệu phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp; đối thoại và tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh nói riêng.

Cẩm nang này đã đề cập đến các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ghi nhận trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này đã được thay thế bằng các hình thức hỗ trợ pháp lý khác bởi Nghị định số

55/2019/NĐ-CP nhưng các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như các nội dung hướng dẫn nghiệp vụ trong Cẩm nang nêu trên vẫn là nguồn thông tin hữu ích cho Nghiên cứu sinh khi nghiên cứu về sự hình thành và phát triển của các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

- Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế *“Thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc”* của Phạm Thị Kim Oanh, Trường Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2015 đã cung cấp các thông tin về điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc, trong đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò to lớn trong việc thu hút, tạo việc làm cho lao động là người địa phương, lao động nông thôn, giải quyết việc làm cho trên 70 ngàn lao động.

Theo luận văn, ngoài những hạn chế như việc khó tiếp cận vốn vay, công nghệ lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, trình độ quản lý và chất lượng lao động thấp thì còn một hạn chế rất cơ bản khiến các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc mất khả năng cạnh tranh đó là năng lực tiếp cận với các chính sách pháp luật và thông lệ quốc tế trong kinh doanh. Đây là vấn đề đòi hỏi các cơ quan công quyền của tỉnh Vĩnh Phúc phải có những giải pháp nhằm tăng cường năng lực tiếp cận với các thông tin, chính sách, pháp luật và thông lệ quốc tế trong kinh doanh cho doanh nghiệp.

Luận văn đã giới thiệu các hình thức hỗ trợ pháp lý đặc thù cho doanh nghiệp, nhất là đối với hơn 8.300 doanh nghiệp dân doanh, hơn 250 doanh nghiệp FDI (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) (số liệu năm 2015) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, bởi các doanh nghiệp đang đóng góp khoảng 90% thu ngân sách địa phương. Chính vì vậy, tỉnh Vĩnh Phúc đã có những cơ chế, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả như thông tin một cách thường xuyên, cập nhật các chính sách, quy định pháp luật cho các doanh nghiệp; tổ chức định kỳ đối thoại đối với các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp FDI khi đầu tư, hoạt động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là những thông tin, tư liệu thực tiễn quan trọng về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc, làm nguồn tư liệu quan trọng để Nghiên cứu sinh bổ sung cho các nhận định của mình về tình hình thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các địa phương (cấp tỉnh) Việt Nam trong thời gian qua.

1.2. Các nghiên cứu về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Trên thế giới, trong phạm vi hiểu biết của tác giả, không có công trình nào nghiên cứu về thực trạng pháp luật Việt Nam về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Còn ở trong nước, một số công trình tiêu biểu phải kể đến là:

- Đề tài *“Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ pháp chế sở, ngành trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng”*, Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, thực hiện và nghiệm thu năm 2012. Đề tài này nghiên cứu những vấn đề liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng; do đó, đối tượng nghiên cứu chủ yếu là các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của đội ngũ cán bộ pháp chế sở, ngành và thực tiễn thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Kết quả của Đề tài đã chỉ ra những hạn chế về cơ chế, chính sách pháp luật hiện nay và những hạn chế trong thực tiễn thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại TP. Đà Nẵng, trong đó có việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố dẫn đến tình trạng chưa kịp thời, đồng bộ, thống nhất trong việc triển khai và phối hợp triển khai công tác này. TP. Đà Nẵng chưa ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố theo quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP; kinh phí dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại TP. Đà Nẵng chưa được quan tâm bố trí thỏa đáng; nhân sự thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các Sở, ngành thành phố hoàn toàn là kiêm nhiệm và đặc biệt là chưa xác định được trọng tâm trong nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại tỉnh nhà. Các nguyên nhân rút ra từ Đề tài là công tác phổ biến, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa hiệu quả; sự quan tâm của các cơ quan trên địa bàn thành phố về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa sâu sắc; sự phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý giữa các sở, ngành trên địa bàn chưa được chặt chẽ, nhịp nhàng. Từ đó, Đề tài cũng đã đưa ra được một số giải pháp khắc phục như tổ chức nhân sự, bố trí nhân sự tại các sở, ngành, nhất là nhân sự làm công tác pháp chế trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đầu mối thực hiện là Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng; Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời ban hành và triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; quan tâm

bố trí kinh phí từ ngân sách thành phố một cách hợp lý cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tóm lại, Đề tài nghiên cứu này đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho Nghiên cứu sinh khi nghiên cứu về nhân lực và tài lực hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các địa phương như một trong những yếu tố có vai trò vô cùng quan trọng trong việc triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các địa phương.

- *“Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay – một vài bất cập, nguyên nhân và kiến nghị”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số tháng 1(214)/2010. Nội dung cơ bản của bài báo là phân tích thực trạng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được triển khai từ năm 2008 (năm ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) đến 2010, những kết quả đạt được, những hạn chế cần phải khắc phục và những nguyên nhân để từ đó đưa ra các kiến nghị về cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động này trong thời gian tới. Đề xuất chính của bài báo này là cần phải có giải pháp đồng bộ tuyên truyền, phổ biến và đẩy mạnh việc triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP tại các Bộ, ngành và địa phương (bởi thời điểm bài viết này được công bố thì Nghị định số 66/2008/NĐ-CP mới được thực hiện gần 02 năm, vẫn còn nhiều bộ, ngành và địa phương chưa quan tâm triển khai Nghị định trên). Các kết quả nghiên cứu của bài báo này cung cấp thông tin cho Nghiên cứu sinh khi hoàn thiện các nội dung trong luận án liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua và giải pháp cụ thể phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện kinh tế xã hội của đất nước.

- *“Nâng cao hoạt động hỗ trợ pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên trong hệ thống Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam”*, của Nguyễn Thanh Bình, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 12/2010. Nội dung cơ bản của bài báo là xác định được tầm quan trọng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với tư cách là một nhiệm vụ quan trọng của hệ thống Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam để từ đó đề xuất các giải pháp, trong đó có giải pháp về tăng cường tổ chức, nhân lực, tài chính cho hoạt động hỗ trợ pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp hội viên trong hệ thống Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam từ Trung ương xuống các địa phương. Các thông tin trong bài viết từ thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số tổ chức xã hội - nghề nghiệp là Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đã cung cấp cho tác giả thêm các thông tin, minh

chứng cụ thể về vai trò của các tổ chức phi nhà nước trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian qua.

- *“Doanh nghiệp mong gì từ hỗ trợ pháp lý”*, của Trương Thanh Đức, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 12/2010. Nội dung cơ bản của bài báo là xác định các nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp hiện nay và trong thời gian tới, trong đó có nhu cầu về thông tin pháp lý, nâng cao kiến thức pháp luật kinh doanh, nhất là các kiến thức pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh...; giải đáp pháp luật; tiếp nhận các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật về kinh doanh nói riêng. Các thông tin trên cũng là nguồn thông tin hữu ích giúp tác giả nắm bắt được nguyện vọng, tâm tư, nhu cầu thực sự của doanh nghiệp, qua đó, đề xuất được các giải pháp hữu hiệu để đáp ứng được một cách kịp thời và đầy đủ dưới góc độ của các doanh nghiệp cần gì, cần hỗ trợ pháp lý như thế nào từ Nhà nước mới hiệu quả, thiết thực.

- *“Vai trò của Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 12/2010. Nội dung cơ bản của bài báo là xác định và củng cố vị trí, vai trò của Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp trong *“mái nhà pháp chế doanh nghiệp”* ở Việt Nam. Theo tác giả, với vai trò là *“cầu nối”* giữa các doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp phải giữ một vai trò đặc biệt trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là trong việc triển khai các hoạt động tư vấn pháp luật, giải đáp thắc mắc theo yêu cầu của doanh nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp ở Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014. Đây là các số liệu minh chứng hiệu quả và vai trò của Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua.

- *“Phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam”*, của Tô Hoài Nam, Ths. Lê Anh Văn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 5/2013. Nội dung cơ bản của bài báo là trên cơ sở xác định được vị trí, vai trò quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, xác định được nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam như nhu cầu thông tin pháp lý, nhu cầu xây dựng

mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn,... tác giả của bài báo đã đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong đó có việc triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014.

- *“Bước đột phá mới góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề, tháng 5/2013. Nội dung cơ bản của bài báo là tổng kết giai đoạn 1 của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 với các kết quả đạt được, những nhiệm vụ chưa hoàn thành để từ đó đề xuất các giải pháp về hoàn thiện cơ chế thực hiện nhằm tạo bước đột phá mới trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong các năm tiếp theo. Đây là các thông tin, số liệu hữu ích bổ sung cho số liệu minh chứng các giai đoạn hình thành và phát triển và kết quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được Nghiên cứu sinh xây dựng trong Luận án.

- *“Kết quả đáng ghi nhận của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014”*, của TS. Đinh Trung Tụng, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 5/2013. Nội dung cơ bản của bài báo là đánh giá các kết quả đạt được đáng được ghi nhận của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 như đã tạo được “dấu ấn” trong cộng đồng doanh nghiệp, tạo “cú hích” trong xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các Bộ, ngành và địa phương... Bài báo đã đề cập đến nhiều kết quả trong hoạt động thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; đào tạo kiến thức pháp lý cho doanh nghiệp; thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- *“Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2013 và định hướng hoạt động năm 2014”*, của PGS-TS. Dương Đăng Huệ, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 2/2014. Nội dung cơ bản của bài báo là phân tích các thành công cũng như các hạn chế và nguyên nhân của chúng trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2013 để từ đó đề xuất một số định hướng trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2014, trong đó, tập trung vào các hoạt động cơ bản như tập huấn kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp, tiếp tục duy trì và thiết lập mới mạng lưới tư

vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- *“Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính”*, của Hồ Thị Hằng, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 2/2014. Nội dung cơ bản của bài báo là làm nổi bật được các kết quả trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính do Bộ Tài chính chủ trì thực hiện trong thời gian qua như việc ban hành và triển khai kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong các lĩnh vực pháp luật về thuế, hải quan, tài chính, kế toán... Bài báo là nguồn tư liệu cho thấy việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong các lĩnh vực thuế, hải quan... là rất cần thiết và luôn được các doanh nghiệp quan tâm vì tính phức tạp và quan trọng của các vấn đề mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt hàng ngày.

- *“Nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 2/2014. Nội dung cơ bản của bài báo là có các định hướng nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới, trong đó, ưu tiên vấn đề hoàn thiện pháp luật, quan tâm bố trí nhân lực, vật lực cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhằm định hướng các hoạt động hỗ trợ pháp lý của bộ, ngành và địa phương; tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 bởi năm 2014 là năm kết thúc giai đoạn 2010-2014 của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, qua đó, bài báo đã đưa ra được các đề xuất về công tác rà soát, tổng kết các hoạt động, định hướng nội dung xây dựng báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn sau năm 2014 (giai đoạn đến năm 2020) nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

- *“Tạo bước tiến mới trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2015 - 2020”*, của Trần Minh Sơn, đăng trên Website điện tử của Tạp chí dân chủ và pháp luật (đường link: tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=171, truy cập ngày 02/6/2019).

Nội dung cơ bản của bài báo là nhận diện được công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong giai đoạn mới, theo đó, tập trung nguồn lực cho hoạt động thông tin, bồi dưỡng kỹ năng, pháp luật cho những người

làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các bộ, ngành và địa phương, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Bài viết cũng đã giới thiệu và phân tích các định hướng, giải pháp về cơ chế, chính sách, nhân lực, kinh phí và cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong giai đoạn mới của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp, mà trong đó trọng tâm là thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho doanh nghiệp... nhằm tạo bước tiến mới trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2015 – 2020. Bài viết dựa trên các nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020, các nội dung và hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này đã và đang được điều chỉnh theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, tuy nhiên, trong các nội dung bài báo là các số liệu thực tiễn quan trọng chứng minh kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý liên ngành trong giai đoạn 2015-2020, là nguồn số liệu minh chứng cho các lý luận cơ bản của Luận án của tác giả về thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ năm 2015 đến nay.

2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến Đề tài Luận án

2.1. Một số vấn đề liên quan đến Đề tài Luận án đã được nghiên cứu

Trên thực tế, ở Việt Nam, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên và là trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh lẫn các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu chuyên sâu, khoa học có hệ thống về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam cho đến nay vẫn chưa nhiều, đặc biệt là chưa có công trình nào ở cấp độ tiến sĩ luật học.

Qua tìm hiểu về tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài Luận án như đã nêu ở trên, tác giả đưa ra đánh giá bước đầu như sau:

Thứ nhất, về sự cần thiết, khái niệm, đặc điểm, vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Dưới góc độ lý luận, ở mức độ nhất định, các tác giả đã xây dựng được những luận cứ ban đầu về sự cần thiết cũng như khái niệm, vai trò, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, thực tiễn quy định pháp luật và thực tế triển khai công tác này ở Việt Nam trong thời gian qua.

Thứ hai, về hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Các tác giả đã phân tích nhiều đến hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, các tác giả chủ yếu đề cập đến các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP mà hầu như chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách sâu sắc, đầy đủ về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong pháp luật hiện hành (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP...) cũng như các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung, kết quả, hạn chế, khó khăn và giải pháp thực hiện.

Thứ ba, thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Các tác giả đã phân tích và đánh giá khá rõ thực trạng pháp luật điều chỉnh hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Song, các công trình trên nghiên cứu pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong điều kiện chưa ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP nên các kết quả nghiên cứu đó cũng có tính chất tham khảo một phần đối với việc nghiên cứu Đề tài mà Nghiên cứu sinh đã lựa chọn.

Thứ tư, các tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, các giải pháp vẫn chủ yếu tập trung vào việc khắc phục những hạn chế của hệ thống pháp luật thực định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung, cụ thể là sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2008/NĐ-CP mà chưa chú ý đến các giải pháp khắc phục lâu dài và toàn diện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

2.2. Những vấn đề liên quan đến Đề tài Luận án chưa được nghiên cứu

Từ việc phân tích các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án có thể rút ra một số đánh giá sau đây:

Thứ nhất, về mục tiêu của việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng. Xác định mục tiêu của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ có vai trò quyết định trong việc làm sáng tỏ các khác biệt trong pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam với các nước khác mà còn trong việc xác định phạm vi, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong khi đó, trong nhiều nghiên cứu về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở trong và ngoài nước, vấn đề mục tiêu của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn nhiều ý kiến

khác nhau, chưa được nghiên cứu có tính hệ thống trong một chuyên đề luận án Tiến sĩ. Ở Việt Nam, những phân tích về mục tiêu thực sự của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ. Qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP hiện nay cùng với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP...) cho thấy, chưa có đủ cơ sở để xác định rõ mục tiêu của chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay ở nước ta là gì.

Thứ hai, khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được định nghĩa rõ ràng. Thuật ngữ này được đề cập nhiều trong những năm gần đây, nhất là kể từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định phê duyệt các Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp; các Bộ, ngành và các địa phương ban hành các kế hoạch/Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực và địa bàn nhất định. Tại Việt Nam, Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (khoản 3 Điều 14) không đưa ra định nghĩa về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà chỉ đưa ra nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng chưa thật sự bao quát, khoa học, rõ ràng so với các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định và triển khai ở Việt Nam hiện nay. Các công trình nghiên cứu trong nước trong thời gian qua cũng chưa thừa sự dành nhiều thời gian nghiên cứu sâu việc xây dựng khái niệm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để làm nền tảng lý thuyết cho việc phân tích nội dung và hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà luận án sẽ hướng tới giải quyết.

Ngoài ra, hiện nay, các công trình nghiên cứu cũng chưa làm rõ trên các khía cạnh sự giống nhau và sự khác nhau giữa “*hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*” với “*trợ giúp pháp lý*” và “*tư vấn pháp luật*”. Vì vậy, luận án cũng nghiên cứu để trả lời cho vấn đề còn bỏ ngỏ này.

So với “*trợ giúp pháp lý*”, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có sự khác biệt căn bản về đối tượng thụ hưởng và loại vấn đề được trợ giúp. Đối tượng trợ giúp pháp lý là các cá nhân với tư cách là những người yếu thế hoặc có công với tổ quốc, trong khi đó,

đối tượng được hỗ trợ pháp lý lại là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc mọi thành phần kinh tế. Về nội dung, trợ giúp pháp lý bao gồm nhiều vấn đề liên quan đến pháp luật mà cá nhân được trợ giúp quan tâm¹¹; trong khi đó, nội dung (phạm vi) hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lại chỉ bao gồm một số vấn đề về chính sách, pháp luật¹² liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

So với hoạt động “*tư vấn pháp luật*”¹³ mà luật sư thực hiện thì hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có sự khác biệt, đó là hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là hoạt động dịch vụ công, do Nhà nước thực hiện hoặc đảm bảo thực hiện nhằm hỗ trợ miễn phí cho các doanh nghiệp, trong khi đó, hoạt động tư vấn pháp luật là loại dịch vụ tư và có thu phí theo quy định của Luật Luật sư.

Thứ ba, việc xác định đối tượng được Nhà nước hỗ trợ pháp lý đã có nhưng chưa thật sự hợp lý và khoa học. Các quốc gia sử dụng các tiêu chí khác nhau để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, tiêu chí về quy mô doanh nghiệp (doanh nghiệp nhỏ và vừa) là tiêu chí phổ biến nhất để thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Xuất phát từ trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước là khác nhau nên tiêu chí để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các quốc gia là khác nhau. Thực tế cho thấy, đến nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều chưa có một định nghĩa hoặc tiêu chí thống nhất về doanh nghiệp nhỏ và vừa, song có điểm chung là căn cứ vào doanh thu và số lao động, được chia thành 3 mức độ quy mô: doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa trong 3 lĩnh vực của nền kinh tế như: (1) nông lâm nghiệp, thủy sản; (2) công nghiệp và xây dựng; (3) thương mại và dịch vụ.

Việc xác định đúng tiêu chí doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm giúp xác định rõ đối tượng cần được Nhà nước hỗ trợ, qua đó đảm bảo việc hỗ trợ được hiệu quả, đúng đối tượng. Nghị định số 66/2008/NĐ-CP xác định đối tượng hỗ trợ pháp lý của Nhà nước là doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân kinh doanh (Điều 1); Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP đã xác định đối tượng hỗ trợ pháp lý hẹp hơn, chỉ bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, các chủ thể kinh doanh khác cũng có thể được áp dụng các hình thức hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và điều này được quyết định tùy thuộc vào nguồn lực của các bộ, ngành và chính quyền địa

¹¹ Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 (Luật số 69/2006/QH11).

¹² Điều 5 đến Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Từ Điều 7 đến Điều 12 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây).

¹³ Điều 22 Luật Luật sư năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2012.

phương cấp tỉnh (Điều 19 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP). Hiện nay, các công trình nghiên cứu trong nước đã tập trung nghiên cứu và phân tích sự cần thiết hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với tư cách là chủ thể kinh doanh chủ yếu ở nước ta. Đây là hướng nghiên cứu dựa trên pháp luật thực định hiện nay, tuy nhiên, để phản ánh chính xác nhu cầu cần được hỗ trợ về mặt pháp lý của các chủ thể kinh doanh khác đang hoạt động trong nền kinh tế nước ta, có khả năng tác động đến nền kinh tế trong tương lai, trong đó có các tổ chức, cá nhân kinh doanh khác không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, vấn đề xác định đối tượng cần được sự hỗ trợ pháp lý của Nhà nước trở thành vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ.

Thứ tư, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được nghiên cứu để xác định đầy đủ, hợp lý. Các văn bản pháp luật hiện hành không đưa ra định nghĩa đối tượng thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà chỉ liệt kê các đối tượng thực hiện công tác này. Việc liệt kê thường dẫn tới hậu quả là bỏ sót đối tượng thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên thực tế. Một số nghiên cứu đã dựa trên các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm xây dựng khái niệm đối tượng làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây cũng như Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp và các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các Bộ, ngành và địa phương hiện nay cũng lựa chọn cách liệt kê và mô tả các đối tượng thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thay vì xây dựng một khái niệm mang tính bao quát và xác định thẩm quyền của các cơ quan có liên quan trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Như vậy, về mặt lập pháp cũng như về mặt nghiên cứu khoa học pháp lý, cần quan tâm đến vấn đề nghiên cứu này.

Thứ năm, các vấn đề liên quan đến kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được quan tâm nghiên cứu. Như trên đã phân tích, pháp luật Việt Nam xác định các đối tượng thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo hướng liệt kê và mô tả hành vi, đồng thời cũng chưa xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, do đó, việc nhận diện đối tượng và thẩm quyền thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa thực sự thống nhất dẫn đến việc xác định trách nhiệm và tập trung nguồn lực kinh phí cho công tác này chưa

thực sự được quan tâm. Việc phân tích các đặc điểm và nhận dạng được bản chất của hành vi hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là hết sức cần thiết trong việc quyết định nhiều vấn đề, trong đó có một vấn đề quan trọng là bố trí kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước là chủ yếu hay từ các nguồn khác ngoài nhà nước là chủ yếu. Các công trình trong nước hiện nay cũng chưa dành nhiều sự quan tâm thích đáng cho việc nghiên cứu vấn đề này và vì vậy, nó trở thành một nhiệm vụ quan trọng của Nghiên cứu sinh.

Thứ sáu, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tuy đã được ghi nhận trong pháp luật nhưng chưa được nghiên cứu một cách khoa học, có hệ thống. Các công trình nghiên cứu đều cho rằng, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mặc dù rất đa dạng nhưng đều hướng tới mục tiêu là tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, nâng cao ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, có thể xếp các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thành 2 nhóm cơ bản. Đó là nhóm hình thức hỗ trợ trực tiếp và nhóm hình thức hỗ trợ gián tiếp. Việc phân biệt các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như vậy là cần thiết do chúng có đối tượng áp dụng khác nhau và nội dung cũng khác nhau. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam không phân loại các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề về sự cần thiết phải phân nhóm hình thức hỗ trợ pháp lý và tiêu chí của việc phân nhóm này cũng cần phải được đặt ra để nghiên cứu một cách thấu đáo, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác này trong thực tiễn.

Thứ bảy, các bước trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được nghiên cứu một cách chính thống; các cơ quan có thẩm quyền chưa quan tâm đến việc đánh giá kết quả và tổng kết hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Hỗ trợ pháp lý là một hoạt động bao gồm nhiều công đoạn, nhiều hành vi, có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau. Do đó, để hoạt động này đạt hiệu quả cao thì một vấn đề quan trọng đặt ra là làm sao nghiên cứu để thiết lập được một trình tự, thủ tục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa đơn giản, vừa hiệu quả, không mất nhiều thời gian và công sức của các chủ thể tham gia. Trong khi đó, pháp luật hiện hành không có quy định cụ thể về vấn đề này và các công trình nghiên cứu khoa học pháp lý cũng chưa quan tâm đến việc giải quyết vấn đề này. Vì vậy, đây là vấn đề mà Nghiên cứu sinh sẽ quan tâm

nghiên cứu, giải quyết. Ngoài ra, thực tiễn thi hành hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thời gian qua cũng cho thấy việc tổng kết hoạt động này hầu như không được mấy quan tâm. Tình trạng này ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, việc đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và việc tiếp nhận các phản hồi của doanh nghiệp về hoạt động này cũng cần được quan tâm giải quyết trong thời gian tới.

Thứ tám, chưa nghiên cứu một cách hệ thống và làm rõ nội dung và các nguyên tắc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong một thời gian dài, hệ thống pháp luật Việt Nam có xu hướng mặc nhiên coi việc thực thi pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp (nhất là giai đoạn trước năm 2008 – thời điểm chưa ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), do đó, doanh nghiệp phải tự tìm hiểu pháp luật và tự xử lý các vấn đề pháp lý trong kinh doanh; Nhà nước không có trách nhiệm gì trong việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp. Xu hướng này đang dần dần có sự thay đổi ở nước ta. Từ những năm sau 90, việc quy định trách nhiệm của Nhà nước đối với doanh nghiệp đã được bắt đầu ghi nhận trong các văn bản pháp luật dựa trên khía cạnh kinh tế nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam. Lần đầu tiên, vào năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ghi nhận ngày doanh nhân Việt Nam 13/10 hàng năm và cũng lần đầu tiên Nhà nước chuyển hướng xác định doanh nghiệp từ đối tượng “bị quản lý” sang đối tượng được Nhà nước “phục vụ”. Đặc biệt là cùng với việc ban hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/2016/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải dựa trên các nguyên tắc như các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được áp dụng cho mọi loại hình chủ thể kinh doanh, không phân biệt hình thức sở hữu, quy mô kinh doanh và lĩnh vực hoạt động nhưng phải lấy doanh nghiệp nhỏ và vừa làm đối tượng chủ yếu; các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần bảo đảm nguyên tắc Nhà nước không làm thay công việc của doanh nghiệp, mặt khác cũng phải bảo đảm việc hỗ trợ của Nhà nước không làm hạn chế sự phát triển của thị trường dịch vụ tư vấn pháp lý nói chung và thị trường dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng; nội dung của các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trên cơ sở có tính đến điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể của từng ngành, từng địa phương trong từng thời kỳ, bảo đảm sự hài hòa giữa

trách nhiệm hỗ trợ với nguồn lực thực tế về tài chính, nhân sự của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương; tăng cường đầu tư, đổi mới các hình thức, phương thức hỗ trợ pháp lý theo hướng xã hội hóa, huy động sức mạnh của các tổ chức xã hội, đoàn thể các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và công tác hỗ trợ pháp lý.

Có thể kết luận là, các công trình nghiên cứu trong nước bước đầu, trong một giai đoạn nhất định mới chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu nhất định (1) kết quả thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (2) xác định nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và (3) giới thiệu về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà chưa đi sâu nghiên cứu, phân tích một cách toàn diện, có hệ thống, tổng thể khoa học các vấn đề có liên quan để từ đó đưa ra các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới như (i) việc hoàn thiện pháp luật về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (ii) hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của cán bộ thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (iii) tăng cường nguồn lực thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; và (iv) tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, giữa các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong quá trình tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy vậy, những gì đã đạt được như đã trình bày ở phần trên vẫn được coi là những tài liệu nghiên cứu quan trọng và Nghiên cứu sinh sẽ tham khảo, tiếp thu khi thực hiện việc nghiên cứu đề tài luận án của mình.

3. Lý thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

3.1. Lý thuyết nghiên cứu

- Lý thuyết về chức năng kinh tế của Nhà nước, đặc biệt là Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa, theo đó:

- + Nhà nước có chức năng kinh tế;
- + Khái niệm và nội dung của chức năng kinh tế (một trong những biểu hiện của chức năng kinh tế của Nhà nước là Nhà nước tạo môi trường pháp lý dễ dàng, bình đẳng, thuận lợi để mọi doanh nghiệp hoạt động. Do đó, hỗ trợ pháp lý rất được Nhà nước quan tâm và đó là một trong những công việc quan trọng thể hiện chức năng kinh tế của Nhà nước).

- Lý thuyết về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một loại dịch vụ công mà Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo phải thực hiện cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo.

Lý thuyết về các đặc điểm của dịch vụ công trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như xét về chủ thể cung cấp, đối tượng thụ hưởng, quy trình, thủ tục cung cấp dịch vụ, cơ chế kiểm soát, bảo đảm chất lượng dịch vụ công của Nhà nước.

- Lý thuyết về sự nâng đỡ (hoặc bảo vệ) bên yếu thế trong nền kinh tế thị trường:
- + Bình đẳng trong kinh doanh là yêu cầu của kinh tế thị trường;
- + Muốn bình đẳng thì Nhà nước phải có biện pháp bảo vệ bên yếu thế, tạo điều kiện để làm cho bên yếu thế (doanh nghiệp nhỏ và vừa là bên yếu thế trên thương trường) có được khả năng tốt hơn trong quan hệ với các chủ thể mạnh lớn hơn. Do đó, hỗ trợ pháp lý cũng là biện pháp mà Nhà nước phải dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khi về nguyên tắc Nhà nước vẫn phải bảo đảm sự trung gian, vô tư, khách quan trong quan hệ với mọi chủ thể sản xuất, kinh doanh, không phân biệt quy mô kinh doanh, lĩnh vực đầu tư, hình thức sở hữu, thành phần kinh tế.

3.2. Một số câu hỏi nghiên cứu

Luận án được triển khai với những câu hỏi nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, sự cần thiết của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay và trong tương lai? khái niệm, đặc điểm, đối tượng (đối tượng thực hiện; đối tượng thụ hưởng), mục tiêu, các nguyên tắc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như thế nào? Pháp luật và các hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp? việc hỗ trợ nên hỗ trợ cho doanh nghiệp nói chung hay chỉ doanh nghiệp nhỏ và vừa? đối tượng khác ngoài doanh nghiệp nhỏ và vừa như doanh nghiệp lớn, các nhà đầu tư nước ngoài, hợp tác xã, hộ kinh doanh... có phải có chính sách hỗ trợ pháp lý hay không?

Thứ hai, hiện nay hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế chung của thế giới không? Có đáp ứng được nhu cầu và mục tiêu của doanh nghiệp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hay không và mục tiêu của nhà nước khi thực hiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp?

Thứ ba, định hướng cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới nên như thế nào? kinh nghiệm của các quốc gia khác trong việc hỗ trợ pháp

lý cho doanh nghiệp nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng như thế nào, có vận dụng được ở Việt Nam không?

Thứ tư, với những những kết quả đạt được nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập như nghiên cứu của luận án thì cần phải có những phương hướng và giải pháp gì để hoàn thiện pháp luật và các giải pháp như thế nào để nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay và trong thời gian tới?

3.3. Giả thuyết nghiên cứu

Thứ nhất, sự ra đời của cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được luận giải một cách khoa học trong mối quan hệ với trách nhiệm của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thứ hai, xuất phát từ quan điểm cho rằng, thực thi pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp và Nhà nước không có trách nhiệm gì trong việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm này nên đã dẫn đến nhiều khó khăn, vướng mắc và tính không hiệu quả của việc triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua. Do vậy, cần nhìn nhận việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa (nhất là vấn đề thông tin pháp luật) là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Thứ ba, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp về cơ bản là đầy đủ nhưng chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn nên cần phải nghiên cứu làm rõ hơn nữa nội dung của quy định pháp luật hiện hành, phát hiện những vướng mắc, bất cập, thiếu sót để làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như tăng cường tính hiệu quả của công tác này trong thực tiễn.

Thứ tư, quan điểm, định hướng hoàn thiện quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thụ hưởng các hỗ trợ pháp lý của nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

KẾT LUẬN PHẦN TỔNG QUAN

Từ việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu khoa học khác nhau có liên quan đến đề tài luận án đã được công bố trong và ngoài nước trong thời gian qua, tác giả có thể đưa ra một số nhận định như sau:

1. Hầu hết các tài liệu đều sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin; phương pháp thu thập, phân tích số liệu, xử lý thông tin, chất lọc thông tin (từ thông tin xã hội đến thông tin các bài báo, đề tài, luận văn, bài viết, các quan điểm của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật...); phương pháp tổng hợp, phân tích, bình luận, thống kê cũng được áp dụng khá nhiều để đưa ra những đánh giá về quan điểm, cách tiếp cận, nhìn nhận vấn đề cần nghiên cứu làm rõ của từng tác giả đã thực hiện các công trình nghiên cứu. Đây là những phương pháp chính được nhiều tác giả sử dụng nhất khi nghiên cứu các vấn đề về lý luận và thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đối với các nghiên cứu do các tác giả nước ngoài thực hiện, phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phương pháp định lượng, phương pháp khảo sát thực tiễn, phương pháp phỏng vấn các doanh nghiệp nhỏ và vừa... chính vì vậy, các số liệu thu thập được, các nhận định có độ tin cậy cao cho công trình nghiên cứu.

2. Về nội dung nghiên cứu, các công trình nghiên cứu mặc dù được tiếp cận theo các cách thức khác nhau nhưng những công trình nghiên cứu đều thể hiện quan điểm của các tác giả về những vấn đề nghiên cứu, bình luận. Đi sâu vào các công trình nghiên cứu như đã hệ thống hóa, có thể thấy một số vấn đề chú ý sau:

Một là, các công trình bước đầu đã làm rõ được những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở nước ta. Đặc biệt là, ở một mức độ nhất định, có một số công trình đã nhận định được một cách đúng đắn rằng, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là trách nhiệm của nhà nước, là cách thức, thông qua đó, Nhà nước thực hiện được chức năng kinh tế của mình.

Hai là, có nhiều công trình ở tầm luận văn thạc sĩ nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, khoa học liên quan đến khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và các vấn đề xã hội xoay quanh khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cụ thể là, bước đầu phân biệt giữa hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Nhà nước với các dịch vụ hỗ trợ pháp

lý của các tổ chức dịch vụ pháp lý, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, các công trình mới chỉ dừng lại ở việc đưa ra những định nghĩa, khái niệm về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mang tính truyền thống của Việt Nam trên cơ sở tiếp cận quy định pháp luật thực định và thực tiễn diễn ra trong thời gian qua. Hầu hết các tác giả nghiên cứu trong nước đều cho rằng, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một nhiệm vụ của nhà nước. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu trước đây cũng đã cho thấy nội hàm của pháp luật về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một tập hợp các quy phạm pháp luật quy định về đối tượng, nội dung, hình thức và trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên nhìn chung, các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ.

Ba là, hiện nay chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào ở cấp nghiên cứu sinh Tiến sĩ đưa ra các định hướng, các giải pháp một cách tổng thể, lâu dài nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện cũng chỉ mang tính chất cục bộ, chắp vá và liên quan đến từng khía cạnh, từng nội dung về khách thể, chủ thể, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà chưa nghiên cứu một cách tổng thể các vấn đề có liên quan.

Tóm lại, có khá nhiều công trình nghiên cứu như đã kể trên nghiên cứu về vấn đề hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ mặt lý luận cho đến thực tiễn thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp dưới các góc độ, khía cạnh khác nhau. Vì vậy, các công trình nghiên cứu trên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, làm cơ sở quan trọng để Luận án nghiên cứu và tham khảo phát triển những kiến nghị mới, đầy đủ, toàn diện và xác đáng hơn. Đặc biệt là những nội dung còn bỏ ngỏ hoặc chưa được giải quyết triệt để sẽ là những gợi mở quan trọng để tác giả định hướng cho những vấn đề nghiên cứu tiếp theo mà tác giả sẽ thực hiện.

Chương 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

Trong tổng số 624.000 doanh nghiệp Việt Nam¹⁴ thì 97,7% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ. Nghị định số 66/2008/NĐ-CP xác định rõ đối tượng hỗ trợ pháp lý là doanh nghiệp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với mọi doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, hình thức tổ chức, quy mô kinh doanh và lĩnh vực hoạt động (khoản 1 Điều 3). Doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP được hiểu là doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân kinh doanh (Điều 1).

Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đến Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được ban hành (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) mặc dù tên gọi là Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng tại Điều 19 Nghị định quy định hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể như sau: “Tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

Trên thực tế từ năm 2008 (năm ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) đến nay (khi ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vẫn thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung (tùy thuộc vào nguồn lực) không phân biệt hình thức sở hữu và quy mô hoạt động, nhưng tập trung nguồn lực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chính vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, Nghiên cứu sinh vẫn sử dụng thuật ngữ “hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” là chủ yếu, tuy nhiên, các hiểu ở đây là hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung, trong đó tập trung vào hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1. Những vấn đề lý luận về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

¹⁴ Tính đến hết năm 2019.

1.1.1.1. Khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, do vẫn còn có những quan điểm khác nhau về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này nên chưa có một khái niệm chính thức về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung trên thế giới trong phạm vi hiểu biết của tác giả và ngay tại Việt Nam cũng có những quan điểm còn khác nhau.

*Quan điểm thứ nhất*¹⁵ của một số nước trên thế giới và ngay tại Việt Nam cũng có ý kiến cho rằng, doanh nghiệp phải tự thân thực hiện pháp luật, Nhà nước không được hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vì hành động này có thể làm ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường dịch vụ pháp lý tại Việt Nam, có thể gây bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp với nhau.

*Quan điểm thứ hai*¹⁶ của một số nước và Việt Nam đã được ghi nhận trong văn bản quy phạm pháp luật thì cho rằng, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo là một loại dịch vụ công, là một chức năng, nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là hợp lý, cần thiết, không mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp và không vi phạm các cam kết quốc tế cũng như thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới (hầu hết các nước thuộc Cộng đồng chung Châu Âu coi việc thông tin và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng là trách nhiệm của Nhà nước. Tại Cộng hòa Pháp, năm 1978 đã ban hành Luật số 78-753 quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm trả lời chính xác mọi câu hỏi của cá nhân và doanh nghiệp có liên quan đến các quy định pháp luật¹⁷. Tại nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... bên cạnh việc hỗ trợ trực tiếp về tài chính, kỹ thuật, cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đang

¹⁵Trần Hữu Huỳnh, Trưởng ban Pháp chế của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại Hội thảo ngày 9/8/2007 do Bộ Tư pháp tổ chức tại Hà Nội.

¹⁶Trương Thanh Đức (2010), *Doanh nghiệp mong gì từ hỗ trợ pháp lý*, Tạp chí dân chủ và pháp luật. PGS-TS. Dương Đăng Huệ (2/2012), *Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2013 và định hướng hoạt động năm 2014*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

¹⁷ Nguồn: Báo cáo của Chương trình hỗ trợ kỹ thuật của EC cho Việt Nam (ETV2) tại Hội thảo: "Kinh nghiệm một số nước về trợ giúp pháp luật cho doanh nghiệp và nghiên cứu vận dụng tại Bộ Tài chính" ngày 15/11/2007.

được vận hành hiệu quả, đặt trọng tâm vào các giải pháp phòng tránh rủi ro pháp lý trong kinh doanh, hỗ trợ cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp tại các quốc gia này tránh những thua thiệt không đáng có, ngày càng khẳng định vị thế không chỉ tại thị trường nội địa mà ngày càng phát triển vững bền trên trường quốc tế). Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không những không ảnh hưởng đến thị trường dịch vụ pháp lý mà còn là biện pháp thúc đẩy thị trường dịch vụ pháp lý ở Việt Nam phát triển.

*Loại quan điểm thứ ba*¹⁸ của một số nước và ở Việt Nam vẫn có một số quan điểm vẫn cho rằng, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là trách nhiệm của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp phải là tổ chức nòng cốt và chủ yếu trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thành viên; Nhà nước chỉ đóng vai trò quản lý nhà nước đối với công tác này.

Mỗi loại quan điểm nêu trên đều có những cơ sở, lý lẽ riêng, tuy nhiên, theo tác giả, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới vẫn cần phải được coi là một nhiệm vụ (chức năng) quan trọng của Nhà nước ta với các lý do như: (1) nhận thức về pháp luật của nhiều chủ sở hữu, doanh nghiệp còn hạn chế (97,7% doanh nghiệp Việt Nam là vừa và nhỏ, nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ)¹⁹; (2) nhiều doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong việc thực hiện pháp luật (kể cả việc tiếp cận thông tin pháp luật và thuê dịch vụ tư vấn pháp luật). Trong khi đó, các công chức, cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự quan tâm, làm tròn trách nhiệm trong việc thông tin, hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật cho doanh nghiệp²⁰; nhiều thắc mắc, ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về các quy định pháp luật chưa được giải đáp kịp thời và chưa tiếp thu hiệu quả các ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp trong việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật, nhất là các quy định pháp luật trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

¹⁸Luật gia Vũ Xuân Tiền - Giám đốc Công ty Tư vấn VFAM Việt Nam tại Hội thảo ngày 9/8/2007 do Bộ Tư pháp tổ chức tại Hà Nội.

¹⁹ Báo cáo số 150/BC-TCTK ngày 27/9/2019 của Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

²⁰ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Trên thực tế, từ năm 2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó đã thiết lập cơ chế thực hiện các hình thức, nội dung của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoạt động này với một số vấn đề khác có liên quan. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014, định hướng đến năm 2020 (*Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện và điều chỉnh các hoạt động Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014*), Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTP-BTC ngày 12/10/2010 hướng dẫn lập, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi Bộ, ngành và địa phương như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Bình Phước, Phú Thọ, Quảng Ngãi... Đặc biệt, ngày 12/6/2017, Quốc hội khóa XIV tại kỳ họp thứ ba ngày 12/6/2017 đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, trong đó, tại Điều 14 đã quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa²¹. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm thực hiện khoản 3 Điều 14 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết về hỗ trợ doanh nghiệp như: Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, theo đó, Chính phủ cam kết đổi mới môi trường kinh doanh cũng như đưa ra những đích đến rất cụ thể cho doanh nghiệp Việt Nam như xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, phấn đấu đến năm 2020 cả nước có 1 triệu

²¹Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định như sau: “...2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên. 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

doanh nghiệp²² hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh; Nhà nước kiến tạo, lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh và phát triển; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến doanh nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo có đủ phẩm chất, năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Ngày 28/4/2016, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP trong đó đã xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2016 - 2017 và định hướng đến năm 2020.

Các chính sách trên cùng với sự ra đời của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và các văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và đặc biệt là việc triển khai các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua đã thể hiện nhất quán quan điểm của Đảng và Nhà nước, theo đó, cần phải coi hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một chức năng của Nhà nước, có tính chất lâu dài chứ không phải nhất thời như một số người đã từng quan niệm.

Như vậy, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo) đã và đang được Đảng và Nhà nước quan tâm. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được hiểu một cách thống nhất. Từ điển Luật học – Nhà Xuất bản Từ điển Bách Khoa, Nhà Xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2006, chưa đưa ra được khái niệm về “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”. Đề tài khoa học của Bộ Tư pháp năm 2008 về “Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và việc mở rộng thị trường dịch vụ pháp lý trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế” cũng chưa làm rõ khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà chủ yếu nghiên cứu về các hình thức và cơ chế hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Theo Đại từ điển tiếng việt, do Nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội xuất bản năm 1998 cũng định nghĩa khái niệm “hỗ trợ”, theo đó, hỗ trợ được hiểu là “*Sự giúp đỡ nhau, giúp thêm vào*”²³. Sự hỗ trợ theo Đại từ điển tiếng việt cho thấy thường được thực hiện khi đối tượng hỗ trợ yếu hoặc chưa đủ mạnh ở một góc độ nào đó. Việc hỗ trợ

²²Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ: đặt mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam đạt 1 triệu doanh nghiệp. Tuy nhiên, năm 2020 mới đạt 624.000 doanh nghiệp (đạt 62,4% tỷ lệ mục tiêu đã đề ra).

²³Nguyễn Như Ý (Chủ biên), Đại từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1998, trang 835.

pháp lý cho doanh nghiệp là một trong những biện pháp do Nhà nước thực hiện, thông qua đó mà tác động tích cực vào hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhiệm vụ này lại càng quan trọng hơn khi hiện nay, các doanh nghiệp Việt Nam đang thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật. Tuy nhiên, Nhà nước không phải là chủ thể duy nhất có thể hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, mà còn có các thiết chế khác như các hiệp hội doanh nghiệp, câu lạc bộ, luật sư, luật gia... Các chủ thể này cũng có thể cùng Nhà nước thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhưng Nhà nước luôn phải đóng vai trò chỉ đạo.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 không đưa ra định nghĩa “hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa” là như thế nào nhưng trong các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như: (1) hỗ trợ tiếp cận tín dụng; (2) hỗ trợ thuế, kế toán; (3) hỗ trợ mặt bằng sản xuất; (4) hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; (5) hỗ trợ mở rộng thị trường; (6) hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; và (7) hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Thì hỗ trợ pháp lý (nội dung hỗ trợ thứ 6) được đánh giá là nội dung hỗ trợ xuyên suốt trong 6 nội dung hỗ trợ còn lại được quy định trong Luật.

Theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (khoản 1 Điều 3) thì hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là việc bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện các hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật²⁴; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý²⁵ nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được hiểu theo nghĩa bao hàm như sau:

- Theo đó, theo quy định của pháp luật hiện hành thì hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một lĩnh vực hoạt động của cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương mà

²⁴Bao gồm: (1) cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật; (2) cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý; (3) dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp; (4) dữ liệu về văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa; (5) dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật.

²⁵ Bao gồm: Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành; Chương trình hỗ trợ pháp lý bộ, ngành và Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương.

nội dung cơ bản của nó là xây dựng chương trình, kế hoạch; triển khai chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc áp dụng các hình thức, nội dung hỗ trợ; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp²⁶.

- Nói cách khác, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được hiểu là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Sở, ban, ngành...) thực hiện một số công việc do pháp luật quy định nhằm nâng cao tri thức pháp luật cho doanh nghiệp, hình thành ở họ ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, góp phần phòng ngừa, hạn chế tranh chấp, vi phạm pháp luật, qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tóm lại, theo quan điểm của Nghiên cứu sinh, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của mình để triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp²⁷.

Nhà nước phải ban hành pháp luật để quy định mọi vấn đề liên quan đến hình thức hỗ trợ pháp lý quan trọng này, từ đối tượng được hỗ trợ pháp luật, nội dung, hình thức, phương thức trợ giúp pháp lý, mức độ trợ giúp, trách nhiệm của các chủ thể có liên quan đến hoạt động trợ giúp, chế tài do vi phạm nghĩa vụ này... tất cả các quy định đó tạo thành pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của pháp luật về hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung.

1.1.1.2. Đặc điểm của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

²⁶PGS.TS. Dương Đăng Huệ, tham luận về “Xác định vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” tại Hội thảo ngày 14/9/2017 tại Hà Nội do Bộ Tư pháp phối hợp JICA (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản) tổ chức.

²⁷ Về định nghĩa khái niệm, nhiều khái niệm quan trọng không thể định nghĩa trong luật hay luật học. Ví dụ, giới luật học đã tranh luận hàng trăm năm về khái niệm thương mại nhưng không có khái niệm chính xác nên trong Luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài thương mại đã chọn phương pháp liệt kê nhưng vẫn bỏ ngỏ theo cách “bao gồm... nhưng không giới hạn”. Đây là cách được sử dụng khá nhiều và tùy từng trường hợp cụ thể sẽ do thẩm phán và trọng tài viên giải thích.

Qua nghiên cứu quy định pháp luật hiện hành, thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và tham khảo các công trình nghiên cứu về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cho thấy, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có những đặc điểm cơ bản sau đây:

***Thứ nhất,** hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo) là một hoạt động phản ánh chức năng kinh tế của nhà nước.*

Hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng được nhiều nước trên thế giới quan tâm thực hiện không chỉ như một hoạt động bình thường, nhất thời mà là một công việc mang tính bản chất, thuộc chức năng của Nhà nước. Đó là vì: (1) Nhà nước có nhiệm vụ thiết lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc mọi quy mô kinh doanh; (2) để thực hiện được nhiệm vụ này của mình thì Nhà nước nào cũng phải có chính sách ưu tiên nhất định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nói cách khác, hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng là một trong các biện pháp mà Nhà nước cần phải thực hiện để đảm bảo sự bình đẳng trên thực tế giữa các doanh nghiệp có quy mô kinh doanh khác nhau.

Chức năng kinh tế của Nhà nước là một trong những vấn đề cơ bản của lý luận Nhà nước và pháp luật, gắn liền với những phạm trù bản chất, nhiệm vụ, hình thức và phương pháp hoạt động của Nhà nước... vì mục đích phát triển kinh tế. Theo từ điển tiếng Việt, “*chức năng*” là từ gốc Hán bao gồm hai thành tố “chức” và “năng”. Thành tố “chức” trong các từ “chức phận”, “chức trách”, “chức vụ”. Thành tố “năng” trong các từ “bản năng”, “năng lực”, “khả năng”. Chức năng được hiểu với hai sắc thái nghĩa là “hoạt động, tác dụng bình thường” và “vai trò bình thường hoặc đặc trưng”. Như vậy, chức năng kinh tế Nhà nước được hiểu như là hoạt động, khả năng vốn có của Nhà nước trong việc điều hành và phát triển kinh tế.

Theo cách hiểu truyền thống, chức năng kinh tế của Nhà nước là những phương diện (những phương hướng, mặt, dạng, loại) hoạt động chủ yếu của Nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ kinh tế đặt ra trước Nhà nước; chức năng kinh tế Nhà nước là sự thể hiện vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế, xã hội, là biểu hiện cụ thể năng lực của Nhà nước; chức năng của Nhà nước chính là

những nhiệm vụ cơ bản của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển cụ thể... Trong điều kiện hiện nay, để góp phần phản ánh rõ nét chức năng kinh tế của nhà nước trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, theo quan điểm của Nghiên cứu sinh cần tiếp cận phạm trù chức năng nhà nước gắn liền với bản chất và vai trò của Nhà nước đối với đời sống xã hội, đồng thời trong mối quan hệ chặt chẽ với chức năng kinh tế, chức năng chính trị của Nhà nước. Như vậy, từ phạm trù chức năng của Nhà nước thể hiện vai trò của Nhà nước đối với đời sống xã hội có thể hình thành nên khái niệm chức năng kinh tế của Nhà nước như là một bộ phận của khái niệm chức năng nhà nước, cũng như chức năng xã hội, chức năng chính trị của Nhà nước. Từ đó có thể hiểu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một hoạt động phản ánh chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (hay chức năng tổ chức và quản lý kinh tế) được hiểu là những hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất mang tính thường xuyên, liên tục thể hiện bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm thực hiện các mục tiêu cơ bản của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế (thông qua hỗ trợ để phát triển doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo).

Thứ hai, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa) là một loại dịch vụ công mà nhà nước có trách nhiệm đảm bảo thực hiện.

Dịch vụ công là những hoạt động phục vụ các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân vì lợi ích chung của xã hội, do nhà nước chịu trách nhiệm trước xã hội (trực tiếp đảm nhận hay ủy quyền và tạo điều kiện cho khu vực tư thực hiện) nhằm bảo đảm ổn định và công bằng xã hội. Theo GS. TS Lê Chi Mai²⁸ trong nghiên cứu về dịch vụ công có dẫn chứng quan điểm nghiên cứu dịch vụ công mà Chính phủ cung ứng có bao gồm:... các hoạt động lập quy thi hành pháp luật; cung cấp thông tin tư vấn... (theo GS. Jim Armstrong về các dịch vụ công mà Chính phủ cung ứng)²⁹.

Dịch vụ công có các đặc trưng: (1) đó là các hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho lợi ích chung, thiết yếu, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các tổ chức và công dân; (2) do nhà nước

²⁸ “Cải tiến việc cung ứng dịch vụ công, một giải pháp quan trọng để đạt được mục tiêu cải cách hành chính”. Tác giả: GS. TS. Lê Chi Mai. Tạp chí Thanh tra, số 3, 2001.

²⁹<https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/05/24/d%E1%BB%8Bch-v%E1%BB%A5-cng/#:~:text=D%E1%BB%8Bch%20v%E1%BB%A5%20c%C3%B4ng%20l%E1%BB%AFng,nh%C6%B0%20C4%91i%E1%BB%87n%2C%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc%20sinh%20ho%E1%BA%A1t%E2%80%A6> (truy cập ngày 11/9/2020).

chịu trách nhiệm trước xã hội (trực tiếp cung cấp hoặc ủy nhiệm việc cung cấp). Ngay cả khi nhà nước chuyển giao dịch vụ này cho tư nhân cung cấp thì nhà nước vẫn có vai trò điều tiết đặc biệt nhằm bảo đảm sự công bằng trong phân phối các dịch vụ này và khắc phục các khiếm khuyết của thị trường; (3) là các hoạt động có tính chất phục vụ trực tiếp, đáp ứng các nhu cầu, quyền lợi hay nghĩa vụ cụ thể và trực tiếp của các tổ chức và công dân; (4) bảo đảm tính công bằng và tính hiệu quả trong cung cấp dịch vụ.

Ở Việt Nam, tập trung nhiều hơn vào chức năng phục vụ xã hội của nhà nước, mà không bao gồm các chức năng công quyền, như lập pháp, hành pháp, tư pháp, ngoại giao,... qua đó nhấn mạnh vai trò chủ thể của nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng. Điều quan trọng là Việt Nam phải sớm tách hoạt động dịch vụ công (lâu nay gọi là hoạt động sự nghiệp) ra khỏi hoạt động hành chính công quyền như chủ trương của Chính phủ đã đề ra nhằm xóa bỏ cơ chế bao cấp, giảm tải cho bộ máy nhà nước, khai thác mọi nguồn lực tiềm tàng trong xã hội và nâng cao chất lượng của dịch vụ công phục vụ người dân. Khoản 1 Điều 39 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019) quy định: “Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.”. Điều này không có nghĩa là nhà nước độc quyền cung cấp các dịch vụ công mà trái lại nhà nước hoàn toàn có thể xã hội hóa một số dịch vụ, qua đó trao một phần việc cung ứng một phần của một số dịch vụ kể cả hoạt động lập quy thi hành pháp luật; cung cấp thông tin tư vấn... cho khu vực phi nhà nước thực hiện.

Có thể thấy rằng khái niệm, đặc điểm và phạm vi các dịch vụ công cho dù được tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, chúng đều có tính chất chung là nhằm phục vụ cho nhu cầu và lợi ích chung thiết yếu của xã hội; bảo đảm tính công bằng và tính hiệu quả trong cung cấp dịch vụ. Các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa) mang đầy đủ đặc điểm của dịch vụ công (xét về mặt chủ thể cung cấp, đối tượng thụ hưởng, quy trình, thủ tục cung cấp dịch vụ, cơ chế kiểm soát, đảm bảo chất lượng dịch vụ công...), ngoài ra, yếu tố hỗ trợ pháp lý miễn phí cho doanh nghiệp là đặc điểm quan trọng của dịch vụ hỗ trợ này.

***Thứ ba,** đối tượng thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu và mô hình tổ chức.*

Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (Điều 2 và Điều 14), Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 2), việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp, sáng tạo. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: (i) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; (ii) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ³⁰.

Đồng thời với việc ghi nhận nguyên tắc Nhà nước chỉ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng có quy định mang tính mở, đó là, tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 19). Đây là đặc thù của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, lại không phải là ưu điểm mà là hạn chế vì về nguyên tắc (thông lệ quốc tế) các nước chỉ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mà không hỗ trợ cho doanh nghiệp lớn.

***Thứ tư,** hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện thông qua các hình thức và nội dung hỗ trợ do pháp luật quy định phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.*

Nội dung hỗ trợ pháp lý tập trung vào những vấn đề pháp luật mà doanh nghiệp gặp phải trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Hình thức hỗ trợ pháp lý là những phương thức hoạt động của chủ thể hỗ trợ, qua đó, việc hỗ trợ được thực hiện, mang lại lợi ích

³⁰Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

cho đối tượng được hỗ trợ. Nội dung và hình thức hỗ trợ được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể.

Được hỗ trợ pháp lý là một nhu cầu của doanh nghiệp và việc đáp ứng nhu cầu này là nghĩa vụ của Nhà nước. Tuy nhiên, do nhu cầu hỗ trợ thì nhiều, khả năng đáp ứng của Nhà nước lại có hạn nên công tác hỗ trợ (nội dung và hình thức hỗ trợ) luôn được Nhà nước xác định theo từng thời kỳ và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, từng địa bàn.

Thứ năm, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Phối hợp là mối quan hệ giữa hai hay nhiều chủ thể khác nhau trong quá trình triển khai, thực hiện một công việc nào đó nhằm đạt mục đích chung. Nói cách khác, phối hợp là sự làm việc cùng với nhau của từ ít nhất hai chủ thể trở lên, hành động theo một kế hoạch chung nhằm đạt được mục tiêu chung. Phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc các chủ thể có chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cùng nhau bàn bạc, xây dựng và thực hiện các hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm đạt được mục đích chung là nâng cao tri thức pháp luật và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là rất cần thiết vì hoạt động của doanh nghiệp là rất đa dạng, liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành, địa phương và chức năng đại diện của nhiều hiệp hội doanh nghiệp. Mỗi cơ quan quản lý nhà nước cũng như mỗi tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đều có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng biệt. Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước cũng như chức năng đại diện cho doanh nghiệp là hoàn toàn độc lập với nhau. Do vậy, để đạt được sự thống nhất trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cùng hướng đến một mục tiêu chung, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có liên quan cần phải phối hợp với nhau, tránh việc chồng chéo và trùng lặp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

1.1.2. Sự cần thiết hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều đạo luật quan trọng như: Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Phá sản... và nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các văn bản pháp luật này đã tạo nên một khung pháp lý tương đối đầy đủ và thuận tiện cho các doanh nghiệp hoạt động. Trên thực tế, so với thời kỳ trước đổi mới, các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác được thành lập ngày càng nhiều về số lượng, đa dạng về quy mô và hình thức hoạt động (tính đến ngày 31/12/2019, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam là 624.000 doanh nghiệp)³¹. Kết quả hoạt động của lực lượng doanh nhân này đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Bộ Tư pháp, hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó có việc thực hiện pháp luật³². Trình độ hiểu biết luật pháp và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận chủ sở hữu và người quản lý chưa cao; một số doanh nghiệp còn làm ăn không trung thực, cố tình vi phạm quy định pháp luật; quản trị nội bộ doanh nghiệp còn yếu, chưa minh bạch;... Sự hạn chế trong việc thực hiện pháp luật của doanh nghiệp là do những nguyên nhân từ hai phía gây ra: phía doanh nghiệp và phía Nhà nước.

Về phía doanh nghiệp, có những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nhận thức về vai trò, ý nghĩa của pháp luật của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế (Kết quả điều tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc năm 2014 cho thấy trong số 1237 doanh nghiệp được khảo sát thì có khoảng 70 đến 80% số doanh nghiệp không hiểu hoặc hiểu không đầy đủ các quy định pháp luật cơ bản về kinh doanh; có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về pháp luật.)³³. Tình trạng doanh nghiệp không chú ý tới việc tìm hiểu và thực hiện pháp luật là phổ biến. Nhiều doanh nghiệp chưa ý thức được tầm quan trọng của dịch vụ

³¹ Báo cáo ngày 31/12/2019 của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chỉ số phát triển doanh nghiệp đối với các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương năm 2019.

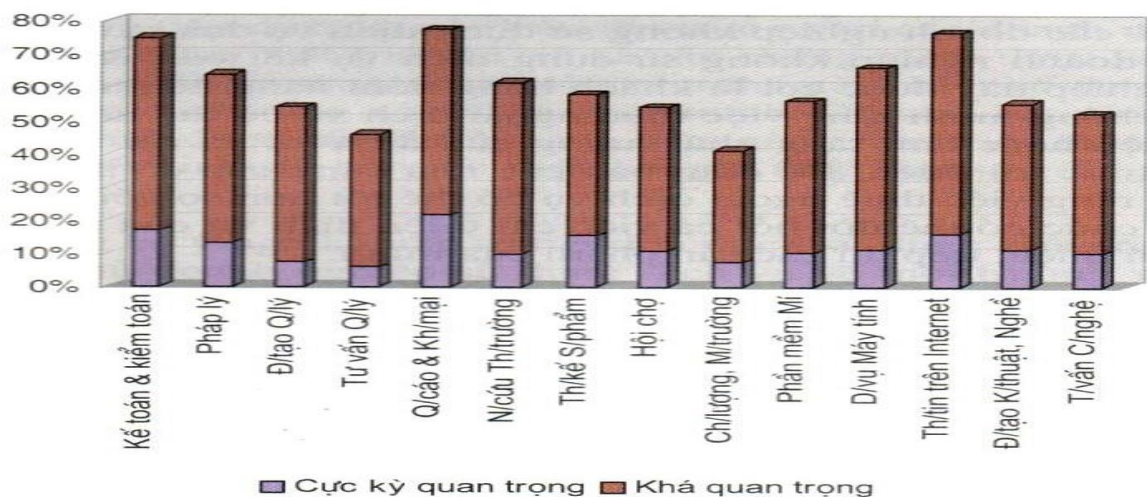
³² Báo cáo của Bộ Tư pháp về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2014.

³³ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

pháp lý, chưa có thói quen sử dụng tư vấn pháp luật để áp dụng, thi hành pháp luật và phòng, chống rủi ro trong kinh doanh.

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 5 Khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhận định: xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là nhiệm vụ chiến lược, khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững, trong khi đó, *“Năng lực thực thi thể chế còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường”* (điểm 1 phần I Nghị quyết).

Theo kết quả khảo sát năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với doanh nghiệp thì doanh nghiệp đánh giá về tầm quan trọng của dịch vụ pháp lý như sau:



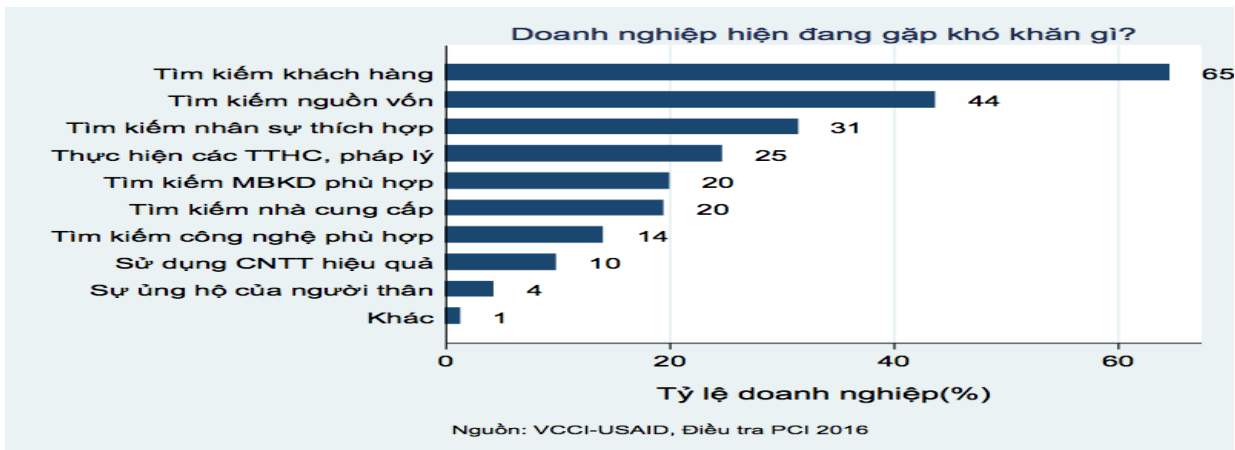
Nguồn: *Khảo sát về dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (GIZ, Swisscontact và VCCI) năm 2016.*

Kết quả khảo sát trên cho thấy, doanh nghiệp Việt Nam đánh giá về tầm quan trọng của dịch vụ pháp lý mới xếp thứ 5 (chiếm 62%), sau tầm quan trọng của các dịch vụ khác như quảng cáo và khuyến mại (77%), dịch vụ thông tin trên internet (76%), dịch vụ kế toán và kiểm toán (74%) và dịch vụ máy tính (65%).

Thứ hai, nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong thực hiện pháp luật do ít được sử dụng tư vấn pháp luật miễn phí và hoạt động hỗ trợ của các hiệp hội doanh

ng nghiệp về vấn đề này còn nhiều bất cập³⁴. Thực tế này khó giải quyết vì tuyệt đại đa số các doanh nghiệp hiện nay là nhỏ và vừa, tiềm lực tài chính eo hẹp.

Kết quả khảo sát năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp nói chung, trong đó có khó khăn trong thực hiện pháp luật (thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý...) như sau:



Kết quả Điều tra PCI 2016 trên cho thấy, thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý đứng thứ 4 và chiếm 25% tỷ lệ doanh nghiệp được điều tra, khảo sát, xếp thứ tự sau khó khăn hàng đầu của doanh nghiệp là về tìm kiếm khách hàng (65%), sau đó đến tìm kiếm nguồn vốn (44%) và tìm kiếm nhân sự thích hợp (31%).

Khó khăn về pháp lý được xếp cao hơn cả tìm kiếm mặt bằng kinh doanh phù hợp (20%), tìm kiếm nhà cung cấp (20%) và tìm kiếm công nghệ phù hợp (14%)... Nhiều doanh nghiệp cho rằng, nếu khó khăn về pháp lý được giải quyết thì các khó khăn sau đó (tìm kiếm mặt bằng kinh doanh, tìm kiếm nhà cung cấp...) cũng có thể được giải quyết, qua đây đánh giá được các khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Thứ ba, các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận với thông tin pháp luật. Theo báo cáo của Bộ Tư pháp năm 2016³⁵ thì có khoảng 25% doanh nghiệp được thống kê cho rằng, việc tiếp cận với văn bản pháp luật là khó hoặc không thể. Điều này đã ảnh hưởng đến sự hiểu biết của người quản lý doanh nghiệp về hệ thống pháp luật kinh doanh của nhà nước ta và do đó, cũng gây khó khăn cho họ trong việc thực thi pháp luật.

³⁴Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp hiện nay chỉ có 30% đang hoạt động tốt, số còn lại hoạt động cầm chừng, không hiệu quả (Báo cáo năm 2018 của Bộ Nội vụ về công tác hội).

³⁵ Báo cáo số 187/BTP-PLDSKT ngày 15/01/2017 của Bộ Tư pháp về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát PCI năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy, việc tăng cường khả năng tiếp cận thông tin pháp lý cho doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại vì doanh nghiệp vẫn chưa thuận lợi trong việc tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật chính thống như văn bản hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, công báo tỉnh, biểu mẫu thủ tục hành chính. Doanh nghiệp càng khó khăn hơn khi tiếp cận các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ngân sách nhà nước, các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư...

Về phía Nhà nước, việc thực thi pháp luật của các doanh nghiệp gặp khó một phần cũng do một số nguyên nhân từ phía Nhà nước, trong đó có hai nguyên nhân chủ yếu là:

Thứ nhất, nhiều cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự quan tâm đến việc thông tin, hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật cho doanh nghiệp³⁶. Theo Luật Tổ chức Chính phủ thì Chính phủ có nhiệm vụ bảo đảm việc thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân nói chung và của doanh nghiệp nói riêng³⁷. Luật Doanh nghiệp năm 1999, năm 2005 và năm 2014 (và nay là năm 2020) cũng có các quy định, theo đó, việc thông tin, phổ biến và tổ chức thi hành các văn bản pháp luật là một trong các nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp³⁸. Trách nhiệm của Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện pháp luật cũng đã được quy định tại Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (được thay thế bằng Nghị định số 178/2007/NĐ-CP, Nghị định số 36/2012/NĐ-CP và nay là Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016)³⁹ và Nghị định số 171/2004/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 29/9/2004 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được thay thế bằng Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và nay là Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014)⁴⁰. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực này được đánh giá là còn nhiều bất cập. Các doanh nghiệp nhỏ và

³⁶ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp về việc tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

³⁷ Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015.

³⁸ Điều 208 và Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

³⁹ Điều 6 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP.

⁴⁰ Điều 4 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP.

vừa, nhất là tại các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận với pháp luật, thông tin pháp luật và thực thi pháp luật;

Thứ hai, nhiều thách thức của doanh nghiệp về nội dung các quy định pháp luật và việc áp dụng pháp luật chưa được các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm giải đáp kịp thời, do đó, cũng làm cho việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp gặp khó khăn⁴¹. Thực tế thời gian qua cho thấy, tình trạng doanh nghiệp yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước giải đáp pháp luật nhưng không nhận được trả lời, hoặc trả lời không kịp thời còn phổ biến. Những bất cập này đã không tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện tốt pháp luật nhằm giảm thiểu rủi ro và kinh doanh có hiệu quả.

Các nguyên nhân từ hai phía được nêu và phân tích trên đây đã làm cho việc nắm bắt và việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp trở nên kém hiệu quả. Pháp luật được ban hành nhưng chưa được tổ chức thi hành tốt đã ảnh hưởng tới việc xây dựng môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đối với doanh nghiệp, cùng với những hạn chế về vốn, công nghệ, kinh nghiệm, thị trường..., việc hiểu biết pháp luật hạn chế đã làm cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam đã thấp lại càng thấp hơn, gây bất lợi cho doanh nghiệp nước ta trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay⁴². Vì vậy, sự hỗ trợ về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa là một việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu các cam kết quốc tế, nhất là các cam kết quốc tế tại các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia, việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn hiện nay) không vi phạm các cam kết quốc tế do Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đề ra⁴³, hay Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) hay các hiệp định thương mại tự do khác. Đặc biệt, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp,

⁴¹Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định trách nhiệm giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước.

⁴²Thực tế cho thấy, trong 10 năm (2007-2017) gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới được cải thiện đáng kể, tuy nhiên sức cạnh tranh của doanh nghiệp vẫn còn thấp, độ ổn định chưa cao. Nguồn: Trang tin Bộ Ngoại giao.

⁴³Trong Báo cáo của Ban Công tác về Việt Nam gia nhập WTO ngày 31/01/1995, tại đoạn 78 và 79 nêu rõ: Việt Nam đã cam kết tất cả các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hay do nhà nước kiểm soát và các doanh nghiệp được hưởng độc quyền, đặc quyền sẽ thực hiện mua bán hàng hóa trong thương mại quốc tế chỉ dựa trên các tiêu chí thương mại, nghĩa là theo cơ chế thị trường.

nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng không vi phạm các nguyên tắc thị trường, vì các quy định không có quy định đến việc hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp bằng tiền, không thực hiện bao cấp để doanh nghiệp ỷ lại, không chịu lớn để nhận được các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có một phần là hỗ trợ thông tin pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hỗ trợ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) đã được nhiều quốc gia trên thế giới Luật hóa nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, phát triển, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế. Tại Hàn Quốc, việc bảo vệ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được ghi nhận trong Hiến pháp⁴⁴.

1.1.3. Vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định các hình thức hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm: (1) hỗ trợ tiếp cận tín dụng; (2) hỗ trợ thuế, kế toán; (3) hỗ trợ mặt bằng sản xuất; (4) hỗ trợ công nghệ; (5) hỗ trợ mở rộng thị trường; (6) hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; và (7) hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Hỗ trợ pháp lý được Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 dành riêng một điều là Điều 14 và đã được cụ thể hóa tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Như trên đã trình bày, Nhà nước thực hiện sự hỗ trợ của mình đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ về thuế, mặt bằng sản xuất, về tín dụng, về nguồn nhân lực... Các hoạt động hỗ trợ này muốn được thực hiện đều phải được pháp luật hóa, tức là phải được pháp luật quy định một cách chặt chẽ, đầy đủ về hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện (triển khai) các hoạt động hỗ trợ này trên thực tế. Nói cách khác, không có pháp luật thì các hình thức hỗ trợ mà Nhà nước cam kết thực hiện (áp dụng) đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đều không thể thực hiện được.

⁴⁴ Báo cáo số 145/BTP-PLDSKT ngày 16/12/2013 của Bộ Tư pháp về kết quả khảo sát kinh nghiệm nước ngoài về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

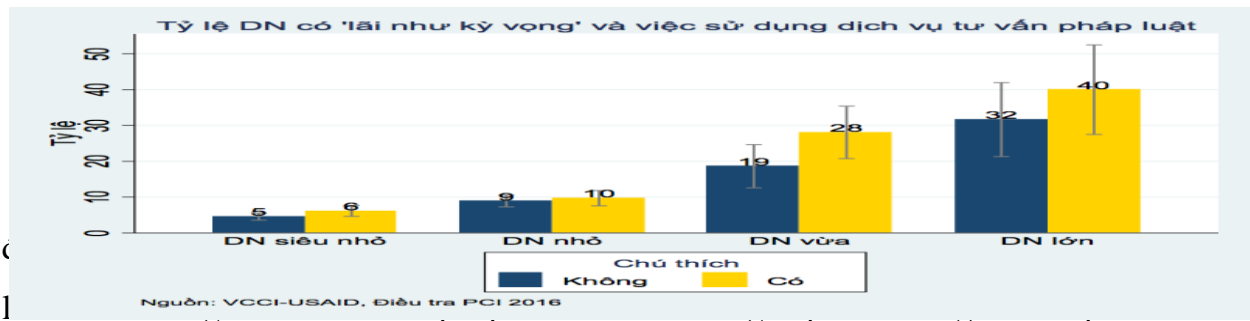
Đối với hỗ trợ pháp lý cũng vậy, Nhà nước phải ban hành pháp luật để quy định mọi vấn đề liên quan đến hình thức hỗ trợ quan trọng này, từ đối tượng được hỗ trợ pháp luật, nội dung, hình thức, phương thức trợ giúp pháp lý, mức độ trợ giúp, trách nhiệm của các chủ thể có liên quan đến hoạt động trợ giúp, chế tài do vi phạm nghĩa vụ này... tất cả các quy định đó tạo thành pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của pháp luật về hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có vai trò quan trọng thể hiện ở những điểm như sau:

Thứ nhất, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp góp phần nâng cao nhận thức về vai trò và tác dụng của pháp luật, qua đó tạo lập thói quen tôn trọng và tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo hiện nay tham gia vào thương trường không chỉ với nguồn lực, công nghệ yếu kém mà còn với kiến thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, hơn ai hết, các doanh nghiệp này rất cần nhận được sự hỗ trợ về mọi mặt của Nhà nước, trong đó có sự hỗ trợ về mặt pháp lý. Thông qua các hình thức hỗ trợ pháp lý, đặc biệt là các chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành, các doanh nghiệp sẽ biết được tác dụng to lớn của pháp luật đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình và chính vì vậy, nhận thức được vai trò, ý nghĩa to lớn này của pháp luật mà doanh nghiệp sẽ quan tâm nghiên cứu, nắm bắt pháp luật đồng thời tạo lập cho mình thói quen và ý thức tuân thủ pháp luật. Tóm lại, tác dụng đầu tiên của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là góp phần nâng cao tri thức pháp lý (kiến thức pháp lý) cho các doanh nghiệp.

Thứ hai, hoạt động hỗ trợ pháp lý tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả. Thông qua các hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ nâng cao kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp có đủ năng lực để sử dụng pháp luật như một công cụ pháp lý quan trọng và hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh mà doanh nghiệp gặp phải trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.

Kết quả khảo sát Điều tra chỉ số PCI năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:



– kinh doanh có “lãi kỳ vọng” cao hơn so với việc không sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật. 40% ý kiến được hỏi đánh giá “lãi kỳ vọng” cao hơn khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật trong nhóm doanh nghiệp lớn so với 32% ý kiến đánh giá là không tăng “lãi như kỳ vọng” sau khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật. Ý kiến đánh giá khảo sát ở nhóm doanh nghiệp vừa thì tỷ cũng vậy (tỷ lệ cao hơn 28% so với 19%); doanh nghiệp siêu nhỏ (tỷ lệ 6% so với 5%). Đây là minh chứng rõ nét nhất về vai trò và tác dụng của pháp luật trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp: các nhóm doanh nghiệp đều đánh giá doanh nghiệp sẽ đạt “lãi kỳ vọng” cao hơn khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật.

Thứ ba, hoạt động hỗ trợ pháp lý giúp phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Việc các doanh nghiệp phải tự nâng cao năng lực cạnh tranh là chuyện bình thường vì nếu doanh nghiệp không thích ứng được với những thay đổi của mô hình tăng trưởng mới, không đáp ứng được yêu cầu phát triển mới thì khó tránh khỏi bị phá sản. Đây chính là lúc tốt nhất để loại bỏ những doanh nghiệp không còn phù hợp với nền kinh tế mới. Tuy nhiên, nguyên nhân khiến doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc phá sản nhiều khi lại do nhận thức chưa được hoặc chưa nắm vững các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy, Nhà nước cần phải có các biện pháp để nhanh chóng tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý mà doanh nghiệp có thể gặp phải trong quá trình hoạt động, qua đó, không chỉ góp phần nâng cao nhận thức pháp lý của doanh nghiệp mà còn tăng cường được năng lực cạnh tranh, hạn chế các rủi ro pháp lý trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xin lấy một ví dụ để minh chứng cho vai trò hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho doanh nghiệp trong việc xử lý rủi ro pháp lý trong kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Chỉ cần sự hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cụ thể, thiết thực, hiệu quả của cơ quan quản lý nhà nước mà đã cứu 01 doanh nghiệp thoát khỏi “bờ vực phá sản”, “hàng trăm người lao động của doanh nghiệp thoát khỏi cảnh thất nghiệp”:

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc một Công ty xây dựng tại một cuộc tọa đàm do Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 của Bộ Tư pháp tổ chức tổ chức ngày 28/6/2019 đã chia sẻ, công tác hỗ trợ pháp lý của Nhà nước đã giúp: “Doanh nghiệp tôi thoát “án tử” nhờ được kịp thời tư vấn và hỗ trợ giải đáp pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền”. Cụ thể vụ việc của doanh nghiệp như sau: Công ty Cổ phần Vipico trúng đấu giá quyền sử dụng Khu đất A20 mặt tiền đường Võ Văn Kiệt, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Công ty đã nộp cho ngân sách nhà nước 652 tỷ đồng cùng lãi suất quá hạn hàng chục tỷ đồng. Ngoài ra, để kịp thời triển khai Dự án, Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị khảo sát, thiết kế, tư vấn và đã chi hàng trăm tỷ đồng cho việc triển khai Dự án.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với kết quả đấu giá quyền sử dụng đất trên, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng đã ban hành Quyết định hủy bỏ kết quả bán đấu giá, thu hồi tiền đặt cọc nộp ngân sách nhà nước với lý do Công ty Vipico chậm nộp tiền trúng đấu giá (ngày 16/11/2018, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy bỏ kết quả đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên căn cứ theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước). Quyết định này của Ủy ban nhân dân thành phố gây thiệt hại cho doanh nghiệp hàng trăm tỷ đồng (theo trình bày của doanh nghiệp thời điểm hủy bán đấu giá thiệt hại hơn 200 tỷ đồng cho doanh nghiệp⁴⁵) đẩy doanh nghiệp vào tình trạng phá sản.

Tuy nhiên, với sự hỗ trợ pháp lý của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời giải đáp vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp (các văn bản giải đáp pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với vụ việc bán đấu giá Công ty Cổ phần Vipico: Công văn 1712/BTC-TCT ngày 9/2/2018 của Bộ Tài chính; Công văn số 1466/TCQL ĐĐ-CKTPTQĐ ngày 17/8/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 532/QLXLVPHC&TDTHPL-THPL ngày 4/10/2018 của Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp) về hướng dẫn áp dụng pháp luật. Cả 3 văn bản trên đều khẳng định việc Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban

⁴⁵<https://baophapluat.vn/kinh-te/da-nang-doanh-nghiep-co-nguy-co-bi-thiet-hai-200-ty-dong-trach-nhiem-thuoc-ve-ai-417684.html>, truy cập ngày 6/8/2019.

hành Quyết định hủy kết quả bán đấu giá đối với Công ty Cổ phần Vipico là không có căn cứ pháp luật⁴⁶. Ý kiến giải đáp hỗ trợ pháp lý của các Bộ đã giúp doanh nghiệp tháo gỡ vướng mắc pháp lý và thoát khỏi tình trạng có thể bị phá sản do quyết định hủy bán đấu giá của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng.

Vụ việc của doanh nghiệp trên đã minh chứng rõ nét nhất vai trò của pháp luật nói chung đối với doanh nghiệp và vai trò của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong việc tháo gỡ vướng mắc pháp lý trong áp dụng pháp luật vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chỉ một vì cách hiểu không thống nhất về áp dụng pháp luật mà có thể đẩy một doanh nghiệp lớn đến bờ vực phá sản, ảnh hưởng đến hàng trăm người lao động của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh, sự phát triển kinh tế, xã hội.

Thứ tư, hoạt động hỗ trợ pháp lý góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ có ích cho doanh nghiệp. Ở một mức độ nhất định, công tác này còn có tác dụng đối với Nhà nước. Thông qua công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhất là các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước nắm được “tâm tư, nguyện vọng”, đặc biệt là tiếp nhận được một cách kịp thời, đầy đủ các kiến nghị của doanh nghiệp về xây dựng và hoàn thiện pháp luật đối với doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp⁴⁷.

1.1.4. Nguyên tắc hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện miễn phí các hoạt động do pháp luật quy định nhằm nâng cao tri thức pháp luật và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động hỗ

⁴⁶<https://baophapluat.vn/dieu-tra-bd/khong-giao-dat-cho-doanh-nghiep-trung-dau-gia-tp-da-nang-da-lam-nguoc-ca-luat-va-le-417739.html>, truy cập ngày 25/5/2020.

⁴⁷ Từ năm 2011-2017, Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014, giai đoạn 2015-2020 đã tổ chức hơn 230 tọa đàm, đối thoại với các doanh nghiệp trên toàn quốc, thu hút các doanh nghiệp trao đổi, đóng góp ý kiến trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật, ví dụ: Bộ luật dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Đầu tư 2014, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017...

trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động này phải được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản như sau:

Thứ nhất, các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần bảo đảm nguyên tắc Nhà nước không làm thay công việc của doanh nghiệp, mặt khác cũng phải bảo đảm việc hỗ trợ của Nhà nước không làm hạn chế sự phát triển của thị trường dịch vụ tư vấn pháp lý nói chung và thị trường dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng; Các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Nhà nước trên được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc của hoạt động thương mại, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế⁴⁸.

Thứ hai, các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trên cơ sở có tính đến điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể của từng ngành, từng địa phương trong từng thời kỳ; bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm hỗ trợ với nguồn lực thực tế về tài chính, nhân sự của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương;

Thứ ba, các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần lấy đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa làm trung tâm. Nguyên tắc này được xuất phát từ một thực tế là doanh nghiệp nhỏ và vừa chính là lực lượng chiếm số đông trong số lượng doanh nghiệp đăng ký và đang là lực lượng đang gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất trong việc tiếp cận pháp luật nói chung và pháp luật về kinh doanh nói riêng;

Thứ tư, kết hợp một cách hài hòa, trách nhiệm của Nhà nước với việc huy động tiềm lực của các lực lượng ngoài nhà nước, nhất là các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải được xác định là một nhiệm vụ, chức năng cơ bản của Nhà nước. Chính vì vậy, Nhà nước phải là nhân vật chính, nhân vật trung tâm, có vai trò chủ đạo trong hoạt động hỗ trợ nói chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ pháp lý nói riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Nhà nước là chủ thể duy nhất có trách nhiệm hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để đảm bảo hoạt động hỗ trợ thực sự có hiệu quả cần phát huy sức mạnh, tiềm năng của các lực lượng khác, nhất là của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

⁴⁸ Ví dụ: khi Chính phủ Hoa Kỳ và các nước Châu Âu quyết định hỗ trợ tài chính trong khủng hoảng, họ không mang tiền chia cho doanh nghiệp mà mua trái phiếu. Khi kinh tế phục hồi, Chính phủ sẽ bán trái phiếu đó đi, tức là họ dựa trên các tiêu chí thương mại ngay cả trong khi thực hiện quyết định hành chính... nếu liên quan đến kinh tế.

1.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Như đã trình bày, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là một nhiệm vụ xuất phát từ chức năng kinh tế của Nhà nước, là một loại hình dịch vụ công mà Nhà nước phải thực hiện. Để công tác này thực hiện một cách có hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực đối với các doanh nghiệp thì cần phải nghiên cứu xem có những yếu tố (điều kiện) khách quan, chủ quan nào sẽ có tác động đến hoạt động này. Sau đây là những yếu tố cơ bản, có ảnh hưởng lớn đến việc xác định và thực hiện các vấn đề liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là liên quan đến nội dung và hình thức của hoạt động này.

1.1.5.1. Nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp

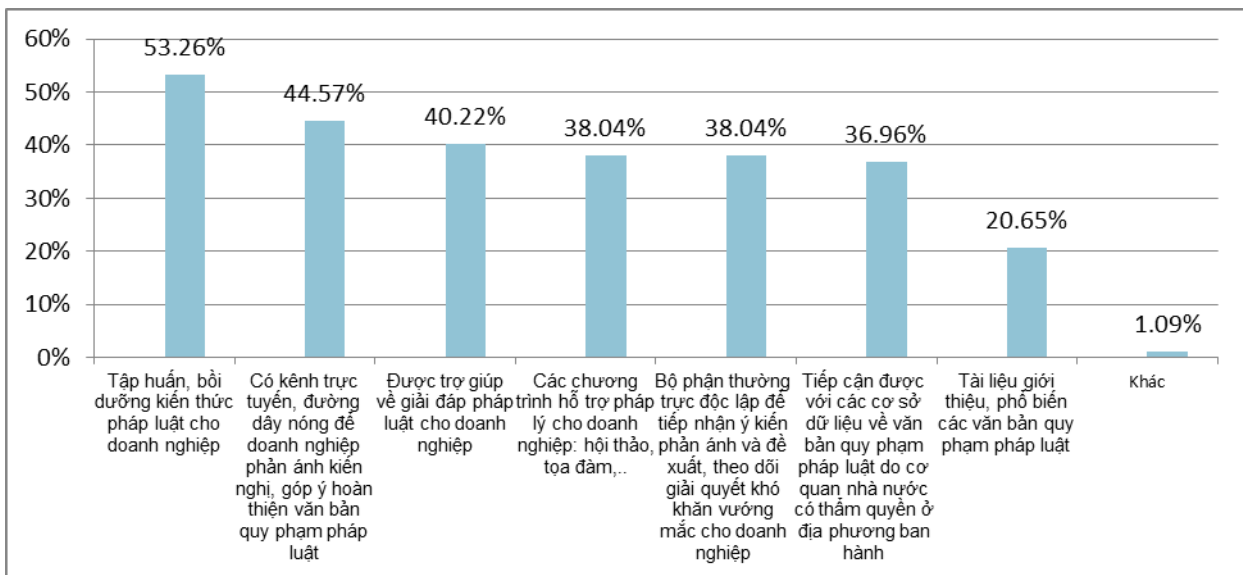
Nhu cầu của doanh nghiệp là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Nhu cầu này là khác nhau, phụ thuộc vào quá trình thành lập, hoạt động và từng loại hình doanh nghiệp, cụ thể là:

Thứ nhất, trong quá trình thành lập, các chủ doanh nghiệp cần được hỗ trợ trong việc lựa chọn được mô hình tổ chức (loại hình doanh nghiệp) phù hợp với khả năng chuyên môn, năng lực tài chính và nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư cũng cần tư vấn, hỗ trợ về thủ tục thành lập doanh nghiệp, thủ tục đăng ký kinh doanh,... với tư cách là những công việc không thể không làm để giúp hình thành tư cách chủ thể kinh doanh của họ.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp đang hoạt động, các chủ doanh nghiệp cần được tư vấn về kỹ năng quản trị, điều hành doanh nghiệp, tư vấn giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, tư vấn về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp. Nội dung cần hỗ trợ cụ thể liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: đàm phán, soạn thảo, giao kết và thực hiện hợp đồng; pháp luật về cạnh tranh; pháp luật về hải quan, phí, lệ phí; pháp luật về môi trường; pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản; pháp luật về thương mại quốc tế; pháp luật về đầu tư; pháp luật về đấu thầu, xây dựng; pháp luật về lao động; pháp luật về tài chính doanh nghiệp; pháp luật về tín dụng;... Tóm lại, trong 3 giai đoạn (thành lập, hoạt động và giải thể) thì giai đoạn hoạt động là giai đoạn mà doanh nghiệp thường gặp những vấn đề cần phải hỗ trợ pháp lý nhất, vì vậy, các cơ quan nhà nước có liên quan cần xác định đây là trọng tâm trong hoạt động hỗ trợ pháp lý để có sự chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, tránh được sự bị động không đáng có.

Thứ ba, đối với doanh nghiệp đang trong quá trình giải thể, phá sản. Các doanh nghiệp này rất cần được hỗ trợ pháp lý về: quy trình, thủ tục giải thể, phá sản; các quyền, nghĩa vụ pháp lý mà doanh nghiệp phải thực hiện khi giải thể, phá sản...

Thứ tư, các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác nhau thì có những nhu cầu hỗ trợ pháp lý khác nhau: doanh nghiệp nông nghiệp khác với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại; doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong nước sẽ khác với doanh nghiệp chuyên xuất, nhập khẩu. Nhu cầu cần được hỗ trợ pháp lý khác nhau sẽ dẫn đến hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp cũng sẽ phải khác nhau.



Nguồn: USAID/GIG năm 2017

Theo kết quả khảo sát nêu trên cho thấy, công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp là nhu cầu chiếm vị trí cao nhất (chiếm 53,26% trong tổng nhu cầu hình thức hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp); tiếp đến là nhu cầu cần có kênh trực tuyến, đường dây nóng để doanh nghiệp phản ánh kiến nghị, góp ý hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật (chiếm 44,57%); việc xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật là nhu cầu chiếm vị trí thấp nhất (chiếm 20,65%) nhu cầu của doanh nghiệp được hỏi.

1.1.5.2. Năng lực chuyên môn, khả năng tài chính của các cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước là tổ chức có thẩm quyền tổ chức, thi hành các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, cơ quan nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc

thực hiện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đảm bảo việc thực hiện đúng, hiệu quả các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Năng lực thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là cơ quan nhà nước trước hết thể hiện ở kiến thức pháp luật, kỹ năng, kinh nghiệm vào đạo đức nghề nghiệp của cán bộ làm công tác này. Với tư cách là một hoạt động chuyên môn, mang tính nghề nghiệp nên kiến thức pháp luật kinh doanh, kinh nghiệm và kỹ năng làm việc là yếu tố quan trọng hàng đầu đảm bảo chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước có liên quan. Do đó, để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu có tính chất pháp lý của doanh nghiệp, đòi hỏi các công chức được giao nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải là người được đào tạo bài bản về khoa học pháp lý và pháp luật thực định, nhất là pháp luật về kinh doanh; thường xuyên được cập nhật thông tin, kinh nghiệm thực tiễn để có thể áp dụng vào quá trình thực thi nhiệm vụ của mình.

Năng lực tài chính cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Thực tế, các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện qua các hình thức hỗ trợ pháp lý như thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng tài liệu phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp; đối thoại, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp... đều cần đến nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (là nguồn kinh phí chủ yếu). Vì vậy, nếu không có nguồn kinh phí này thì không thể triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được. Đơn cử hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại tỉnh Tuyên Quang do Sở Tư pháp là đầu mối giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện, từ những năm đầu khi triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, Sở Tư pháp không được bố trí kinh phí dành cho hoạt động này. Vì vậy, với nguồn lực hạn chế, lại thêm sự yếu kém về mặt cán bộ nên những năm 2008-2013, các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở tỉnh này hầu như không được thực hiện. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP hàng năm được thực hiện một cách nghèo nàn, chủ yếu thông qua một hai tọa đàm hoặc lớp phổ biến pháp luật kinh doanh được lồng ghép với hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nên hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp không cao. Những năm 2014-2016, tuy kinh phí cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được quan tâm hơn nhưng cũng rất hạn chế, chỉ khoảng 50.000.000 đồng/năm (bằng chữ: năm mươi triệu đồng/năm). Những năm 2017 đến nay,

do được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang đã được bố trí kinh phí hàng trăm triệu đồng/năm cho công tác hỗ trợ pháp lý. Với khả năng tài chính được cải thiện như vậy, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai được nhiều hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó nổi bật là phối hợp với Đài Truyền hình tỉnh xây dựng và phát sóng thường xuyên chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang thường xuyên xây dựng các tờ rơi, tài liệu phổ biến pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp; tổ chức các tọa đàm, hội nghị đối thoại, bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp; Chương trình Cà phê doanh nhân...⁴⁹

1.1.5.3. Sức ép của hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới⁵⁰. Việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) mở ra con đường hội nhập thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam cũng như toàn bộ nền kinh tế với các đối tác thương mại lớn.

Bên cạnh các thời cơ và thuận lợi khi trở thành một mắt xích quan trọng của mạng lưới liên kết kinh tế rất rộng lớn với tất cả các trung tâm và các nền kinh tế hàng đầu thế giới; mở rộng thị trường xuất khẩu, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực mới để thúc đẩy đổi mới, hoàn thiện môi trường pháp lý, thể chế kinh tế thị trường, cải cách hành chính, chính sách kinh tế, cơ chế quản lý trong nước... thì nước ta cũng đang và sẽ chịu rất nhiều sức ép, khó khăn từ sự hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, trong đó có:

Thứ nhất, là sức ép cạnh tranh gay gắt hơn trên cả ba cấp độ sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia. Các sản phẩm, doanh nghiệp và bản thân Chính phủ ta cũng phải cạnh tranh với Chính phủ các nước trong cải thiện môi trường pháp lý thu hút đầu tư, nguồn nhân lực... các lĩnh vực kinh tế vốn được bảo hộ bị thách thức gay gắt do việc cắt giảm thuế quan để hội nhập (như ngành sản xuất ô-tô, mía đường, gạo, xăng dầu...);

Thứ hai, các cơ quan quản lý nhà nước (bộ, ngành, địa phương), các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp đứng trước đòi hỏi phải hiểu biết nhiều và vận

⁴⁹ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

⁵⁰ <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/thu-tuong-viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-cua-hon-200-quoc-gia-va-vung-lanh-tho-20181018225752246.htm>, truy cập 15h ngày 26/11/2020.

dụng hiệu quả các luật lệ, quy định kinh tế, thương mại cũng như văn hóa kinh doanh của nhiều nước và nhiều thị trường hơn trước, đặc biệt trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại, trong trường hợp này không chỉ các doanh nghiệp mà Chính phủ cũng có thể là nguyên đơn hay bị đơn trong các tranh chấp thương mại quốc tế;

Thứ ba, với xu thế chuyên dịch quan hệ dịch vụ, hàng hóa quốc tế giữa các nước tham gia các hiệp định thương mại quốc tế, thách thức đối với các cơ quan, doanh nghiệp là sức ép về trình độ am hiểu pháp luật, tri thức và nguy cơ tranh chấp quốc tế (*các hiệp định thương mại quốc tế mới có quy định cao về giải quyết tranh chấp*)... Trong khi đó, đội ngũ doanh nghiệp nước ta nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn, yếu cả về trình độ chuyên môn và pháp luật so với doanh nghiệp các nước trong khu vực và trên thế giới; đội ngũ cán bộ, công chức nước ta thiếu và hạn chế về năng lực hội nhập; thiếu đội ngũ luật sư giỏi để giải quyết các tranh chấp thương mại và tư vấn cho các doanh nghiệp.

Sức ép của hội nhập kinh tế khu vực và thế giới nêu trên ảnh hưởng không nhỏ đến các nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong hoàn cảnh như vậy, việc nghiên cứu các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa không chỉ cần phải được tập trung vào các quy định của pháp luật trong nước mà còn phải quan tâm đến các quy định pháp luật thương mại quốc tế và pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế và khu vực.

1.1.6. Sự khác nhau hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp dễ gây nhầm lẫn với hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật. Vì vậy, rất cần phân biệt rõ 3 hoạt động này.

- **Bản chất và đặc điểm của trợ giúp pháp lý:** theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 (Điều 3) thì trợ giúp pháp lý là *việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật. Theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (thay thế Luật năm 2006) thì trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của*

Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật (Điều 2).

Như vậy, tuy có cách diễn đạt khác nhau nhưng định nghĩa trong hai Luật Trợ giúp pháp lý đều có chung một bản chất. Đó là, trợ giúp pháp lý là hoạt động do Nhà nước cung cấp một cách miễn phí cho những đối tượng yếu thế trong xã hội hoặc có công với cách mạng được xác định cụ thể trong Luật nhằm góp phần bảo đảm công bằng xã hội trong việc tiếp cận công lý.

Như vậy, trợ giúp pháp lý là một nội dung của chính sách an sinh xã hội, được thực hiện nhằm giúp đỡ các đối tượng đặc biệt trong xã hội. Trợ giúp pháp lý có những đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, đối tượng được trợ giúp pháp lý chủ yếu là các cá nhân không có khả năng tự bảo vệ khi quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại do ít hiểu biết pháp luật và không có tiền để trả chi phí dịch vụ pháp lý. Cụ thể, đối tượng được trợ giúp pháp lý gồm: (1) Người có công với cách mạng; (2) Người thuộc hộ nghèo; (3) Trẻ em; (4) Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (5) Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; (6) Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo; (7) Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; Người nhiễm chất độc da cam; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự; Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình; Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; Người nhiễm HIV (Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017).

Thứ hai, nguyên tắc quan trọng nhất thể hiện rõ bản chất nhân đạo của hoạt động trợ giúp pháp lý là không thu bất cứ khoản tiền nào (thu phí, lệ phí, thù lao) từ người được trợ giúp pháp lý. Đây cũng là đặc điểm tạo ra sự khác biệt của hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam so với một số nước trên thế giới (Ví dụ: Điều 5 Luật Trợ giúp pháp lý năm 1997 của Bang Queensland (Úc) quy định "trợ giúp pháp lý có nghĩa là cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc có thu phí nhưng với mức thấp hơn so với giá trị thực tế của dịch vụ").

Thứ ba, vụ việc trợ giúp pháp lý phải liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý và không thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Vì thế, đối tượng là các cá nhân chứ không bao gồm các tổ chức. Quy định này được đặt ra là nhằm hạn chế các công việc được Nhà nước trợ giúp pháp lý, tránh tình trạng trợ giúp pháp lý một cách tràn lan, vượt quá khả năng tài chính và năng lực chuyên môn của cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý vốn đang rất mỏng hiện nay ở nước ta.

Thứ tư, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý là đa dạng, bao gồm Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý⁵¹. Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý. Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý. Luật huy động các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bằng nguồn kinh phí nhà nước hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bằng nguồn lực của chính tổ chức đó. Việc đa dạng hóa chủ thể cung cấp dịch vụ với các cơ chế này sẽ thu hút và lựa chọn được các tổ chức có các điều kiện đáp ứng yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý, nâng cao trách nhiệm của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và sử dụng có hiệu quả kinh phí của Nhà nước.

- Bản chất và đặc điểm của hỗ trợ pháp lý. Hiện nay không có quy định pháp luật nào giải thích như thế nào là “*hỗ trợ pháp lý*”, mà chỉ có các quy định về các hoạt động hỗ trợ pháp lý của các tổ chức, cá nhân trong các văn bản cụ thể như: các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (trước đây là Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, các quy định về tư vấn pháp luật theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/07/2008 và các quy định về dịch vụ pháp lý theo Luật Luật sư ban hành ngày 29/06/2006⁵².

Tuy không có một khái niệm được pháp luật hóa nhưng dưới góc độ khoa học, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được hiểu là hoạt động do những cơ quan, tổ chức nhất định thực hiện nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về pháp luật, ý thức và thói quen tuân

⁵¹Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

⁵² Luật số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

thủ pháp luật của doanh nghiệp. Qua đó, giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, phòng chống rủi ro pháp lý; góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

Đặc trưng của hoạt động hỗ trợ pháp lý và là cơ sở để phân biệt với hoạt động trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 gồm:

Thứ nhất, đối tượng được hỗ trợ pháp lý chỉ có thể là các chủ thể kinh doanh (doanh nghiệp), trong khi đó, đối tượng được trợ giúp pháp lý không thể có tư cách này. Ngoài ra, còn có một điểm khác nhau rất cơ bản giữa hỗ trợ pháp lý và trợ giúp pháp lý là: đối tượng trợ giúp pháp lý chỉ có thể là cá nhân còn trong hỗ trợ pháp lý thì đối tượng này đa dạng hơn, bao gồm cả cá nhân và pháp nhân (doanh nghiệp). Còn có một đặc điểm nữa liên quan đến đối tượng được trợ giúp pháp lý đó là: trong khi đối tượng được hỗ trợ pháp lý có thể là doanh nghiệp nước ngoài thì đối tượng được trợ giúp pháp lý chỉ có thể là người Việt Nam. *Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của đất nước, số lượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng tăng. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam gặp nhiều khó khăn, bất lợi khi tiếp cận với pháp luật Việt Nam do hạn chế về ngôn ngữ, sự hiểu biết về pháp luật và chính sách của Nhà nước, sự khác biệt về văn hóa kinh doanh⁵³... Vì thế, nhu cầu tiếp cận và sử dụng các hoạt động, các dịch vụ pháp lý cũng ngày càng trở lên cấp thiết đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình khi đầu tư vào Việt Nam.*

Thứ hai, các hoạt động hỗ trợ pháp lý đều không thu phí (trực tiếp hoặc gián tiếp), nghĩa là người sử dụng dịch vụ pháp lý không phải thanh toán tiền hoặc tài sản khác cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, Nhà nước có chính sách khuyến khích sự đóng góp, tham gia của doanh nghiệp, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, từng bước xã hội hóa công tác hỗ trợ pháp lý trong tương lai. Đây chính là điểm giống nhau duy nhất giữa hỗ trợ pháp lý với trợ giúp pháp lý với tư cách là hai hoạt động của Nhà nước ta.

⁵³ Rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam nhưng cũng chỉ có số vốn vài trăm ngàn đô la mỹ (vài tỷ đồng), các nhà đầu tư này hoạt động trong một lĩnh vực cụ thể hoặc mở một quán ăn, nhà hàng...(hoạt động này khá phổ biến ở Nha Trang, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh...).

Thứ ba, phạm vi (nội dung) hỗ trợ pháp lý được pháp luật quy định cụ thể, chặt chẽ. Đó chính là các sự việc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh và một số vấn đề khác mà doanh nghiệp quan tâm và Nhà nước có trách nhiệm đáp ứng. Việc đáp ứng các nhu cầu này được thực hiện theo kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương phê duyệt hàng năm.

Thứ tư, các chủ thể tham gia hỗ trợ pháp lý là rất đa dạng, bao gồm: các cơ quan Nhà nước (gọi chung là tổ chức chủ trì); các tổ chức đại diện của doanh nghiệp (như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp và các hiệp hội, hội, câu lạc bộ của doanh nghiệp); các tổ chức Luật sư (Văn phòng luật sư, công ty luật) và các Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân.

Như vậy, hỗ trợ pháp lý là các hoạt động mang tính dịch vụ công của Nhà nước được thực hiện nhằm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh (theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP); các doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017) có nhu cầu hỗ trợ về mặt pháp lý theo quy định của pháp luật.

So với “trợ giúp pháp lý”, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có sự khác biệt cơ bản về đối tượng thụ hưởng sự trợ giúp và vấn đề được trợ giúp, nội dung, hình thức trợ giúp. Trong khi trợ giúp pháp lý hướng tới các đối tượng thụ hưởng là cá nhân trong các trường hợp đặc biệt (các nhóm yếu thế trong xã hội) thì hỗ trợ pháp lý hướng tới đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc mọi thành phần kinh tế. Nếu như trợ giúp pháp lý có thể trợ giúp toàn bộ các vấn đề pháp lý liên quan đến cá nhân trợ giúp⁵⁴ thì hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chỉ được thực hiện ở một số vấn đề cụ thể, qua đó giúp các doanh nghiệp nắm được các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, trên cơ sở đó mà giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay không bao gồm việc đại diện để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp trước các cơ quan tài phán. Ngay bản thân khi thực hiện hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

⁵⁴Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 (Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018)).

thông qua giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thì pháp luật hiện hành⁵⁵ cũng loại trừ việc giải đáp pháp luật về những trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bản chất và đặc điểm của tư vấn pháp luật. Theo quy định tại Điều 28 Luật Luật sư (năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012) thì tư vấn pháp luật của Luật sư được hiểu là việc Luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/07/2008 về tư vấn pháp luật như một chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân có nhu cầu tư vấn pháp luật, bên cạnh hoạt động tư vấn pháp luật của các tổ chức, cá nhân theo Luật Luật sư. Hoạt động này có một số đặc điểm như sau:

Thứ nhất, về chủ thể thực hiện tư vấn pháp luật: các tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP là các Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật (gọi chung là tổ chức chủ quản). Ví dụ: Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam...

Thứ hai, về đối tượng được tư vấn pháp luật: Đối tượng được tư vấn pháp luật theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP là các thành viên, hội viên, đoàn viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật và các tổ chức, cá nhân khác. Như vậy, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng có thể nhận được dịch vụ tư vấn pháp luật khi tham gia vào các tổ chức xã hội – nghề nghiệp với tư cách là hội viên hoặc yêu cầu tư vấn pháp luật từ các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật (Ví dụ: Trường Đại học luật Hà Nội, Khoa luật thuộc Trường Đại học quốc gia Hà Nội)...

Thứ ba, về nguyên tắc của hoạt động tư vấn pháp luật: các Trung tâm tư vấn pháp luật chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP hoạt động mang tính chất xã hội, không nhằm mục đích thu lợi nhuận. Theo đó, các thành viên, hội viên, đoàn viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội -

⁵⁵Điều 10 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

nghe nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật được tư vấn miễn phí và chỉ tính phí đối với các tổ chức, cá nhân khác có yêu cầu nhằm bù đắp chi phí cho hoạt động của Trung tâm (theo quy định của cơ quan chủ quản).

Thứ tư, về người được phép tham gia tư vấn pháp luật tại các Trung tâm (Chi nhánh) tư vấn pháp luật: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/07/2008 về tư vấn pháp luật thì người thực hiện tư vấn pháp luật gồm: (1) Tư vấn viên pháp luật (có Thẻ tư vấn viên pháp luật); (2) Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho Trung tâm tư vấn pháp luật; (3) Cộng tác viên tư vấn pháp luật (có Hợp đồng cộng tác viên với Trung tâm tư vấn pháp luật).

Thứ năm, về quản lý hoạt động tư vấn pháp luật theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP: Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tư vấn pháp luật; tổ chức tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người thực hiện tư vấn pháp luật và thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác nhằm phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật theo thẩm quyền; thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương. *Hiện nay, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể nhận được các dịch vụ về tư vấn pháp luật khi tham gia vào các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, ví dụ: Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) với tư cách là thành viên; Hiệp hội ngân hàng với tư cách là hội viên...*

So với hoạt động “*tư vấn pháp luật*” mà luật sư thực hiện⁵⁶ thì hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (cũng tương tự như hoạt động trợ giúp pháp lý) là một dịch vụ công do Nhà nước thực hiện hoặc đảm bảo thực hiện nhằm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp khi thụ hưởng dịch vụ hỗ trợ pháp lý thì không phải trả phí thụ hưởng và các đối tượng được trợ giúp pháp lý cũng vậy, do được coi là đối tượng yếu thế trong xã hội nên họ cũng không phải trả phí dịch vụ, trong khi đó, hoạt động “*tư vấn pháp luật*” là dịch vụ tư và về nguyên tắc đây là dịch vụ có thu phí.

⁵⁶ Điều 22 Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).

“Tư vấn pháp luật” là một dịch vụ hoạt động độc lập, tuy nhiên, đây là một hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do Nhà nước đứng ra thực hiện trên cơ sở nguồn lực nhất định và kế hoạch trong một giai đoạn nhất định nhằm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc tư vấn pháp luật thông qua mạng lưới tư vấn viên pháp luật do nhà nước công nhận (Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

Ngoài ra, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của Việt Nam trong tình hình mới, đã đến lúc Việt Nam cần phải xây dựng chế định “Luật sư công” trong bộ máy nhà nước, theo đó, luật sư công là công chức nhà nước được bổ nhiệm làm luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng chính sách trong các tổ chức trợ giúp pháp lý của nhà nước. Luật sư công là vấn đề lớn, đang trong quá trình nghiên cứu, nhất là bối cảnh Luật Luật sư 2006 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012) và Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện trong thời gian tới.

1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Phần này làm rõ về khái niệm, cấu trúc và nội dung pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay. Cụ thể như sau:

Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm hệ thống các quy định pháp luật được chứa đựng trong các văn bản quy phạm pháp luật từ Luật đến Nghị định, Thông tư, quy định về đối tượng được hỗ trợ, hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý, điều kiện bảo đảm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra, tổng kết hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Cấu trúc pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp gồm cấu trúc hình thức và cấu trúc nội dung. Cấu trúc hình thức pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm Luật (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa), Nghị định (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), Thông tư (Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP) và các văn bản pháp luật liên quan. Cấu trúc nội dung bao gồm các nội dung cơ bản quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp về đối

trợ, hoạt động hỗ trợ, trách nhiệm các cơ quan có liên quan, bảo đảm thực hiện cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Nội dung pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm các quy định sau:

- Quy định pháp luật về đối tượng được thụ hưởng sự hỗ trợ pháp lý của Nhà nước, theo đó, theo quy định pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện hành thì Nhà nước hỗ trợ pháp lý chủ yếu cho đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa (trên cơ sở tiêu chí quy định pháp luật về doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa). Ngoài ra, tùy thuộc vào nguồn lực của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp mà có thể áp dụng các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đối cá nhân, tổ chức kinh doanh không phải doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc Nhà nước quy định tên chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa như hiện nay là nhằm phù hợp với quy định chung của các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã và đang tham gia, theo đó, các chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không bị cấm. Ngoài ra, Việt Nam, trong số 624.000 doanh nghiệp đang hoạt động thì có đến 97,7% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp lớn chỉ chiếm 2,3%⁵⁷, chính vì vậy, mục tiêu chính khi Nhà nước xây dựng chính sách này là tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng vẫn không quên đối tượng kinh doanh ngoài doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể như: doanh nghiệp lớn, các nhà đầu tư, các hợp tác xã, hộ kinh doanh... những đối tượng này, ở Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay cũng rất cần hỗ trợ pháp lý để nâng cao hơn nữa nhận thức, ý thức pháp luật và năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới.

- Quy định pháp luật về chủ thể có trách nhiệm thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: pháp luật hiện hành quy định trách nhiệm các cơ quan nhà nước (từ Trung ương tới địa phương), các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các doanh nghiệp trong việc thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong đó, Bộ Tư pháp được giao thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để

⁵⁷ Báo cáo số 150/BC-TCTK ngày 27/9/2019 của Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trong Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định; xây dựng mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh, trong đó, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp⁵⁸ có trách nhiệm: tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về pháp luật, chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành viên; tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng quy định trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau: phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định; thực hiện đúng và đầy đủ các quy định có liên

⁵⁸ Định nghĩa về tổ chức đại diện cho doanh nghiệp: theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động quản lý hội (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012) thì tổ chức đại diện doanh nghiệp (Hội) được quy định trong Nghị định này được hiểu là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam. Hội có các tên gọi khác nhau: hội, liên hiệp hội, tổng hội, liên đoàn, hiệp hội, câu lạc bộ có tư cách pháp nhân và các tên gọi khác theo quy định của pháp luật (Điều 2). Các tổ chức đại diện doanh nghiệp tầm quốc gia có: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp...

quan, trình tự, thủ tục để thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định; thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

Việc quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và cả trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa như trên là nhằm làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức để đảm bảo chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực thi hiệu quả trên thực tiễn, tránh chồng chéo trách nhiệm, tổ chức thực hiện giữa Trung ương với địa phương, giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

- Quy định các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, theo đó, pháp luật hiện hành từ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (khoản 3 Điều 14) đến Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Chương II) và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đều thống nhất quy định 02 hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do Nhà nước thực hiện gồm: (1) xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật và (2) xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đây là hai hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định thống nhất trong các quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu thực tiễn cần hỗ trợ pháp lý hiện nay của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong đó, Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm các hoạt động: (1) Hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); (2) Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật; (3) Hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực theo quy định của pháp luật.

Các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện có thời hạn tối đa là 05 năm, bao gồm Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp và

Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các địa phương. Riêng Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các bộ, cơ quan ngang bộ thì lồng ghép các nội dung của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vào Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số [39/2018/NĐ-CP](#) ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc quy định các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như trên là căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chứng năng kinh tế cũng như trách nhiệm triển khai một trong những hình thức dịch vụ công cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; nó phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và sự phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn và từng địa phương. Tuy nhiên, việc quy định các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, quan trọng vẫn là phải đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Nếu Nhà nước đưa ra các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có, nhưng các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên lại không phải là các hình thức hỗ trợ pháp lý mà doanh nghiệp cần thì các quy định về hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ không hiệu quả. Chính vì vậy, tùy thuộc vào giai đoạn lịch sử từ năm 2008 (năm đầu tiên ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) đến nay, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp luôn được điều chỉnh cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn nhưng dựa trên tổng kết, đánh giá và xác định rõ nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.

- Nguồn vốn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được pháp luật quy định theo hướng, kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được huy động, sử dụng kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Việc quy định kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như trên trong giai đoạn hiện nay nhằm xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bố trí kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đây là yếu tố bắt buộc và sống còn cũng như vai trò quyết định tính hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, không có nguồn lực kinh phí này thì không thể thực hiện được các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp dù Nhà nước có ban hành các quy định, chủ trương, Nghị quyết chỉ đạo quan tâm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà không bố trí kinh phí từ ngân sách thì các “quan tâm đấy” cũng chỉ là “sáo rỗng”. Thực tế trong thời gian qua, mặc dù Chính phủ đã có các chỉ đạo quyết liệt cần quan tâm hỗ trợ, “đồng hành cùng doanh nghiệp”, bên cạnh nhiều địa phương rất quan tâm, bố trí kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (như: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, tỉnh Tuyên Quang, Tỉnh Vĩnh Phúc...) thì còn nhiều địa phương chưa thực sự quan tâm, bố trí kinh phí từ ngân sách cho việc triển khai hoạt động này (như: tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Điện Biên, tỉnh Nghệ An...).

Ngoài ra, việc quy định huy động, sử dụng kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức cá nhân khác trong và ngoài nước trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được khuyến khích thực hiện nhằm tăng cường nguồn lực cho công tác này, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ đa dạng, hiệu quả của doanh nghiệp.

- Pháp luật quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, theo đó, cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: (a) Chất lượng, đối tượng thụ hưởng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (b) Việc thực hiện trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện hoạt động này; (c) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực

hiện, tác động đối với đối tượng được hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá tại mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình.

Việc tổng hợp ý kiến phản hồi của doanh nghiệp nhỏ và vừa thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý là cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Định kỳ 05 năm Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Việc quy định về trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như hiện nay là rất cần thiết khi thực hiện chức năng dịch vụ công của Nhà nước, đồng thời kiểm tra tính hiệu quả, sử dụng ngân sách hợp lý, tiết kiệm nhằm đưa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần được nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan và hiệu quả trong bối cảnh tập trung và nâng cao hơn nữa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới ở Việt Nam.

1.3. Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hiện nay trên thế giới tồn tại hai quan điểm khác nhau về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp⁵⁹.

Quan điểm thứ nhất (quan điểm của một số quốc gia như Đài Loan, Singapore, Úc...) cho rằng, trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và khu vực, các quốc gia đa số là thành viên của các tổ chức quốc tế, tham gia ký kết các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương, trong đó thể hiện rõ sự cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thì mọi hoạt động hỗ trợ bao gồm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà nước. Theo quan điểm này, doanh nghiệp phải tự tìm hiểu, trang bị kiến thức pháp luật hoặc khi có vấn đề pháp lý xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình thì phải chủ động tìm tới các

⁵⁹Báo cáo 145/BTP-PLDSKT ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tư pháp về kết quả khảo sát kinh nghiệm nước ngoài về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và ý kiến của GS. Steve Van Houten (Quốc tịch Canada), cố vấn cao cấp Ngân hàng phát triển Châu Á – ADB (hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn cho Bộ Tư pháp Việt Nam kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam).

văn phòng luật sư, công ty luật, nơi thực hiện các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp để ký hợp đồng dịch vụ pháp lý mà giải quyết.

Quan điểm thứ hai (quan điểm của một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Thái Lan...) lại cho rằng⁶⁰, doanh nghiệp phải được coi là đối tượng phục vụ của Nhà nước, vì vậy, song song với những hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, khoa học công nghệ, khởi nghiệp doanh nghiệp... Nhà nước phải có trách nhiệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, cũng theo quan điểm này thì Nhà nước không hỗ trợ doanh nghiệp một cách tràn lan, vô nguyên tắc mà phải theo những điều kiện nhất định dưới những hình thức nhất định và với những mức độ nhất định.

Nhìn nhận một cách tổng quan chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy, Đảng và Nhà nước đã xác định cần phải chuyển doanh nghiệp từ đối tượng bị Nhà nước “quản lý” sang đối tượng được Nhà nước “phục vụ”. Điều này đã được ghi nhận trong Hiến pháp hiện hành. Cụ thể là khoản 3 Điều 51 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “*Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh...*”. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, doanh nghiệp, doanh nhân nói chung đã được ghi nhận trong đạo Luật cao nhất của Nhà nước ta và là đối tượng được Nhà nước quan tâm, khuyến khích phát triển và bảo hộ. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 990/QĐ-TTg ngày 20/9/2004 lấy ngày 13/10 hàng năm là ngày doanh nhân Việt Nam. Vừa qua, Chính phủ đã ban hành một loạt các Nghị quyết để hỗ trợ doanh nghiệp như: Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/2/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020... Bản thân tác giả khi nghiên cứu về các cơ chế hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp hiện nay và học hỏi kinh nghiệm nước ngoài cũng đồng tình với quan điểm thứ hai này, theo đó, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là cần thiết, tuy nhiên không đồng nghĩa với việc Nhà nước làm thay toàn bộ mà chỉ góp phần tạo ra những cú hích, đòn bẩy để thay đổi nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cũng theo hệ thống quan

⁶⁰ Báo cáo 145/BTP-PLDSKT ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tư pháp về kết quả khảo sát kinh nghiệm nước ngoài về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

điểm này, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chỉ tập trung vào nhóm đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, là những đối tượng thể hiện sự yếu kém về kiến thức pháp luật, năng lực cạnh tranh, thiếu hụt về vốn, kỹ thuật, khoa học công nghệ... (dưới mức chuẩn tối thiểu để tham gia và có vị thế cạnh tranh trong nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế). Việc hỗ trợ pháp lý cho nhóm đối tượng này là nhằm giúp nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của pháp luật, tìm lại sự cân bằng trong kinh doanh mà không ảnh hưởng tới các cam kết quốc tế về chống trợ cấp, cạnh tranh không lành mạnh.

Kinh nghiệm triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại một số quốc gia trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước thuộc Cộng đồng chung Châu Âu coi việc thông tin và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là trách nhiệm của Nhà nước. Tại Cộng hòa Pháp, năm 1978 đã ban hành Luật số 78-753 quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm trả lời chính xác mọi câu hỏi của cá nhân và doanh nghiệp có liên quan đến các quy định pháp luật.⁶¹ Tại nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... bên cạnh việc hỗ trợ trực tiếp về tài chính, kỹ thuật, cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đang được vận hành hiệu quả, đặt trọng tâm vào các giải pháp phòng tránh rủi ro pháp lý trong kinh doanh, hỗ trợ cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp tại các quốc gia này tránh những thua thiệt không đáng có, ngày càng khẳng định vị thế không chỉ tại thị trường nội địa mà ngày càng phát triển vững bền trên trường quốc tế.

Các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Liên minh Châu Âu... và các nước đang phát triển trong khu vực như Malaixia, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... đều coi trọng vai trò của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với sự phát triển của nền kinh tế và luôn có các chính sách hỗ trợ gián tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hoa Kỳ được coi là một quốc gia tiên phong về luật hóa các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa⁶². Luật Doanh nghiệp nhỏ và vừa (The Small

⁶¹Nguồn: Báo cáo của Chương trình hỗ trợ kỹ thuật của EC cho Việt Nam (ETV2) tại Hội thảo: "Kinh nghiệm một số nước về trợ giúp pháp luật cho doanh nghiệp và nghiên cứu vận dụng tại Bộ Tài chính" ngày 15/11/2007.

⁶² Báo cáo 145/BTP-PLDSKT ngày 16/12/2013 của Bộ Tư pháp về kết quả khảo sát kinh nghiệm nước ngoài về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Business Act) của Hoa Kỳ được ban hành từ năm 1953 với mục đích bảo hộ quyền lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo cộng đồng doanh nghiệp này được đối xử công bằng với các doanh nghiệp lớn hơn trong việc tiếp cận nguồn lực của Nhà nước. Năm 1958, Luật này được sửa đổi với mục đích tập trung hơn nữa nhằm “trợ giúp, tư vấn, hỗ trợ và bảo vệ, trong phạm vi có thể, lợi ích của các mối quan tâm kinh doanh nhỏ”. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, một số đạo luật mới được thông qua như: Luật Phục hồi và Đầu tư lại của Hoa Kỳ năm 2009 (The American Recovery and Reinvestment Act of 2009), Luật Việc làm của doanh nghiệp nhỏ năm 2010 (The Small Business Jobs Act of 2010)... Đã góp phần vào sự tăng trưởng mạnh mẽ trong phát triển cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hoa Kỳ.

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của các nước trên thế giới liên quan đến đề tài Luận án có thể rút ra một số bài học về công tác này cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, *mục tiêu của việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng cần phải được xác định rõ trong Luật.* Xác định mục tiêu thực sự của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ có vai trò quyết định đến sự khác biệt trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... của các nước mà còn xác định phạm vi, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần phải được pháp luật điều chỉnh. Trong nhiều nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay ở các nước, trong đó có Hàn Quốc⁶³, vấn đề mục tiêu của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được đặt ra rất rõ ràng, cho từng giai đoạn, từng thời kỳ. Cụ thể, ở Hàn Quốc vào những năm 1970, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu cần nâng cao hiểu biết về công nghệ, kỹ thuật mới và cập nhật thông tin pháp lý, vì vậy, trong giai đoạn này, Chính phủ Hàn Quốc đặt mục tiêu chủ yếu là tổ chức các khóa đào tạo kiến thức nói chung, trong đó có kiến thức, thông tin pháp luật và bắt buộc ban lãnh đạo các công ty phải tham gia. Từ 1979 - 1986, doanh nghiệp Hàn Quốc chưa thấy được sự cần thiết và họ thường từ chối các chương trình hỗ trợ nói chung, trong đó có cả hỗ trợ thông tin, pháp lý của Chính phủ. Giai đoạn từ 1986 - 2000, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa Hàn Quốc đã thay đổi quan điểm, họ chú trọng nhiều hơn đến hoạt động tư vấn và đào tạo,

⁶³ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

trong đó có tư vấn pháp luật, thông tin pháp luật và đào tạo các kiến thức pháp luật. Từ năm 2000 đến nay, trên cơ sở thực tế nhu cầu cầu hỗ trợ nhiều hơn của doanh nghiệp nhỏ và vừa mà Chính phủ Hàn Quốc đã duy trì và chú trọng thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ tư vấn và chẩn đoán miễn phí về kỹ thuật và quản lý của Hàn Quốc (SBC), trong đó liên quan nhiều đến thông tin, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp và các hoạt động này gặt hái nhiều thành công.

Ở Việt Nam, mục tiêu thực sự của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ. Dường như quy định của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP... kể cả đến nay khi ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) chưa có đủ cơ sở để định hình rõ nét cho một chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thống nhất ở Việt Nam. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đã xác định rất rõ việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 14) nhưng các biện pháp hỗ trợ, hình thức hỗ trợ còn chưa khả thi, chưa có căn cứ pháp lý đầy đủ để thực hiện và khi ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thì nhiều mục tiêu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng chỉ được xác định một cách chung chung như nhằm nâng cao năng lực, ý thức pháp luật cho doanh nghiệp mà không xác định rõ các mục tiêu cụ thể, rõ ràng của từng giai đoạn, từng thời kỳ.

Thứ hai, khái niệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cần phải được định nghĩa một cách rõ ràng trong pháp luật (Luật hoặc Nghị định). Thuật ngữ “hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” được đề cập nhiều trong những năm gần đây, nhất là kể từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phê duyệt các Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp; các Bộ, ngành và các địa phương đã ban hành các kế hoạch/chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực và địa bàn nhất định. Tại Việt Nam, Nghị định số 66/2008/NĐ-CP không đưa ra định nghĩa về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà chỉ đưa ra nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Qua nghiên cứu kinh nghiệm một số nước cho thấy, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được ghi nhận trong Luật. Cụ thể, năm 1963, Nhật Bản đã ban hành Luật Cơ bản về doanh nghiệp nhỏ và vừa

và tiếp tục tiến hành sửa đổi toàn diện Luật Cơ bản về doanh nghiệp nhỏ và vừa vào các năm 1999, 2013. Theo Luật này hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: là giúp hiểu biết toàn diện về cơ sở hạ tầng pháp lý của doanh nghiệp và vừa, để doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể nắm bắt được cơ sở hạ tầng pháp lý toàn diện, trong đó, lĩnh vực pháp lý chính được chọn để đại diện cho môi trường thực tế không thể thiếu cho các hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa là Luật Tài chính, quản trị doanh nghiệp, Luật Cạnh tranh, Luật Lao động và thúc đẩy kỹ năng, và Luật về xúc tiến thương mại. Nhật Bản có những chính sách cụ thể nhằm tăng cường mạng lưới an toàn tài chính và các biện pháp hỗ trợ pháp lý tái cơ cấu doanh nghiệp. Hiệp hội hỗ trợ tái cơ cấu doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, gồm Phòng Thương mại và Công nghiệp, Liên hiệp hội thương mại và công nghiệp, tổ chức tài chính của Chính phủ, tổ chức tài chính địa phương, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chính quyền địa phương. Quỹ Hỗ trợ tái cơ cấu doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Cơ quan xây dựng hạ tầng doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được thành lập (SMRJ).

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP tại khoản 1 Điều 3 Nghị định điều khoản giải thích từ ngữ, bước đầu đã thống nhất cách hiểu từ ngữ: hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là việc bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện các hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Cách hiểu này làm rõ các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP nhưng chưa làm rõ đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định này có bao gồm các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể... có thuộc đối tượng được Nhà nước hỗ trợ pháp lý theo Nghị định hay không? Vì tên là Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng Điều 19 của Nghị định có nêu hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể là các tổ chức, cá nhân kinh doanh. Vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước và thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam, cần phân tích rõ và đưa ra được định nghĩa về phạm vi, đối tượng, hình thức

hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp một cách thống nhất, rõ ràng, có cơ sở lý luận khoa học cơ bản.

Thứ ba, việc xác định đối tượng được Nhà nước hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng cần phải được xem xét một cách kỹ lưỡng, thận trọng trên cơ sở trình độ phát triển kinh tế - xã hội cùng từng nước mà không thể tùy tiện, duy ý chí. Các quốc gia sử dụng các tiêu chí khác nhau để xác định doanh nghiệp nào được Nhà nước hỗ trợ. Theo quy định của tất cả các nước, chỉ có doanh nghiệp nhỏ và vừa là đối tượng được Nhà nước hỗ trợ. Tuy nhiên, tiêu chí để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các quốc gia khác nhau cũng là khác nhau và vì vậy, số lượng số lượng các doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ ở các nước là hoàn toàn khác nhau.

Thực tế cho thấy, đến nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đưa ra một định nghĩa hoặc tiêu chí riêng về doanh nghiệp nhỏ và vừa⁶⁴, song có điểm chung là tiêu chí để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu được căn cứ vào doanh thu và số lao động; xét về quy mô, các đối tượng được hỗ trợ pháp lý được chia thành 3 loại: doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Xét lĩnh vực hoạt động, các doanh nghiệp này tồn tại trong 3 lĩnh vực của nền kinh tế là: nông lâm nghiệp thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau nên việc xác định doanh thu là bao nhiêu và số lượng lao động được sử dụng là bao nhiêu ở các nước cũng hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các nước khác nhau là không thể giống nhau.

Ở Cộng hòa Liên Bang Nga trong Luật Hỗ trợ kinh doanh nhỏ và vừa năm 2007⁶⁵, đối tượng được hỗ trợ không chỉ có doanh nghiệp mà còn có cả cá nhân kinh doanh và hợp tác xã. Đây là một đặc thù, được quy định bởi điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của nước Nga. Do vừa mới phát triển theo định hướng tư bản chủ nghĩa, trong nền kinh tế nước Nga vẫn còn nhiều dấu ấn của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trước đây (ví dụ: đã từng tồn tại hệ thống các hợp tác xã trong nền kinh tế) nên Nhà nước Nga không thể không quan tâm đến lực lượng sản xuất xã hội này. Chính vì phải quan tâm nên Nhà nước Cộng hòa Liên Bang Nga mới quyết định đưa hợp tác xã vào đối tượng điều chỉnh

⁶⁴ Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Chính phủ kèm theo Tờ trình số 386/TTr-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ trình Quốc hội về dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

⁶⁵ Báo cáo 145/BTP-PLDSKT ngày 16/12/2013 của Bộ Tư pháp về kết quả khảo sát kinh nghiệm nước ngoài về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

của Luật Hỗ trợ kinh doanh nhỏ và vừa năm 2007. Bài học của nước Nga cho thấy, khó xác định được thành phần đối tượng được sự hỗ trợ của Nhà nước, cần phải xuất phát từ đặc thù của nền kinh tế của mỗi nước mà không thể rập khuôn máy móc.

Ở Việt Nam cũng vậy, khi xác định đối tượng được Nhà nước hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng, nhà lập pháp cũng có quyết sách riêng. Khác với nhiều quốc gia trên thế giới, việc Nghị định số 55/2019/NĐ-CP xác định một cách rộng rãi các đối tượng được Nhà nước hỗ trợ pháp lý, bao gồm không chỉ các doanh nghiệp mà còn các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cá nhân kinh doanh tuy không phù hợp với quan niệm chung của nhiều nước trên thế giới nhưng lại phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Ở Việt Nam, bên cạnh doanh nghiệp còn có hợp tác xã và gần 5,5 triệu hộ kinh doanh. Đây là những lực lượng sản xuất, kinh doanh không kém phần quan trọng trong nền kinh tế nước nhà. Vì vậy, việc đưa các chủ thể này vào đối tượng được hỗ trợ pháp lý như Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định là điều hết sức cần thiết, hợp tình, hợp lý và hoàn toàn có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên, trên cơ sở kinh nghiệm của các nước trên thế giới, quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và xuất phát từ đặc điểm của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, trong thời gian tới chỉ nên tập trung xác định rõ đối tượng được Nhà nước hỗ trợ pháp lý chỉ là doanh nghiệp nhỏ và vừa với các nội dung, hình thức và phương pháp hỗ trợ pháp lý phù hợp vì những lý do cơ bản như sau:

Một là, doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế kiến thức pháp lý. Nhận thức của nhiều chủ doanh nghiệp, nhà quản lý doanh nghiệp về vai trò của pháp luật trong hoạt động kinh doanh còn khá hạn chế. Nhiều chủ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đi lên từ mô hình sản xuất nhỏ, không được đào tạo hoặc bồi dưỡng bài bản về kiến thức pháp luật, thường làm việc theo thói quen.

Hai là, hệ thống pháp luật ngày càng phức tạp⁶⁶. Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay đang ngày càng trở nên phức tạp, chồng chéo (ví dụ: riêng lĩnh vực pháp luật điều chỉnh về quan hệ hợp đồng, Việt Nam có trên 160 văn bản pháp luật có liên quan đến quan hệ pháp luật này từ Bộ luật, Luật, Nghị định, Thông tư đến các Nghị quyết...;

⁶⁶ Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường tại Diễn đàn doanh nghiệp CEO Việt Nam năm 2015 ngày 24/9/2015 cho rằng: “Hệ thống pháp luật Việt Nam rất phức tạp, Việt Nam có hơn 1 triệu văn bản quy phạm pháp luật”.

pháp luật về đất đai có hơn 200 văn bản liên quan từ Bộ luật, Luật đến các Nghị định, Thông tư...⁶⁷). Vì vậy, việc áp dụng các văn bản pháp luật đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng trở nên ngày càng không hề dễ dàng.

Ba là, doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan nhà nước chưa chú trọng đến công tác pháp chế, hỗ trợ doanh nghiệp một cách đúng mức và kịp thời. Công tác pháp chế của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa thường bị buông lỏng, thậm chí ở những nơi có bộ phận pháp chế thì tầm ảnh hưởng cũng không nhiều trong các quyết định pháp luật của tổ chức, đơn vị đó. Vấn đề quan trọng nhất là chất lượng cán bộ pháp chế, đặc biệt là ở địa phương và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bốn là, dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Thực tế, số lượng các cá nhân, tổ chức hành nghề cung cấp dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung thường tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, còn những địa phương khác thì hạn chế nhiều, chất lượng hoạt động chưa đồng đều và phần đa là chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Vì vậy, việc doanh nghiệp nhỏ và vừa muốn tìm kiếm sự hỗ trợ về pháp lý của những cá nhân có am hiểu pháp lý không phải lúc nào cũng dễ thực hiện, đặc biệt là thêm rào cản về chi phí và quan niệm chưa đúng của chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, không ít những chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa quan niệm là chỉ nên tìm sự giúp đỡ của luật sư khi có kiện tụng hoặc khi gặp rắc rối về hình sự.

Thứ tư, cần xác định đầy đủ, hợp lý nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Hiệu quả của hoạt động hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của các chủ thể thực thi hoạt động hỗ trợ. Vì vậy, các nước đều quy định rất rõ địa vị pháp lý (quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm) của các chủ thể này. Ví dụ, tại Hàn Quốc, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được giao cho Bộ Lập pháp Hàn Quốc⁶⁸, để thực hiện hiệu quả hoạt động này, ngoài thường trực 06 thành viên công chức của Bộ Lập pháp Hàn Quốc chuyên trách công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thì Bộ

⁶⁷<http://tuvanluatdatdai.com.vn/he-thong-phap-luat-dat-dai-viet-nam-trong-20-nam-doi-moi-48-a8ia.html>, truy cập ngày 15/7/2019.

⁶⁸ Báo cáo 145/BTP-PLDSKT ngày 16/12/2013 của Bộ Tư pháp về kết quả khảo sát kinh nghiệm nước ngoài về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

đã thành lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với gần 200 luật sư. Nhiều nước quy định thành lập Hội đồng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong luật, đặc biệt là các nước trong Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) để hỗ trợ cho doanh nghiệp nói chung trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong Luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Philippines (The Magna Carta for Small Enterprises, 1991) có quy định thành lập cơ quan Hội đồng Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDC). SMEDC là tổ chức chủ đạo xây dựng và hình thành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cơ cấu của cơ quan này gồm 8 đại diện của các bộ ngành Chính phủ và 4 đại diện đến từ khu vực tư nhân. Indonesia có Ủy ban Điều phối phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các nước thuộc Cộng đồng chung Châu Âu xác định trách nhiệm thông tin pháp lý cho doanh nghiệp là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức. Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam liệt kê các đối tượng thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (kể cả Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây) và Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp và các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các Bộ, ngành và địa phương cũng lựa chọn cách liệt kê và mô tả các đối tượng thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thay vì xây dựng một khái niệm mang tính bao quát và xác định thẩm quyền của các cơ quan có liên quan trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm hiện nay là làm thế nào để không những quy định rõ địa vị pháp lý của từng cơ quan, tổ chức (chủ thể) làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn xác định rõ mối quan hệ qua lại, sự hợp tác giữa các chủ thể này trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Hiện nay đây là điểm yếu trong pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và nếu không được sớm khắc phục thì sẽ ảnh hưởng xấu đến chất lượng công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta.

Thứ năm, *cần quan tâm hơn nữa về mặt kinh phí của Nhà nước dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.* Hoạt động hỗ trợ nói chung và hoạt động hỗ trợ pháp lý nói riêng luôn phải gắn liền với những khoản chi tiêu nhất định mà Nhà nước phải bỏ ra hoặc các chủ thể khác phải bỏ ra. Tuy nhiên, do hỗ trợ là một chức năng, một nhiệm vụ mà Nhà nước phải thực hiện đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa nên

Nhà nước luôn phải là người chi trả chính cho các khoản chi tiêu liên quan đến việc cung cấp các hoạt động này. Vì vậy, cần phải xác định Nhà nước là người “tài trợ chính cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”. Bài học này không chỉ được rút ra cho các nước phát triển mà rất có ích cho Việt Nam. Không thể lấy lý do Nhà nước đang còn nghèo, điều kiện tài chính còn yếu mà khước từ vai trò là nhà tài trợ chính chủ yếu cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong khi các tổ chức hiệp hội của doanh nghiệp nhỏ và vừa đang yếu kém về mọi mặt, đặc biệt là về mặt tài chính thì vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực này lại càng trở nên quan trọng. Có thâm thuậ được bài học kinh nghiệm này thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới đủ thiện chí và lý do để “mở hầu bao” cho dù hiện nay “hầu bao” đó là rất hạn chế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

1. Trên cơ sở nội dung về những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có thể rút ra được một số nhận định chung như sau:

Thứ nhất, về bản chất, hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng là một dạng dịch vụ công được Nhà nước thực hiện đối với một số doanh nghiệp nhất định (thông thường là doanh nghiệp nhỏ và vừa) nhằm góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp với các quy mô khác nhau. Hoạt động này cũng là một hoạt động phản ánh chức năng kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, đồng thời đây được xác định là một hình thức dịch vụ công của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ hai, hỗ trợ cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng sáng tạo), kể cả hỗ trợ pháp lý không mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa các doanh nghiệp mà trái lại, góp phần thiết lập tình trạng này giữa các doanh nghiệp vốn chênh lệch nhau về quy mô kinh doanh. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã trở thành một chức năng cơ bản của Nhà nước, bất luận chế độ chính trị và trình độ phát triển kinh tế của các nước là rất khác nhau. Đây cũng được coi là “cú hích” của Nhà nước vào thị trường dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam, để tạo các sản phẩm tư vấn pháp lý, hỗ trợ pháp lý làm chất “xúc tác” khiến cho nhu cầu cần sử dụng dịch vụ pháp lý sẽ được ưu tiên khi doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Thứ ba, hỗ trợ pháp lý có nhiều điểm khác biệt so với các hình thức giúp đỡ (trợ giúp) khác đang tồn tại trong xã hội mà đặc biệt là với trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật. Điểm khác nhau cơ bản giữa hỗ trợ pháp lý với các hình thức giúp đỡ (trợ giúp) vừa nêu trên là hỗ trợ pháp lý chỉ áp dụng cho các chủ thể kinh doanh (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa), trong khi đó, trợ giúp pháp lý lại chỉ áp dụng với các đối tượng không có tư cách này.

Thứ tư, hỗ trợ pháp lý là công việc mà nhiều nhà nước văn minh phải thực hiện đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động trong nền kinh tế quốc gia mình. Tuy nhiên, nội dung, hình thức, hiệu quả công tác này ở các nước khác nhau là không thể

giống nhau. Những sự khác biệt này không thể tự nhiên mà có mà đã được quy định bởi những điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp lý khác nhau vốn luôn luôn tồn tại một cách khách quan ở các nước. Nhận thức được điều này không những giúp Nhà nước ta phải luôn tìm tòi, nghiên cứu để học hỏi kinh nghiệm về phương pháp, cách thức hỗ trợ pháp lý mà các nước khác đang thực hiện mà còn giúp Nhà nước ta không nóng vội, duy ý chí trong việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Sự yếu kém, hạn chế trong hoạt động này ở nước ta là tất nhiên và có thể giải thích được, bởi vì “pháp luật không bao giờ có thể cao hơn trình độ phát triển kinh tế của một xã hội mà ở đó, pháp luật được tạo ra”⁶⁹.

Thứ năm, để điều chỉnh một cách kịp thời, hiệu quả các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nhà nước ta đã lần lượt ban hành và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề này. Kết quả là, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta. Với tư cách là một bộ phận cấu thành của chế định pháp lý về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, pháp luật về hỗ trợ pháp lý bao gồm nhiều nhóm quy định, trong số đó đáng lưu ý nhất là quy định về đối tượng được hỗ trợ, chủ thể có trách nhiệm thực hiện hoạt động hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ, nội dung, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ, nguồn lực tài trợ và chế tài đối với những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Ngoài ra, qua việc nghiên cứu pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở một số nước trên thế giới để có cái nhìn sâu sắc hơn về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nhấn mạnh rằng, hầu hết các nước thuộc Cộng đồng chung Châu Âu coi việc thông tin và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là trách nhiệm của Nhà nước. Tại Cộng hòa Pháp, năm 1978 đã ban hành Luật số 78-753 quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm trả lời chính xác mọi câu hỏi của cá nhân và doanh nghiệp có liên quan đến các quy định pháp luật. Tại nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đang được vận hành hiệu quả qua đó giúp doanh nghiệp tại các quốc gia này ngày càng phát triển vững bền trên trường quốc tế. Qua đó, đã đưa ra các bài học kinh

⁶⁹C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập, Sđd*, 1993, t. 23, tr. 1057 - 1058, 347 – 348.

nghiệm về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới như việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cần được xác định rõ trong Luật và xuyên suốt trong các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; xác định đầy đủ, hợp lý nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; quan tâm hơn nữa về mặt kinh phí của Nhà nước dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và huy động hiệu quả các nguồn lực của xã hội đóng góp cho việc triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian tới.

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

2.1. Sự hình thành và phát triển pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam

2.1.1. Giai đoạn trước năm 2008⁷⁰

Trước năm 2008, Đảng và Nhà nước cũng đã bắt đầu ban hành các chủ trương, chính sách về truyền truyền chính sách pháp luật cho doanh nghiệp như: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX đã khẳng định cần *“tăng cường chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với kinh tế tập thể và các mô hình làm ăn có hiệu quả”*. Đối với doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 đã khẳng định quyết tâm *“làm tốt công tác phổ biến, tuyên truyền quan điểm đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển kinh tế tư nhân”*.

Cụ thể hóa Chủ trương của Đảng, ngày 07/01/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg về việc ban hành kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Trong Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tại phần IV mục A đã xác định: *“các chủ doanh nghiệp, người quản lý, cán bộ công đoàn trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải được phổ biến pháp luật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh”*.

Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ từ năm 2003 đến năm 2007 ban hành kèm theo Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg ngày 17/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đối tượng người lao động, người quản lý và cán bộ công đoàn trong doanh nghiệp là các đối tượng được ưu tiên thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật thiết thực đối với họ.

⁷⁰Giai đoạn trước năm 2008 là giai đoạn trước khi Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành.

Các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy nhiên, những thay đổi trong thời gian này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp về tiếp cận pháp luật cũng như nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước về vấn đề này. Kết quả điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2005 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI đánh giá về mức độ tiếp cận pháp luật cho thấy:

Đánh giá về mức độ tiếp cận	Các văn bản pháp luật cấp Trung ương (như Luật, Pháp lệnh, Nghị định...)	Các văn bản pháp luật cấp địa phương (như Quyết định, Chỉ thị... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
Rất dễ	8,53%	9,59%
Tương đối dễ	25,06%	28,94%
Có thể	33,93%	33,41%
Khó	20,89%	20,65%
Không thể	11,59%	7,40%

Theo kết quả điều tra năm 2005 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy có đến 11,59% các doanh nghiệp không thể tiếp cận được các văn bản quy phạm pháp luật cấp Trung ương (như Luật, Pháp lệnh, Nghị định...); 7,40% doanh nghiệp không thể tiếp cận được các văn bản quy phạm pháp luật cấp địa phương (như Quyết định, Chỉ thị... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Rất nhiều doanh nghiệp được khảo sát lúc đó cho rằng, để có được các văn bản quy phạm pháp luật phải có quan hệ với các cơ quan nhà nước và trong nhiều trường hợp phải tốn kém chi phí. Cũng theo kết quả điều tra trên thì 69,78% doanh nghiệp cho rằng, để tiếp cận được với các thông tin tài liệu nêu trên thì quan hệ với các cơ quan nhà nước là rất quan trọng hoặc quan trọng.

Trong khi đó, thực trạng hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thời điểm đây cho thấy, tính đến thời điểm cuối năm 2006, cả nước có 301 hiệp hội hoạt động ở phạm vi trên toàn quốc và 2155 hội hoạt động ở phạm vi tỉnh, thành phố⁷¹. TP. Hồ Chí

⁷¹Báo cáo về công tác hội của Bộ Nội vụ năm 2006.

Minh có nhiều hiệp hội hoạt động ở phạm vi toàn quốc nhất (140 hiệp hội), sau đó đến TP. Hà Nội (93 hiệp hội)... Tuy nhiên, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp này hoạt động rất cầm chừng, chỉ có một số tổ chức đại diện cho doanh nghiệp như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam là thường xuyên tổ chức được các hoạt động hỗ trợ cho hội viên các văn bản pháp luật, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, còn đa phần các tổ chức đại diện khác rất khó khăn trong việc triển khai các hoạt động, nhất là hỗ trợ pháp luật cho các doanh nghiệp hội viên.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn lúc đó, một tổ chức chuyên về pháp luật đại diện cho doanh nghiệp tại Việt Nam là Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 212/1999/QĐ – TCCB ngày 22/7/1999 thành lập trên cơ sở sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ. Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp là một tổ chức xã hội – nghề nghiệp, hoạt động trong lĩnh vực pháp chế doanh nghiệp và là “cầu nối” giữa cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật kinh tế. Câu lạc bộ dưới sự quản lý của Bộ Tư pháp được xem là một “địa chỉ” hỗ trợ pháp lý đáng tin cậy cho các doanh nghiệp hội viên thuộc mọi thành phần kinh tế. Tôn chỉ, mục đích của Câu lạc bộ là tập hợp, đoàn kết hội viên, hỗ trợ về pháp lý cho hoạt động của các hội viên; thu thập ý kiến của các hội viên để kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hoàn thiện pháp luật; tổ chức tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh, công tác pháp chế; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ pháp lý, kỹ năng công tác pháp chế doanh nghiệp; cung cấp ý kiến pháp lý theo yêu cầu của các hội viên và thực hiện các công việc khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở giai đoạn trước năm 2008 có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn này chưa được coi là một chính sách, một công việc quan trọng thuộc chức năng kinh tế của Nhà nước. Điều này thể hiện ở chỗ: *Một là*, chưa có văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành dành cho vấn đề này. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự quan tâm đến doanh nghiệp chủ yếu tồn tại dưới hình thức các chủ trương, chính sách, nghị quyết mà thôi. *Hai là*, chưa hình

thành một tổ chức (dù là sơ khai) có tính chất nhà nước để thực hiện một cách chuyên nghiệp các nhiệm vụ có liên quan đến công tác hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. *Ba là*, Nhà nước chưa hình thành (xây dựng) bất cứ một nguồn tài chính đáng kể nào cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trên thực tế, mạnh ai nấy làm một cách manh mún, tự phát.

Thứ hai, các hoạt động, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn “đơn giản, nghèo nàn” chủ yếu thông qua hoạt động phổ biến, tuyên truyền, tập huấn pháp luật cho doanh nghiệp, do đó, hiệu quả chưa cao, chưa thực sự thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp và chưa đáp ứng được yêu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; không phát huy được vai trò, ý nghĩa của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trên thực tế, giữa nhu cầu tìm hiểu pháp luật, nâng cao tri thức pháp luật, các doanh nghiệp rất cần đến các hình thức hỗ trợ pháp lý khác như giải đáp pháp luật, giải quyết các công việc cụ thể phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp tự thấy bản thân mình không thể giải quyết được... vì vậy, tính nghèo nàn, giải đơn là đặc thù nổi bật các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn này mà rất cần được khắc phục trong thời gian tới.

2.1.2. Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2017

Đây là giai đoạn sau khi ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP⁷² đến trước khi có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Giai đoạn này được đánh dấu bởi sự quan tâm đáng kể của Đảng và Nhà nước đối với tầng lớp doanh nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng đã chỉ rõ: *"Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thật sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo; thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả nền kinh tế và thực hiện tốt các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc"*.

Cùng với việc không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đang được hoàn thiện để góp

⁷² Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2017: là giai đoạn sau khi Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành (đây được coi là Nghị định “không đầu”, Nghị định đầu tiên và văn bản pháp lý cao nhất của Việt Nam về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

phần đưa pháp luật vào cuộc sống là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn mới, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và hiệu quả với nhiều hình thức, biện pháp phù hợp. Có thể nói hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong điều kiện kinh tế, xã hội khi bắt đầu chuyển đổi nền kinh tế, hàng loạt các đạo luật liên quan đến doanh nghiệp được ban hành. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là khâu then chốt nhằm ngăn ngừa, hạn chế các vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật cho doanh nghiệp, tăng cường năng lực cạnh tranh và góp phần hạn chế rủi ro pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp.

Việc đưa pháp luật đi vào cuộc sống thì đối tượng là doanh nghiệp có những nét đặc thù so với các đối tượng khác, đây là lực lượng quan trọng là “*xương sống*” của nền kinh tế, là lực lượng tác động đến nhiều đối tượng khác trong xã hội, vì vậy, việc hỗ trợ pháp luật cho đối tượng này cần có cơ chế riêng mà cụ thể đã được quy định trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong đó quy định cụ thể nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc triển khai thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Tiếp đó, ngày 05/5/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010-2014, định hướng đến năm 2020, trong đó có 03 dự án gồm: hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên một số hoạt động cụ thể; tăng cường năng lực cho cơ quan tổ chức thực hiện chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Để triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Quyết định số 585/2008/QĐ-TTg (*Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục thực hiện và điều chỉnh Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010-2014*), các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các địa phương đã ban hành nhiều văn bản như Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 157/2010/TT-BTC-BTP ngày 12/10/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bộ Tư pháp đã ban hành Quy chế quản lý thực hiện Chương trình 585 (ban hành theo Quyết

định số 2746/QĐ- BTP ngày 22/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Quyết định số 354/QĐ- BTP ngày 22/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về kế hoạch tổng thể triển khai Chương trình 585 giai đoạn 2010-2014, Kế hoạch giai đoạn 2015-2020.

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh và phát triển để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến doanh nghiệp. Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2016 - 2017 và định hướng đến năm 2020.

Qua nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển các quy định thực hiện về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP đến trước khi có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lần đầu tiên được ghi nhận trong một văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao của Nhà nước ta là Nghị định của Chính phủ (Nghị định số 66/2008/NĐ-CP). Với sự ra đời của Nghị định này, ở nước ta đã chấm dứt tình trạng thiếu quy định pháp luật về một lĩnh vực hoạt động rất quan trọng và cần thiết của Nhà nước đối với doanh nghiệp là lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thứ hai, Nghị định này đã quy định được một cách có hệ thống, đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, bao gồm những vấn đề cơ bản như hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý, điều kiện bảo đảm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...

Thứ ba, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn sau năm 2008 được thực hiện thống nhất, đa dạng hơn trên phạm vi cả nước; bước đầu đã phát huy được vai trò, ý nghĩa nhất định của hoạt động hỗ trợ pháp lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp, nâng cao vai trò, uy tín và tầm quan trọng của ngành Tư pháp trong cộng đồng doanh nghiệp.

2.1.3. Giai đoạn từ năm 2017 đến nay

Đây là giai đoạn sau khi có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đến nay. Theo đó, ngày 12/6/2017, tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó, tại Điều 14 đã xác lập chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là lần đầu tiên hoạt động hỗ trợ pháp lý của Nhà nước cho doanh nghiệp đã được luật hóa, làm căn cứ pháp lý quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, nhất là việc xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, xây dựng mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Để hướng dẫn cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 24/6/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trên cơ sở quy định của Luật và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP nêu trên, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan ngang Bộ (thông qua Vụ Pháp chế, tổ chức pháp chế) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (thông qua Sở Tư pháp) đã tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại ngành, địa phương mình.

Qua nghiên cứu các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sau khi có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đến nay có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, lần đầu tiên, chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được ghi nhận trong Luật với tư cách là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị cao nhất (chỉ sau Hiến pháp) trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định một cách khái quát nội dung hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, theo đó, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: (a) xây dựng, quản lý, quy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; (b) xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

Thứ hai, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn này được tập trung vào doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuy nhiên, trong Nghị định số 55/2019/NĐ-CP vẫn cho phép mở rộng các đối tượng được hỗ trợ pháp lý khi có quy định, theo đó, tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 19).

Thứ ba, cơ chế tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn pháp luật được thiết lập tại các bộ, ngành lần đầu tiên được thí điểm áp dụng để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP). Cơ chế này tạo điều kiện để huy động sự tham gia tích cực hơn nữa của các tư vấn viên pháp luật gồm các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.2. Thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

2.2.1. Nội dung cơ bản của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Khoản 3 Điều 51 Hiến pháp quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh...”. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử Hiến pháp Việt Nam, dưới doanh nhân và quyền đầu tư, sản xuất, kinh doanh của họ đã được hiến định một cách trang trọng và chính thức. Để góp phần giúp doanh nghiệp thực hiện được quyền của mình, Nhà nước ta đã ban hành nhiều đạo luật, trong đó có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Tại khoản 3 Điều 14 Luật quy định: “*Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật*”. Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, một loạt các văn bản dưới luật đã được ban hành, trong số đó, đáng lưu ý nhất là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa⁷³ (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành quy định về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh

⁷³Nghị định số 55/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 16/8/2019.

ng nghiệp ở Việt Nam⁷⁴. Như vậy, các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã không ngừng được xây dựng, hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nội dung cơ bản của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm các nhóm quy định như sau:

2.2.1.1. Quy định pháp luật về đối tượng được Nhà nước hỗ trợ pháp lý

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định đối tượng được Nhà nước hỗ trợ pháp lý là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 1). Các doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo các tiêu chí sau đây: (1) có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: (a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; (b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. (2) doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ (Điều 4 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017).

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xác định rõ các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

“Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa.

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không

⁷⁴Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Thông tư số 99/2009/TT-BQP ngày 3/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này” (Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP).

Theo pháp luật Liên minh Châu Âu, việc xác định một doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa không chỉ căn cứ vào quy mô của bản thân doanh nghiệp mà còn căn cứ vào những nguồn lực khác mà doanh nghiệp có⁷⁵. Nếu một doanh nghiệp thuộc sở hữu, hoặc có liên kết với doanh nghiệp lớn khác thì doanh nghiệp đó không được xếp loại doanh nghiệp nhỏ và vừa mặc dù nó đáp ứng đủ các tiêu chí về quy mô. Vì vậy, căn cứ vào cách thức thành lập, doanh nghiệp được phân thành ba loại: doanh nghiệp tự chủ (autonomous enterprise); doanh nghiệp đối tác (partner enterprise); và doanh nghiệp liên kết (linked enterprise). Việc phân loại doanh nghiệp này đồng thời là căn cứ để tính toán số liệu về số lượng nhân viên và hạn mức tài chính của một doanh nghiệp. Bất kỳ mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp khác đều cần được xem xét khi thu thập và tính toán số liệu.

⁷⁵ Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Chính phủ kèm theo Tờ trình số 386/TTr-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ trình Quốc hội về dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hiện nay đã đưa ra các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP xác định, đối tượng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ riêng doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn cả tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng này (Điều 19). Đối tượng tổ chức, cá nhân kinh doanh nêu trên được hiểu và định nghĩa theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 như sau: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là tổ chức, cá nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm: (a) Thương nhân theo quy định của Luật thương mại; (b) Cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, không phải đăng ký kinh doanh (Khoản 2 Điều 3). Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh ở đây được hiểu là các doanh nghiệp nói chung, bao gồm cả các hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã...

Việc Nhà nước hiện nay thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ riêng doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn cả tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa, theo Nghiên cứu sinh nhận định là vì các lý do cơ bản như sau:

Một là, trong số 624.000 doanh nghiệp Việt Nam hiện nay thì doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 97,7% trong đội ngũ doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp lớn chiếm tỷ lệ rất ít, ngoài ra các tổ chức kinh doanh như cá nhân kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã cũng chiếm một số lượng đáng kể, vì vậy, việc xây dựng chính sách “hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” được ghi nhận phản ánh đối tượng hỗ trợ là các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình hoạt động, quy mô hoạt động và không phân biệt hình thức sở hữu (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP kế thừa quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về đối tượng hỗ trợ này);

Hai là, các doanh nghiệp lớn (chiếm 2,3% trong tổng số doanh nghiệp Việt Nam) cũng có nhu cầu cần được hỗ trợ pháp lý, nhất là các thông tin pháp luật, các quy định pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế. Các vụ tranh chấp pháp lý đã xảy ra trong thời gian như vụ Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam thua kiện nguyên đơn là ông

Maurizio Liberati năm 2006⁷⁶ là một minh chứng rõ nét việc các doanh nghiệp lớn vẫn cần được hỗ trợ pháp lý, nhất là việc thông tin pháp lý cho doanh nghiệp. Tổ chức kinh tế khác như tổ hợp tác, hợp tác xã... vừa thiếu và yếu về vốn, nguồn lực và hạn chế về pháp luật thì rất cần Nhà nước thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho họ trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh (chính vì vậy Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã ghi nhận những đối tượng hỗ trợ này nhưng với điều kiện tùy thuộc vào nguồn lực của nhà nước mà không ban hành 01 Nghị định riêng về hỗ trợ pháp lý cho đối tượng này).

2.2.1.2. Quy định pháp luật về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Nghị định số 66/2008/NĐ-CP lần đầu tiên quy định rõ ràng 05 hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là: (1) xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (Điều 7); (2) xây dựng, giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật (Điều 8); (3) bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp (Điều 9); (4) giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp (Điều 10) và (5) tiếp nhận kiến nghị, phản hồi của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật (Điều 11)).

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP đã có một số quy định mới, hoàn thiện về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cụ thể là, quy định việc tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên pháp luật của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 9). Ngoài ra, Nghị định này quy định 02 hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đó là (1) xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu pháp luật cho doanh nghiệp (từ Điều 5 đến Điều 9) và (2) xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (từ Điều 10 đến Điều 13). Hai hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Nghị định số 55/2019/NĐ-CP là để cụ thể hóa khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

Qua việc nghiên cứu Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cho thấy, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được thay đổi theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ và trình

⁷⁶ <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Phap-luat/88957/vietnam-airlines-thua-ki7879;n-107-t7927;-273;7891;ng>, truy cập 15h ngày 26/11/2020.

độ nhận thức về pháp luật của từng cộng đồng doanh nghiệp. Giai đoạn hiện nay, Nhà nước quy định hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tập trung vào việc xây dựng, duy trì, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu pháp luật, trong đó, có cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế liên quan đến thương mại mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được thực hiện theo Luật Điều ước quốc tế và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này.

Về cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý lần đầu tiên được ghi nhận trong quy định pháp luật và được xem là một trong những cơ sở dữ liệu được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Cơ sở dữ liệu này là: (a) các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này; (b) các văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình áp dụng pháp luật; (c) các văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật đối với các vụ việc, vướng mắc pháp lý theo yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý trên Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự cập nhật trên cổng thông tin điện tử của mình các thông tin liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 55/2018/NĐ-CP, gửi cho Bộ Tư pháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tự cập nhật để Bộ Tư pháp cập nhật trên Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được khai thác và sử dụng miễn phí cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý.

Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện theo quy định như sau: việc công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án trên cổng thông tin điện tử của tòa án được thực hiện theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Việc công bố phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại được thực hiện theo pháp luật trọng tài thương mại, thỏa thuận của các bên có liên quan đến phán quyết, quyết định đó. Việc công bố quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được thực hiện theo quy định của Luật Cạnh tranh và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này. Việc công bố quyết định xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này. Pháp luật quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là một bên có liên quan lên cổng thông tin điện tử của mình hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định.

Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định như sau: bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp vướng mắc phức tạp thì có thể trả lời trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc trả lời của cơ quan, nhà nước quy định trên không áp dụng đối với các yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp này, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp để có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật lên cổng thông tin điện tử của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành.

Ngoài ra, một trong các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định rõ trong Nghị định số 55/2019/NĐ-CP là xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ

pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm các hoạt động sau: (a) hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); (b) hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật; (c) hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực theo quy định.

Các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này được kế thừa và hoàn thiện trên cơ sở Nghị định trước đây quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) và được nhất thể hóa bằng việc xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2.2.1.3. Quy định pháp luật về trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trước hết đã quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, cụ thể là: (1) thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi cả nước; (2) xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (3) tham gia ý kiến đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu, trong đó có việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chương trình hoặc nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh; (4) xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (5) tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (6) tổ chức đánh giá độc lập hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (7) định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức tổng kết, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là những nhiệm vụ chính,

cơ bản được pháp luật quy định nhằm nâng cao vai trò của Bộ Tư pháp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Để giúp Bộ Tư pháp hoàn thành tốt thực hiện các nhiệm vụ này, Nghị định cũng quy định đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các bộ, ngành là các tổ chức pháp chế; tại địa phương là Sở Tư pháp.

Ngoài ra, pháp luật cũng quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính là chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Còn các Bộ, cơ quan ngang bộ thì có trách nhiệm: (a) cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa và gửi cho Bộ Tư pháp; (b) xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trong Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; (c) xây dựng mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình và kết nối tới Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (d) tổng hợp, gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh, trong đó, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm (1) ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; (2) bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm (1) tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; (2) gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có trách nhiệm: (1) tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về pháp luật, (2) chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (3) đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

(4) huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành viên; (5) tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (6) tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (7) thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

2.2.1.4. Quy định pháp luật về kinh phí dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Việc đảm bảo kinh phí dành cho công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Để cụ thể hóa quy định này trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được huy động, sử dụng kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đang được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch này đã được ban hành và thực hiện hơn 10 năm nay và cơ sở để ban hành Thông tư là Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, vì vậy, hiện nay, nhiều nội dung, đặc biệt là định mức kinh phí trong Thông tư liên tịch này không còn phù hợp với Nghị định mới thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và không đáp ứng được yêu cầu của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tình hình mới.

Qua nghiên cứu thực trạng quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cho thấy, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm đáng kể đối với công tác này. Tuy nhiên, pháp luật về lĩnh vực này vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội hiện nay và trong tương lai của đất nước và

đáp ứng tốt hơn nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của các doanh nghiệp. Thực tiễn tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng cần được nghiên cứu và đánh giá một cách bài bản, sâu sắc để qua đó phát hiện những tồn tại, hạn chế, khó khăn và vướng mắc và tìm kiếm giải pháp hữu hiệu để phát huy hiệu quả của việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay và trong thời gian tới.

2.2.1.5. Quy định pháp luật về kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Việc ban hành và thực thi các quy định, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên thực tiễn cần có quy định về vấn đề kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, có như vậy mới đảm bảo được các quy định được đi vào thực tiễn hoạt động, các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện đúng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây quy định việc “kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” chỉ gói gọn trong quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp, đó là, Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi cả nước, trong phạm vi trách nhiệm của mình, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn: “d) Phối hợp với các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” (điểm d khoản 1 Điều 13). Quy định trên không quy định rõ ràng đối tượng, nội dung, thời gian kiểm tra, giám sát, đánh giá như thế nào nên rất khó trong quá trình triển khai thực hiện.

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP hiện nay việc “kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” được quy định tại 02 Điều, một điều về “kiểm tra, giám sát” và một điều về “đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý”. Cụ thể:

- *Kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*: Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: (a) Chất lượng, đối tượng thụ hưởng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (b) Việc thực hiện trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ pháp lý cho

doanh nghiệp nhỏ và vừa; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện hoạt động này; (c) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:* Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động đối với đối tượng được hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá tại mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình. Việc tổng hợp ý kiến phản hồi của doanh nghiệp nhỏ và vừa thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý là cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Định kỳ 05 năm Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.2.2. Ưu điểm, nhược điểm của pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

2.2.2.1. Ưu điểm

Trong những năm qua, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã từng bước được hoàn thiện, đóng được vai trò là cơ sở pháp lý quan trọng để giúp hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện một cách có hệ thống, hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh và tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với công tác này.

Căn cứ vào các tiêu chí cơ bản để xác định mức độ hoàn thiện của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, có thể nhận thấy một số ưu điểm cơ bản của pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như sau:

Thứ nhất, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã quy định được tương đối đầy đủ, đồng bộ các vấn đề cơ bản liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Như đã trình bày, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là hệ thống các văn bản pháp luật, bao gồm Luật, Nghị định, Thông tư... Các văn bản pháp luật này cơ bản đã quy định một cách thống nhất về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên phạm vi cả nước, bao gồm các quy định về nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong công tác hỗ trợ pháp lý cho

doanh nghiệp, kinh phí dành cho công tác này và nhiều vấn đề khác cơ liên quan. Nói cách khác, thành tựu cơ bản và rõ nét nhận thấy, đó là trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành được một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đủ để điều chỉnh các vấn đề cơ bản phát sinh trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Điều này được thể hiện cụ thể như sau:

Một là, pháp luật bước đầu đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội, ưu tiên các đối tượng đặc thù của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về chủ trương, cơ sở pháp lý và nguồn lực cho các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

Hai là, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp luôn được đổi mới, phù hợp với từng giai đoạn phát triển, với từng địa bàn kinh tế - xã hội và nhóm đối tượng cụ thể, mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Trong số các hình thức ấy, luôn được phổ biến nhất là: (1) bồi dưỡng kiến thức pháp luật trực tiếp, trực tuyến...; (2) tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; (3) phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật cho doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng...

Ba là, cơ quan, tổ chức, đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp luôn được củng cố, kiện toàn; vai trò của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý ngày càng được đề cao thông qua việc các tổ chức này ngày càng tham gia một cách tích cực và hiệu quả vào việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được xác định trong các Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp và các kế hoạch/chương trình hỗ trợ pháp lý ở bộ, ngành, địa phương.

Thứ hai, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cơ bản đã có sự đồng bộ và thống nhất nhất định.

Ở mức độ chung, có thể thấy rằng, pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mặc dù được hình thành từ các văn bản có giá trị pháp lý rất khác nhau (từ Luật đến Thông tư) nhưng cơ bản vẫn đảm bảo được tính đồng bộ, thống nhất nhất định.

Ví dụ, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) đã có sự đồng bộ, thống nhất với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; với Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và cả Hiến pháp năm 2013. Cụ thể là, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã được xác định một cách cụ thể trên cơ sở các hình thức hỗ trợ pháp lý được quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 như: (1) xây dựng, duy trì, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật; (2) xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ ba, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cơ bản đã phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta.

Pháp luật nói chung và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chỉ phát huy vai trò và tác dụng trong thực tiễn nếu nó có nội dung phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta trong từng thời kỳ. Vì vậy, nếu chỉ vì lấy lòng giới doanh nhân mà quy định nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ không phù hợp với thực tiễn (mở rộng quá đáng thành phần chủ thể được hỗ trợ, nâng cao mức hỗ trợ, mở rộng nội dung, các biện pháp được hỗ trợ...) thì chắc chắn chính sách, pháp luật đó chỉ tồn tại trên giấy mà không thể thực thi được. Do đó, khi xây dựng chính sách pháp luật về hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng thì Nhà nước phải xuất phát từ nguyên tắc không thể thoát ly thực tế, duy ý chí được.

Cụ thể Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP xác định rõ đối tượng được Nhà nước hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa (trước đây Nghị định số 66/2008/NĐ-CP xác định rõ trong phạm vi Nghị định đối tượng hỗ trợ là tổ chức, cá nhân kinh doanh). Theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thì đối tượng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chỉ là doanh nghiệp nhỏ và vừa chứ không thể là doanh nghiệp lớn. Quy định như trên không chỉ xuất phát từ kinh nghiệm của thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... (không một nước nào hỗ trợ cho doanh nghiệp lớn) mà còn xuất phát từ một lý do khác nữa, đó là ngân sách Nhà nước ta không thể đủ để hỗ trợ cho một loại hình doanh nghiệp, đó là doanh nghiệp lớn.

Mức kinh phí hỗ trợ cũng là một vấn đề không thể được pháp luật quy định một cách tùy tiện. Do điều kiện kinh tế - xã hội (Việt Nam là một nước nghèo) nên các biện

pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhìn chung là còn hạn chế, kể cả trong lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ví dụ: bình quân mức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hàn Quốc cách đây 10 năm đã là 2.000 USD/doanh nghiệp/năm (tương đương tiền Việt Nam đồng là 45 triệu đồng/doanh nghiệp/năm), trong khi đó, mức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay của Việt Nam là 3 triệu hoặc 5 triệu và tối đa 10 triệu/doanh nghiệp/năm (mức này cũng mới được sửa đổi, áp dụng từ năm 2019, thay thế định mức hỗ trợ tư vấn pháp luật là 20.000đ-30.000đ/giờ)⁷⁷.

Thứ tư, pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được triển khai trên thực tế, góp phần bảo vệ một cách có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tính đến hết năm 2018 đã có 17/22 bộ, cơ quan ngang bộ (trừ một số bộ, cơ quan ngang bộ, như: Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ủy ban dân tộc, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ... không trực tiếp triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) và 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã quan tâm triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực và địa phương do mình quản lý thông qua việc ban hành Kế hoạch/Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp⁷⁸. Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014, giai đoạn 2015-2020 (Chương trình 585) đã xây dựng và đưa vào vận hành Trang hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng Thông tin của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn) từ năm 2017 đến nay. Một số bộ, ngành cũng đã xây dựng các cơ sở dữ liệu pháp luật; xây dựng, phát hành các bản tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời cập nhật thông tin về văn bản mới ban hành cũng như những nghiên cứu, bình luận, trao đổi các nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp⁷⁹. Từ năm 2013 đến hết năm 2019, Chương trình 585 đã biên soạn phát hành 24.000 bản “Bản tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” phát miễn phí cho doanh nghiệp trên cả nước; xây dựng và phát hành các cuốn cẩm nang pháp luật cho doanh nghiệp: “*Cẩm nang công tác hỗ trợ pháp lý*

⁷⁷ Báo cáo số 187/BTP-PLDSKT ngày 15/01/2017 của Bộ Tư pháp về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

⁷⁸ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

⁷⁹ Bộ Tài chính: Tại cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn) có trang thông tin pháp luật tài chính. Ngoài ra, tại các trang thông tin điện tử của các đơn vị thuộc Bộ như Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và trang thông tin pháp luật tài chính, Tổng cục dự trữ Nhà nước, Thời báo tài chính Việt Nam, Báo Hải quan, Tạp chí tài chính đã mở các chuyên mục Thuế với cuộc sống, Hỏi đáp chính sách, chính sách mới, bình luận chính sách, hệ thống văn bản tài chính.

cho doanh nghiệp”; “*Cẩm nang pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp Tập 1, Tập 2*”... với số lượng 6.000 bản phát hành miễn phí cho doanh nghiệp; đã tổ chức 120 tọa đàm/đối thoại, thu hút 13.000 lượt đại biểu tham dự; tổ chức 153 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp thu hút gần 16.000 lượt đại biểu tham dự; tổ chức 90 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho gần 10.000 lượt cán bộ pháp chế doanh nghiệp tham dự; tổ chức 85 lớp bồi dưỡng/tọa đàm cho gần 9.000 lượt cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tham dự; xây dựng và phát sóng gần 900 chuyên đề “Kinh doanh và pháp luật” trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VTV2) và hơn 240 chuyên đề trên Đài Truyền hình Việt Nam (VOV); xây dựng và duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại 30 tỉnh, thành phố trên cả nước; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với các vụ việc cụ thể. Ví dụ, vụ việc Công ty Cổ phần Vipico đầu tư vào TP. Đà Nẵng có đề nghị Bộ Tư pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do cách hiểu khác nhau trong các quy định về hủy kết quả bán đấu giá của doanh nghiệp. Doanh nghiệp thì khẳng định mình làm đúng quy định pháp luật, chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng) thì cho rằng doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định về nộp tiền bán đấu giá tài sản nên đã ra quyết định hủy kết quả bán đấu giá. Trên cơ sở kiến nghị của doanh nghiệp, Bộ Tư pháp đã vào cuộc nghiên cứu và có ý kiến⁸⁰ để làm rõ vấn đề pháp lý mà các bên đang tranh cãi trong quá trình áp dụng pháp luật của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng. Khẳng định của Bộ Tư pháp là doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng hiểu sai về quy định và áp dụng pháp luật trong trường hợp cụ thể nêu trên. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng không thay đổi quan điểm và vẫn ban hành quyết định hủy kết quả bán đấu giá. Vì vậy, doanh nghiệp đã khởi kiện ra Tòa án và kết quả là Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng đã bị Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng (sơ thẩm) và Tòa án Cấp cao tại Hà Nội (phức thẩm) tuyên hủy toàn bộ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hủy kết quả bán đấu giá khu đất tại Sơn Trà, TP. Đà Nẵng đối với Công ty Cổ phần Vipico⁸¹. Qua vụ việc thực tiễn cụ thể nêu trên cho thấy, việc hiểu và áp dụng sai quy định pháp luật đã dẫn đến hậu quả thiệt hại lớn cho doanh nghiệp, nhưng qua đây cũng cho thấy, việc hỗ trợ pháp lý của cơ quan nhà nước (trong trường hợp này

⁸⁰ Bộ Tư pháp đã ban hành văn bản số 532/QLXLVPHC&TDTHPL-THPL ngày 4/10/2018 về việc theo dõi thi hành pháp luật vụ việc Công ty Cổ phần Vipico.

⁸¹ <https://vnexpress.net/phap-luat/da-nang-bi-doanh-nghiep-khoi-kiem-3988297.html>, truy cập ngày 16/2/2020.

là Bộ Tư pháp) đã giúp cho chính quyền địa phương hiểu đúng pháp luật hơn và giúp cho doanh nghiệp tránh bị thiệt hại lớn, có thể dẫn đến nguy cơ phá sản doanh nghiệp.

Nhìn chung, trong những năm qua nhiều hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định, tạo ra những chuyển biến tích cực về nhận thức và ý thức pháp luật của các cán bộ, công chức nhà nước; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Đó là những kết quả đáng ghi nhận do công tác tổ chức thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được triển khai, thực hiện nghiêm túc, hiệu lực và hiệu quả.

2.2.2.2. Nhược điểm, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng còn bộc lộ một số nhược điểm nhất định. Điều này được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

***Thứ nhất,** pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn có những quy định không rõ ràng, do đó, khó vận dụng trong thực tiễn.*

Ví dụ, trong việc trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa, Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) quy định: “Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp vướng mắc phức tạp thì có thể trả lời trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc trả lời của cơ quan nhà nước quy định tại Điều này không áp dụng đối với các yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp này, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp để có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại Điều 9 Nghị định này”. Quy định này, thực tế là kế thừa từ quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây, có nghĩa là các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp thì có nhu cầu chủ yếu trả lời về các vướng mắc pháp lý vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định “... không áp dụng đối với các yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp” so với việc quy định chỉ có “trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý” cũng rất khó phân biệt và phân định trong các trường hợp cụ thể như thế nào là “áp dụng chung” và như thế nào là “vụ việc cụ thể” bởi vì không có các tiêu chí cụ thể để phân biệt, vì vậy, gây khó khăn cho các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp áp dụng quy định này đối với doanh nghiệp. Quy định này cũng là “căn cứ” để các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ chối trả lời đối với vướng mắc pháp lý các trường hợp được coi là “vụ việc cụ thể” đối với doanh nghiệp. Trong khi đó, trên thực tế, các cơ quan quản lý nhà nước như thuế, hải quan vẫn đang phải ban hành văn bản trả lời đối với “các vụ việc cụ thể” đối với doanh nghiệp⁸².

Thứ hai, một số quy định pháp luật hiện hành không phù hợp với thực tiễn, do đó, không khuyến khích được các chủ thể tham gia hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Ví dụ, trong quy định về kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 26/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định: “Chi bồi dưỡng cho Luật gia, Tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia tư vấn pháp luật: 20.000 đồng – 30.000 đồng/giờ tư vấn”. Quy định này là chưa phù hợp và đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của thực tiễn, không thu hút được các Luật gia, Tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, kể cả Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được ban hành năm 2019, tại Điều 9 Nghị định quy định việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật, tuy nhiên, khi thực hiện các bước thanh quyết toán lại không quy định việc thanh toán

⁸² Ví dụ: Công văn số 1763/TCT-KK ngày 04/5/2019 của Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính trả lời vướng mắc pháp lý vụ việc cụ thể của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vnet (Địa chỉ: 221 Nguyễn Phúc Chu, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh).

cho ai nhận kinh phí hỗ trợ pháp lý từ ngân sách nhà nước, là doanh nghiệp hay các tư vấn viên pháp luật? gây khó khăn trên thực tế trong quá trình thực hiện. Hoặc tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định trên quy định việc triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy định: bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí nhưng tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đề xuất từ nguồn kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này. Kinh phí còn lại do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tự chi trả hoặc từ nguồn xã hội hóa, huy động từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để thực hiện. Tuy nhiên, lại không có hướng dẫn tối đa như thế nào? Trên tổng kinh phí bao nhiêu? Dẫn đến các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp khó triển khai trên thực tiễn khi Nghị định có hiệu lực.

***Thứ ba,** các biện pháp chế tài chưa đủ mạnh làm giảm tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.*

Các quy định hiện hành về thanh tra, kiểm tra, các chế tài về việc không thực hiện các trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là chưa đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Chẳng hạn, trong Nghị định số 55/2019/NĐ-CP có quy định việc trả lời vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quy định chế tài nếu không thực hiện, dẫn đến trên thực tế còn nhiều tình trạng các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có văn bản trả lời hoặc “hồi âm” khi doanh nghiệp đề nghị giải đáp vướng mắc pháp lý.

Việc quy định trách nhiệm các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Điều 12 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thay thế Điều 12 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây) cũng không có chế tài để áp dụng trách nhiệm nên có tình trạng nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quan tâm đến việc xây dựng, thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua, nhất là từ khi Nghị định số 66/2008/NĐ-CP được ban hành⁸³.

⁸³Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay còn nhiều hạn chế xuất phát từ các quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn và chế tài do không thực hiện nhiệm vụ của người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Do không quy định chế tài thực hiện nên nhiều cán bộ, công chức “thờ ơ, vô cảm”⁸⁴ với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp, không trả lời các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp để tháo gỡ các khó khăn khi thực hiện pháp luật. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng chỉ được xem là “công tác kiêm nhiệm”, không phải là nhiệm vụ chính của cán bộ, công chức ngành Tư pháp.

Bên cạnh đó, quy định pháp luật về cơ chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được rõ ràng, vì vậy, dẫn đến việc chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò và tổ chức thi hành cơ chế phối hợp này nên đã tạo ra những bất cập làm giảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Theo quy định của pháp luật, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay vẫn chịu sự chi phối, thực hiện ở nhiều cơ quan khác nhau. Chẳng hạn, cơ quan tư pháp (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp) được giao đầu mối, thống nhất thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tuy nhiên, trên thực tế các cơ quan kế hoạch, đầu tư (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư) lại đang thống nhất triển khai các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bản thân trong nội tại các cơ quan tư pháp (Sở Tư pháp), do quy định pháp luật không rõ, nên việc phân công thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng đang được giao cho các bộ phận khác nhau thực hiện. Ví dụ: các Sở Tư pháp có nơi thì giao cho Phòng Xây dựng văn bản, có nơi thì giao cho Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật hoặc Phòng Theo dõi thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính... việc không thống nhất trong đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở địa phương.

Như vậy, có thể nói pháp luật về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn những điểm bất hợp lý, chưa phù hợp và đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu thực tiễn hiện nay. Điều này đặt ra yêu cầu cần phải có những giải pháp quan trọng để hoàn thiện pháp

⁸⁴Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 16/4/2019: Năng lực hay sự thờ ơ, vô cảm của cán bộ? Tác giả: Nguyễn Minh.

luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay.

2.2.3. Nguyên nhân của ưu điểm, nhược điểm của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

2.2.3.1. Nguyên nhân của những ưu điểm

Pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp qua quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi trên thực tiễn đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin pháp lý nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình; hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh và từng bước hội nhập kinh tế, quốc tế, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp bằng pháp luật. Để đạt được những thành công nêu trên phải kể đến những nguyên nhân cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sự nhận thức ngày càng đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về vai trò của hoạt động hỗ trợ pháp lý đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thể hiện trong việc chỉ đạo, ban hành các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong những năm gần đây thông qua việc ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (đã được thay thế bằng Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa). Ngày 05/5/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2015 (Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 tiếp tục điều chỉnh và thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014); Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Đặc biệt, ngày 12/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 trong đó có chế định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (khoản 3 Điều 14)⁸⁵. Các Bộ, ngành và địa phương đã ban hành các Kế hoạch và Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

⁸⁵ Khoản 3 Điều 14 quy định về chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

nhằm tạo ra cơ chế đồng bộ, triển khai đồng loạt các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên phạm vi cả nước.

Qua đó cho thấy, nhận thức của Đảng và Nhà nước ta về vai trò của hoạt động hỗ trợ pháp lý ngày càng được nâng lên nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc ban hành, sửa đổi, bổ sung; ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thay thế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phù hợp với từng điều kiện kinh tế - xã hội và hoàn cảnh lịch sử của đất nước trong từng giai đoạn.

Thứ hai, sự quan tâm ngày càng sát sao, cụ thể của các cơ quan nhà nước trong việc triển khai các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thực tế, hầu hết các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (trừ Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ủy ban dân tộc Quốc hội... không ban hành kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do chức năng, nhiệm vụ được giao không liên quan nhiều đến doanh nghiệp); 100% (63/63) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được ban hành năm 2019 thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP cũng nhận được sự quan tâm của các bộ, ngành và địa phương khi triển khai thực hiện.

Theo đó, 92% tổ chức đại diện cho doanh nghiệp được Bộ Tư pháp khảo sát năm 2017 trả lời, có quan tâm và nghiên cứu triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định từ khi Nghị định số 66/2008/NĐ-CP được ban hành. Giai đoạn năm 2010 đến nay (sau thời điểm Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp được ban hành), Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đã tích cực tham gia, phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương triển khai các Dự án, các hoạt động thuộc Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2020 và các Chương trình ở bộ, ngành và địa phương ban hành. Qua các hoạt động thực tiễn này, các cơ quan nhà nước có liên quan cũng như các tổ chức đại diện của doanh nghiệp đã đưa ra nhiều kiến nghị hợp lý, giúp các cơ quan xây dựng pháp luật nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng cho doanh nghiệp.

Thứ ba, sự quan tâm của doanh nghiệp trong việc thực thi các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã tạo ra áp lực buộc các cơ quan nhà nước (cơ quan soạn thảo pháp luật) không thể không quan tâm đến nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, do đó, phải quan tâm đến công tác xây dựng pháp luật và khi đã quan tâm thì chắc chắn phải tìm ra mọi biện pháp, điều kiện để thực thi nhiệm vụ một cách tốt hơn. Đó chính là nguyên nhân quan trọng làm cho công tác xây dựng pháp luật ngày càng được Nhà nước ta quan tâm.

Theo khảo sát của Bộ Tư pháp cho thấy, nhiều doanh nghiệp rất quan tâm đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cụ thể như: 95% doanh nghiệp được Bộ Tư pháp khảo sát năm 2017 trả lời rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Nhà nước, trong đó có hỗ trợ thông tin pháp luật cho doanh nghiệp; hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh... chiếm gần 70% nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong thời gian tới. Vì vậy, với số lượng hơn 624.000 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó có 97,7% doanh nghiệp nhỏ và vừa)⁸⁶ thì số lượng nhu cầu doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp rất lớn.

2.2.3.2. Nguyên nhân của những nhược điểm

Các nguyên nhân của những nhược điểm trong pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là như sau:

Thứ nhất, nhận thức của một số cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương về vai trò của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn chưa cao, từ đó xem nhẹ việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực pháp luật này. Tình trạng chậm ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tình trạng việc duy trì quá lâu (10 năm) Nghị định số 66/2008/NĐ-CP; tình trạng nghèo nàn, sơ sài, chung chung, không cụ thể trong các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua đã chứng minh cho điều đó.

Trên thế giới, các nước quan tâm đến công tác hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng đều đã ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa rất sớm (Ví dụ: Luật Phát triển doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa của Ấn độ ban

⁸⁶ Theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 thì Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam có 1 triệu doanh nghiệp.

hành ngày 02/10/2006; Đạo Luật đối với sự phát triển doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa của Đài Loan ngày 25/11/2009; Đạo Luật xúc tiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ tháng 8/2000 của Thái Lan: Luật Hỗ trợ kinh doanh nhỏ và vừa của Cộng hòa Liên bang Nga năm 2007...).

Thứ hai, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tình trạng nghèo nàn, yếu kém, chậm phát triển về mặt kinh tế của đất nước cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc quy định nội dung của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là các quy định về chính sách hỗ trợ về mặt tài chính, ngân hàng (cho vay). Ví dụ, ở các nước có điều kiện kinh tế phát triển thì pháp luật đã quy định mức thù lao cho một giờ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp không dưới 30% và không cao hơn 50% lợi ích thu được do dịch vụ tư vấn pháp lý đem lại; một giờ tư vấn pháp luật của Luật sư Mỹ không dưới 500 USD⁸⁷, trong khi đó, ở Việt Nam, theo quy định hiện hành chỉ là 20.000đ – 30.000đ/giờ (tương đương giá trị 1 USD)⁸⁸. Điều này không phải tự nhiên mà có, mà đó là hậu quả về mặt pháp lý của việc Việt Nam đang là nước nghèo, do đó, không thể có đầy đủ khả năng về mặt tài chính để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa của nước mình bằng các nước có nền kinh tế phát triển nhiều hơn Việt Nam.

Thứ ba, việc tổng kết hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như tổng kết, đánh giá hiệu quả quá trình thực thi pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và toàn diện, dẫn đến hậu quả là nội dung pháp luật hỗ trợ pháp lý chậm được đổi mới để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; vấn đề nhân sự, kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Do đó, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ tư, trong việc nghiên cứu những vấn đề lý luận của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa có sự chú trọng đúng mức và chưa có sự đầu tư thỏa đáng; chưa thu hút được sự tham gia đông đảo của các nhà chuyên môn, các nhà khoa học và chưa có sự khảo sát đầy đủ điều kiện thực tiễn trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Do đó, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho

⁸⁷ <https://lsvn.vn/nghe-luat-su-nghe-cau-quy-nhung-nhieu-kho-khan-thu-thach.html>, truy cập ngày 8/2/2020.

⁸⁸ Điểm 2.3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

doanh nghiệp chưa phản ánh được nguyện vọng và nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp.

2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Trên cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nay thay thế bằng Nghị định số 55/2019/NĐ-CP – về cơ bản các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vẫn không thay đổi, được thể hiện thông qua các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ thông tin, bồi dưỡng, đến mạng lưới tư vấn viên pháp luật cho doanh nghiệp...), Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014; sau đó là Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 về việc điều chỉnh các dự án và tiếp tục thực hiện Chương trình này, qua quá trình thực hiện, đến nay, thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam được phản ánh qua các nội dung cụ thể như sau:

2.3.1. Thực tiễn triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

2.3.1.1. Cung cấp thông tin pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp

Việc cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp được thực hiện thông qua các hình thức, trong đó có xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp được quy định lần đầu tiên trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Điều 7) (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định rõ hơn từ Điều 5 đến Điều 8). Tuy nhiên, quy định này cũng mới chỉ dừng lại ở việc quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp trong việc xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp. Điểm mới ở Nghị định số 55/2019/NĐ-CP là quy định chi tiết hơn các cơ sở dữ liệu này và bổ sung các cơ sở dữ liệu mới đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (như cơ sở dữ liệu trả lời vướng mắc, tư vấn pháp luật...).

Theo Báo cáo của các bộ, ngành thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tính đến hết năm 2018⁸⁹, 100% các Bộ, ngành đã xây dựng và đưa vào khai thác Trang thông tin điện tử, trong đó có chuyên mục thông tin pháp luật hoặc cung cấp văn bản pháp luật trong lĩnh vực bộ, ngành quản lý trên trang thông tin điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tra cứu văn bản quy phạm pháp luật và góp ý đối

⁸⁹Báo cáo ngày 15/12/2018 của Bộ Tư pháp về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

với dự thảo văn bản. Từ năm 2017, Bộ Tư pháp đã xây dựng và đưa vào vận hành Trang hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng Thông tin của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn). Theo đánh giá của doanh nghiệp⁹⁰, Trang tin này bước đầu đã thể hiện được vai trò nhất định của mình thông qua việc cung cấp các thông tin, kiến thức về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để cơ quan, tổ chức, cá nhân truy cập và tham khảo.

Một số bộ, ngành đã xây dựng các cơ sở dữ liệu pháp luật và đã xây dựng, phát hành các bản tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời cập nhật thông tin về văn bản mới ban hành cũng như những nghiên cứu, bình luận, trao đổi các nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp⁹¹. Chương trình 585 giai đoạn 2010-2014 và giai đoạn 2015-2020 đã biên soạn và phát hành các bản tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, phát hành miễn phí cho doanh nghiệp trên cả nước. Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (vbpl.vn) được thực hiện theo Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ là tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật dưới dạng văn bản điện tử do Chính phủ thống nhất quản lý, bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật Trung ương và Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật địa phương. Theo đánh giá của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản (Dự án JICA)⁹², cơ sở dữ liệu này vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, việc doanh nghiệp truy cập để cập nhật các văn bản hướng dẫn chi tiết đáp ứng được cơ bản bước đầu nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kết quả khảo sát năm 2017 của Bộ Tư pháp cho thấy, doanh nghiệp thường tiếp cận thông tin liên quan đến pháp luật thông qua Cổng, trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước (khi được hỏi có 57,38% doanh nghiệp nhóm 1 và 58,06% doanh nghiệp nhóm 2 lựa chọn kênh thông tin này)⁹³. Chỉ có 6,56% doanh nghiệp nhóm 1 được hỏi

⁹⁰ Tạp chí dân chủ và pháp luật, tháng 7/2018: Kết quả 10 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tác giả Trần Minh Sơn.

⁹¹ Bộ Tài chính: Tại cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn) có trang thông tin pháp luật tài chính thường xuyên giới thiệu văn bản, điểm tin văn bản pháp luật mới cho doanh nghiệp. Ngoài ra, tại các trang thông tin điện tử của các đơn vị thuộc Bộ như Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và trang thông tin pháp luật tài chính, Tổng cục dự trữ Nhà nước, Thời báo tài chính Việt Nam, Báo Hải quan, Tạp chí tài chính đã mở các chuyên mục Thuế với cuộc sống, Hỏi đáp chính sách, chính sách mới, bình luận chính sách, hệ thống văn bản tài chính... và thường xuyên cập nhật, đăng tải thông tin về chính sách, văn bản pháp luật tài chính.

⁹² Kỷ yếu hội thảo, tại Bộ Tư pháp, ngày 25/10/2017 do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (Dự án Jica).

⁹³ **Nhóm 1:** Nhóm các thành phố thuộc Trung ương; **Nhóm 2:** Nhóm các tỉnh và khu vực ngoại thành.

nhận thông tin/tham vấn pháp lý từ cơ quan Nhà nước (nhóm 2 đạt 29,03%); 8,2% doanh nghiệp nhóm 1 và 32,26% doanh nghiệp nhóm 2 nhận thông tin/tham vấn pháp lý từ Hiệp hội⁹⁴.

Tại các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến hết năm 2018, 100% (63/63) các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng và đưa vào khai thác Trang thông tin điện tử của địa phương⁹⁵. Nhiều tỉnh, thành phố đã xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật để tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành, tập hợp và đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Các cơ sở dữ liệu này chủ yếu tổng hợp văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, như: thuế, hải quan, tổ chức doanh nghiệp, đầu tư,... Nhiều Sở Tư pháp đã xây dựng và đưa vào khai thác Trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu pháp luật để tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đồng thời xuất bản các bản tin, báo để cung cấp thường xuyên các thông tin pháp luật cho doanh nghiệp như Sở Tư pháp: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng...

Theo kết quả điều tra PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thì khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý được xếp thứ 4 trong khó khăn của doanh nghiệp, chiếm 25% doanh nghiệp được khảo sát ⁹⁶; đứng sau khó khăn về tìm kiếm khách hàng; tìm kiếm nguồn vốn; tìm kiếm nhân sự thích hợp và được doanh nghiệp xác định là khó khăn hơn các vấn đề khác như tìm kiếm mặt bằng phù hợp, nhà cung cấp; công nghệ phù hợp... Điều này cho thấy, khó khăn về thủ tục hành chính, pháp lý nếu được xử lý sẽ góp phần giải quyết được rất nhiều khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Qua nghiên cứu thực tiễn cung cấp thông tin pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp có thể rút ra một số nhận xét như sau:

⁹⁴Kết quả khảo sát của Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện – Dự án USAID GIG và Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện năm 2017.

⁹⁵ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

⁹⁶ Kết quả điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam năm 2016 về Chỉ số PCI.

Thứ nhất, cơ sở dữ liệu pháp luật của các bộ, ngành và địa phương bước đầu đã hình thành và cung cấp các thông tin pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp, tuy nhiên, nhiều cơ sở dữ liệu/trang thông tin điện tử chưa được quan tâm cập nhật nên các thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn nghèo nàn, chậm được cập nhật bổ sung;

Thứ hai, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin pháp lý để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình;

Thứ ba, nhu cầu cung cấp kịp thời, có hệ thống và phân loại theo nhóm, ngành, lĩnh vực thông tin pháp lý cho doanh nghiệp là nhu cầu cần thiết của doanh nghiệp, đây cũng là một trong những nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mà các nước như Anh, Pháp, Hàn Quốc... Chính phủ đã thực hiện hiệu quả trong thời gian qua đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.3.1.2. Xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật

Việc xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lần đầu tiên được quy định trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Điều 8). Tuy nhiên, đối tượng thực hiện việc xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành cũng chỉ bao gồm các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cụ thể, các bộ biên soạn tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biên soạn tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương ban hành có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các tổ chức đại diện của doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và tổ chức phổ biến tài liệu giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật cho doanh nghiệp tại địa phương. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP không quy định cụ thể về vấn đề này mà được quy định trong việc xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có hoạt động bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp (khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

Trên thực tế, hiện nay nhiều bộ, cơ quan ngang bộ đã xây dựng Thư viện pháp luật điện tử nhằm phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ nói

riêng và các doanh nghiệp nói chung trên toàn quốc⁹⁷. Chương trình 585 giai đoạn 2010-2014, giai đoạn 2015-2020 đã xây dựng và phát hành “*Cẩm nang công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*”; “*Cẩm nang pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp Tập 1, Tập 2*”... với số lượng 6.000 bản phát hành miễn phí cho doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát năm 2017⁹⁸ do Bộ Tư pháp lấy ý kiến các cơ quan cho thấy, nhiều cơ quan, tổ chức đã triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp⁹⁹. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân đã giao cho Sở Tư pháp phối hợp các sở, ban, ngành thực hiện lồng ghép các nội dung thông tin, tuyên truyền, với nội dung trọng tâm là phổ biến các văn bản quy phạm liên quan đến pháp luật về chính sách thuế, các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh. Chẳng hạn như: Sở Tư pháp TP. Hà Nội đã phối hợp với Đài phát thanh truyền hình thành phố xây dựng chuyên mục “*Vấn đề và dư luận*” và “*Trả lời thư bạn xem truyền hình*” với thời lượng phát sóng 15 phút/01 chương trình, 2 số/tuần; Sở Tư pháp Tuyên Quang giải đáp thắc mắc của các doanh nghiệp trên truyền hình để hỗ trợ đặc lực cho các hoạt động của doanh nghiệp, củng cố, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân và Sở Tư pháp các tỉnh đã tiến hành biên soạn và cấp phát các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành có liên quan hoạt động doanh nghiệp như Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình, Cà Mau¹⁰⁰... Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng đã xây dựng phát hành 2000 cuốn cẩm nang tập hợp các chính sách đầu tư, kinh doanh của thành phố để cung cấp miễn phí cho các doanh nghiệp.

⁹⁷Cụ thể như: Bộ Công Thương ban hành xây dựng trên trang tin điện tử moit.gov.vn và trang thông tin pháp luật công thương legal.moit.gov.vn; Ngân hàng Nhà nước xây dựng trên trang thông tin điện tử www.sbv.gov.vn...

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: biên soạn, in ấn, phát hành cuốn “*Những điểm mới của pháp luật lao động*”. Ngân hàng Nhà nước phối hợp Bộ Tư pháp xây dựng Đặc san tuyên truyền pháp luật về phòng, chống rửa tiền; phối hợp với Viện Chiến lược Ngân hàng phát hành Cẩm nang về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố dành cho các tổ chức tín dụng (theo Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

⁹⁸ Bộ Tư pháp tổ chức khảo sát năm 2017, lấy phiếu ngẫu nhiên cán bộ, công chức qua 128 phiếu khảo sát.

⁹⁹Kết quả khảo sát của Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện – Dự án USAID GIG và Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện năm 2017.

¹⁰⁰Theo Báo cáo, Sở Tư pháp Thái Bình đã biên soạn và cấp phát tờ gấp tìm hiểu Luật Bảo vệ môi trường tại các hội nghị, các khu, cụm công nghiệp; Cục Thuế tỉnh Thái Bình in ấn cuốn tài liệu, tờ rơi về Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành cấp phát miễn phí...; Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau biên soạn, in ấn loại tài liệu về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; cấp phát cuốn tài liệu, cẩm nang Hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại; thực hiện khảo sát về nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kinh doanh, tiếp thị, tổ chức, nhân sự và công đoàn (Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

Việc xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện tại một số Bộ, ngành và địa phương đã thu được một số kết quả nhất định, được nhiều doanh nghiệp đón nhận. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, hình thức này nhiều nơi còn lãng phí, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng, phong phú của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển công nghệ hiện nay. Vì vậy, việc xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trên các trang, mạng điện tử cần được đầu tư triển khai mạnh mẽ hơn nữa để đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu tiếp cận các văn bản pháp luật của doanh nghiệp.

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được ban hành năm 2019, các bộ, ngành và địa phương đang triển khai thi hành Nghị định này, vì vậy, đến thời điểm hiện nay (chưa đến 01 năm) chưa có nhiều kết quả cụ thể trong việc xây dựng các tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật.

Qua nghiên cứu thực tiễn xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật cho doanh nghiệp trong thời gian qua có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thì các tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật cho các doanh nghiệp đang được dần dần “số hóa” để tăng tính lan tỏa nhiều hơn cho các doanh nghiệp và lưu trữ sử dụng lâu dài trên môi trường mạng;

Thứ hai, nhiều địa phương đã chủ động xây dựng các tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi địa phương để hỗ trợ miễn phí cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, đầu tư tại địa phương, góp phần hỗ trợ thiết thực cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

2.3.1.3. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lần đầu tiên được quy phạm hóa trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Điều 9). Tuy nhiên, điều luật này chỉ quy định trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hình thức bồi dưỡng pháp luật cho doanh nghiệp. Cụ thể, các Bộ tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp thực hiện việc bồi

dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các tổ chức đại diện của doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp tại địa phương. Trong khi đó, trên thực tế, việc tổ chức hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp và việc thu hút các doanh nghiệp tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp trong thời gian qua cũng là vấn đề cần phải được quan tâm tổng kết, đánh giá một cách khách quan hơn nữa để một mặt, đảm bảo chất lượng của công tác này, mặt khác nâng cao hiệu quả của việc sử dụng các khoản kinh phí mà nhà nước đã dành cho các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp.

Hiện nay, hàng năm, các bộ và cơ quan ngang bộ tổ chức nhiều hội nghị, đợt tập huấn về công tác pháp chế, về hỗ trợ pháp lý, tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ, theo báo cáo của Bộ Tài chính¹⁰¹, trong lĩnh vực thuế, hàng năm đã xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; trong lĩnh vực Hải quan hàng năm đều tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp... Bộ Ngoại giao: tích cực phối hợp chặt chẽ với Đoàn đàm phán Chính phủ và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chủ động thông tin cho doanh nghiệp về tiến trình đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) và những vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp của ta, đồng thời khuyến nghị những biện pháp các doanh nghiệp cần triển khai để tận dụng hiệu quả những lợi ích cũng như hạn chế những bất lợi từ các FTA¹⁰². Bộ Xây dựng: đã tổ chức được các đợt tập huấn pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị trực thuộc Bộ, các Bộ, ngành địa phương, doanh nghiệp, trong đó chủ yếu là khối doanh nghiệp hoạt động xây dựng¹⁰³.

Riêng Chương trình 585 giai đoạn 2010-2014, 2015-2020 đã tổ chức được 153 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp thu hút gần 16.000 lượt đại biểu tham dự¹⁰⁴.

¹⁰¹ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

¹⁰² Tạp chí dân chủ và pháp luật, tháng 7/2018: Kết quả 10 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tác giả Trần Minh Sơn.

¹⁰³ Tạp chí dân chủ và pháp luật, tháng 7/2018: Kết quả 10 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tác giả Trần Minh Sơn.

¹⁰⁴ Báo cáo tổng kết năm 2017 của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020 do Ban Quản lý Chương trình công bố tại Hội nghị tổng kết năm 2017 (26/12/2017 tại Hà Nội).

Theo kết quả khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2017 thì các lĩnh vực pháp luật mà doanh nghiệp quan tâm là: pháp luật về doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất 31%; tiếp đó là pháp luật về hợp đồng (14%); pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội (12%)...¹⁰⁵

Trên cơ sở Kế hoạch đã ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, các Sở Tư pháp đã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong việc tổ chức xây dựng và phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, các Sở Tư pháp đã chủ động nắm bắt nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý và tiếp tục thực hiện các hình thức và nội dung hỗ trợ pháp lý theo quy định, trong đó có công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được ban hành năm 2019, nên hoạt động bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp mới bắt đầu triển khai từ năm 2020.

Kết quả khảo sát doanh nghiệp sau khi tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp năm 2017 cho thấy, có 54% doanh nghiệp đánh giá cao chất lượng các hoạt động này: 46% còn lại có ý kiến ngược lại vì cho rằng, do nhiều hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong thời gian qua chỉ mang tính hình thức, nặng về trình bày nội dung các văn bản quy phạm pháp luật mà thiếu liên hệ với thực tiễn sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp, thời gian lại ngắn nên không mấy bổ ích đối với người nghe (doanh nghiệp). Theo ý kiến các doanh nghiệp thì việc thực hiện bồi dưỡng thường xuyên kiến thức pháp luật kinh doanh mới cho doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Đa số các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp thu hút được nhiều doanh nghiệp tham dự là do chuyên đề phù hợp với yêu cầu doanh nghiệp và chuyên gia bồi dưỡng kiến thức pháp luật có kinh nghiệm, kỹ năng thuyết trình, giải đáp các vướng mắc cho doanh nghiệp tham dự. Việc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp do các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp chủ trì thực hiện thường thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia hơn do các cơ quan nhà nước tổ

¹⁰⁵Kết quả khảo sát của Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện – Dự án USAID GIG và Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện năm 2017.

chức thực hiện. Việc thực hiện các chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật ngắn hạn trên youtube (là một trang Web chia sẻ video), trên các trang tin điện tử thường phù hợp với với nhu cầu bồi dưỡng pháp luật của doanh nghiệp hiện nay.

Qua nghiên cứu thực tiễn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp trong thời gian qua có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp được tổ chức số lượng nhiều và rộng khắp trong thời gian qua nhưng vẫn còn nhiều hạn chế bất cập về chất lượng, hiệu quả trong hoạt động;

Thứ hai, nhiều hình thức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp trong thời đại công nghệ số được áp dụng nhằm triển khai hiệu quả hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu cập nhật kiến thức pháp luật của doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi và dễ dàng trong việc tiếp cận, tính lan tỏa cao.

2.3.1.4. Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp

Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp lần đầu tiên được quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Điều 10), theo đó, doanh nghiệp có quyền yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải đáp pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Trong trường hợp việc giải đáp pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nêu tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có quyền yêu cầu các Bộ có liên quan giải đáp (quy định này được kế thừa và quy định tại Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP). Việc giải đáp pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức như: giải đáp bằng văn bản; giải đáp thông qua mạng điện tử; giải đáp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại; các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ có trách nhiệm trả lời yêu cầu giải đáp pháp luật trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp cung cấp đủ thông tin có liên quan đến yêu cầu giải đáp pháp luật. Đối với các trường hợp có nội dung phức tạp hoặc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước trong nhiều ngành, lĩnh vực thì thời hạn trả lời là 30 ngày làm việc. Việc giải đáp pháp luật quy định trên không áp dụng đối với các yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp về những trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp này, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh

ng nghiệp có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật (khoản 1 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP). Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây còn quy định rõ hơn, trong trường hợp không giải đáp pháp luật thì cơ quan được yêu cầu giải đáp phải nêu rõ lý do (khoản 5 Điều 10 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP).

Việc giải đáp pháp luật quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng kế thừa quy định này) không được áp dụng đối với các trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định này khẳng định rõ, không áp dụng giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp đối với các trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước chỉ giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp đối với những trường hợp liên quan đến việc áp dụng pháp luật chung trong trường hợp quy định pháp luật có nội dung quy định không rõ, mâu thuẫn hoặc một quy định nhưng giữa các cơ quan nhà nước có cách hiểu khác nhau.

Đối với các trường hợp cụ thể liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thì cơ quan nhà nước không có trách nhiệm giải đáp. Tuy nhiên, trên thực tế, việc giải đáp thực hiện pháp luật vẫn diễn ra ở các cơ quan như thuế, hải quan... khi doanh nghiệp vướng mắc các vấn đề cụ thể thì cơ quan thuế, hải quan có trách nhiệm giải đáp. Ví dụ:

Ngày 04/04/2018, Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam (Địa chỉ: 695 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh) có văn bản số 0148/2018/IVC và văn bản bổ sung số 191/2018/IVC-ACC ngày 27/04/2018 gửi Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh đề nghị giải đáp việc không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào... Trên cơ sở đề nghị của Công ty, ngày 6/7/2018, Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh đã có Công văn số 6610/CT-TTHT gửi Công ty giải đáp về các vướng mắc pháp lý công ty hỏi. Nhờ văn bản giải đáp này đã tháo gỡ cho Công ty những vướng mắc pháp lý về thuế cho doanh nghiệp.

Hoặc trên thực tế, trường hợp áp dụng pháp luật cụ thể cũng đã được các Bộ hoặc đơn vị thuộc Bộ quản lý thực hiện trong thời gian qua. Ví dụ như sau:

1. Văn bản giải đáp vụ việc thứ nhất: ngày 4/10/2018, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật của Bộ Tư pháp đã có văn bản số

532/QLXLVPHC&TDTHPL-THPL giải đáp pháp luật cho vụ việc áp dụng pháp luật bán đấu giá khu đất mà Công ty Cổ phần Vipico đã trúng đấu giá tại TP. Đà Nẵng và bị Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban hành Quyết định hủy bán đấu giá. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ việc, văn bản trên đã giải đáp pháp luật cho Công ty Vipico, theo đó, việc hủy bán đấu giá là không có căn cứ pháp lý.

2. Văn bản giải đáp vụ việc thứ hai: ngày 21/10/2019, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp – Bộ Tư pháp đã có văn bản số 66/CV-PCDN giải đáp pháp luật cho Công ty Cổ phần bao bì Liksin Phương Bắc (đề nghị giải đáp pháp luật được gửi qua thư điện tử) liên quan đến việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, theo đó, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp đã hướng dẫn Công ty thực hiện đăng ký kinh doanh trên giấy đăng ký kinh doanh và khẳng định các thông tin trên giấy đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Để tháo gỡ quy định trên, góp phần hỗ trợ pháp lý thiết thực cho doanh nghiệp, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định việc sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật được các bộ, ngành công bố để tư vấn các trường hợp vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp để các cơ quan và doanh nghiệp tham khảo, thực hiện. Chương trình 585 thực hiện giai đoạn 2010-2014, 2015-2020 cũng đã thực hiện hiệu quả hoạt động này khi yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp tổ chức giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp tại các tọa đàm/đối thoại trực tiếp hoặc trả lời qua điện thoại và văn bản cho hơn 10.000 lượt doanh nghiệp về các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp¹⁰⁶.

Thông qua các thư góp ý, email điện tử và “*Chuyên trang hỏi – đáp*”, “*tư vấn pháp luật*” trên trang thông tin điện tử, các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giải đáp các khó khăn, vướng mắc pháp lý của các doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Trong đó, có nhiều vấn đề pháp lý phức tạp,

¹⁰⁶ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp về tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Ngoài ra, Báo cáo cũng dẫn chứng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hình thức giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp bằng văn bản, bằng thư điện tử, qua điện thoại. Ngân hàng nhà nước đã giải đáp một khối lượng lớn các vướng mắc pháp lý của tổ chức tín dụng và doanh nghiệp liên quan đến các vụ việc cụ thể trong hoạt động ngân hàng. Trên thực tế, căn cứ vào các yêu cầu, giải đáp vướng mắc của các tổ chức tín dụng, nếu vướng mắc đó liên quan tới hoạt động chung hay nhiều tổ chức tín dụng gặp phải trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Nhà nước không chỉ giải đáp cho tổ chức tín dụng có yêu cầu mà đã chủ động gửi ý kiến giải đáp cho các tổ chức tín dụng có liên quan để có cách hiểu và triển khai thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống...

liên quan đến nhiều lĩnh vực được giải đáp bằng văn bản; đối với tình huống pháp lý đơn giản sẽ được giải đáp tại buổi tọa đàm, làm việc trực tiếp, giải đáp thông qua mạng điện tử, giải đáp thông qua điện thoại.

Qua tổng hợp các nội dung giải đáp cho thấy, lĩnh vực pháp luật mà doanh nghiệp thường xuyên đề nghị cơ quan, tổ chức giải đáp là pháp luật đất đai, môi trường chiếm 32% số lượng đề nghị giải đáp... Kết quả khảo sát năm 2017 của Bộ Tư pháp cho thấy: doanh nghiệp được khảo sát đánh giá cao chất lượng tư vấn, giải đáp vướng mắc pháp luật chiếm tỷ lệ trung bình cao nhất 52%, chỉ 35% đánh giá chất lượng khá, 12% chất lượng yếu và chỉ 1% chất lượng tốt¹⁰⁷.

Doanh nghiệp đánh giá cao chất lượng giải đáp pháp luật thông qua chuyên mục trên Trang thông tin điện tử của các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Sở, ngành liên quan. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, vẫn còn nhiều cơ quan thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp một cách hình thức, chung chung hoặc không giải đáp, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện pháp luật và hậu quả là nhiều doanh nghiệp không tin vào tính khả thi của nhiều quy định trong pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đây là vấn đề cần phải được tiếp tục nghiên cứu về mặt lý luận, thực tiễn để xử lý một cách thấu đáo, hợp lý vì việc giải đáp pháp luật đang và sẽ là vấn đề được doanh nghiệp thực sự quan tâm hơn so với các hình thức hỗ trợ pháp lý khác.

Ví dụ: trường hợp 01 văn bản giải đáp pháp luật vẫn còn chung chung, doanh nghiệp không biết áp dụng như thế nào trong trường hợp cụ thể của doanh nghiệp mình, khi doanh nghiệp đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải đáp “trong trường hợp cụ thể tình trạng sử dụng đất và hồ sơ của doanh nghiệp khi doanh nghiệp chuyển đổi mục đích sử dụng đất có phải đấu giá hay không?” nhưng văn bản giải đáp của cơ quan có thẩm quyền chỉ trích dẫn quy định pháp luật và trả lời chung chung là “khi tổ chức kinh tế (doanh nghiệp) có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với đất đang được thuê thì phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định...” mà không trả lời khẳng định cho doanh nghiệp đề nghị giải đáp pháp luật là phải phải đấu giá hay không khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất của doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ thực hiện. Nhận

¹⁰⁷ Kết quả khảo sát của Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện – Dự án USAID GIG và Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện năm 2017.

được văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp vẫn không biết là có phải thực hiện đấu giá hay không (Công văn số 1177/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 27/6/2019 của Cục Kinh tế và Phát triển Quỹ đất thuộc Tổng Cục Quản lý đất đai trả lời Công văn đề nghị giải đáp của Công ty Cổ phần tư vấn chính sách Hà Nội – Berlin).

Qua nghiên cứu thực tiễn giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp trong thời gian qua có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, hoạt động giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp là nhu cầu thực tế doanh nghiệp rất cần trong quá trình thực thi pháp luật và đây cũng là hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả mà một số cơ quan đã thực hiện tốt trong thời gian qua như thuế, hải quan... tuy nhiên, vẫn còn tình trạng nhiều cơ quan không thực hiện có trách nhiệm tốt công tác này.

Thứ hai, các hình thức giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp cần được đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp, thông qua việc giải đáp pháp luật qua email điện tử, trang tin điện tử cần được nghiên cứu và vận dụng hiệu quả trên thực tiễn trong thời gian tới.

3.3.1.5. Tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật

Lắng nghe doanh nghiệp (tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp) cũng là một hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vì hai lý do như sau:

Thứ nhất, khi được cơ quan nhà nước lắng nghe, tiếp xúc, nghiên cứu, ghi nhận và giải quyết các kiến nghị thì đây sẽ là "liều thuốc" thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm hơn nữa đến pháp luật nói chung và pháp luật về hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp nói riêng, qua đó, doanh nghiệp sẽ nâng cao hơn nữa nhận thức và sự hiểu biết của mình về pháp luật;

Thứ hai, các kiến nghị của doanh nghiệp không phải tự nhiên mà có được mà đó chính là kết quả của những trăn trở, thắc mắc, đúc kết từ hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp. Do đó, khi nhà nước tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp thì nhà nước sẽ có thêm căn cứ thực tiễn để hoàn thiện pháp luật, đồng thời qua đó mà các doanh nghiệp cũng nâng cao được tri thức pháp luật của mình – một phương tiện (điều kiện) không thể thiếu trong môi trường kinh doanh hiện nay.

Việc tham vấn, tiếp nhận các ý kiến của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật được quy định thống nhất thực hiện tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Điều 11). Nghị định số 55/2019/NĐ-CP không quy định thành điều khoản riêng nhưng có ghi nhận trong việc xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP). Quy định này nhằm nhất thể hóa hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật và quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với nhiệm vụ này. Tuy nhiên, trách nhiệm đó thực hiện như thế nào, thực hiện ra sao, các bước thực hiện và lộ trình thực hiện, chế tài thực hiện như thế nào thì lại không được quy định rõ trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và sau này Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng chưa giải quyết triệt để được vấn đề này. Vì vậy, kết quả thực hiện hình thức hỗ trợ này trong thời gian qua là chưa cao, chưa làm thỏa mãn nhu cầu kiến nghị của các doanh nghiệp vì nhiều kiến nghị của doanh nghiệp trên thực tế đã chưa được tiếp nhận, xử lý một cách nghiêm túc trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thực tế, việc tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật đã được Bộ Tư pháp hiện thực hóa và triển khai mạnh mẽ từ những năm 1999 khi Bộ Tư pháp thành lập Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp (Quyết định số 212/1999/QĐ-TCCB ngày 22/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp) và mong muốn thông qua Câu lạc bộ cùng các tổ chức pháp chế bộ, ngành và địa phương là “cầu nối”, “cánh tay nối dài” của Bộ Tư pháp tới các doanh nghiệp trong việc tiếp thu ý kiến phản hồi của doanh nghiệp trong việc xây dựng, góp ý, thẩm định để hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả cho thấy, bên cạnh việc các cơ quan, tổ chức có liên quan thường xuyên tổ chức các diễn đàn, đối thoại, tọa đàm lấy ý kiến góp ý các dự thảo quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp thì Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp vẫn là đơn vị tổ chức khá thành công các tọa đàm, hội thảo, hội nghị đối thoại lấy ý kiến doanh nghiệp về việc xây dựng, hoàn thiện Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Sở hữu trí tuệ, các Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp... qua từng thời kỳ, từng giai đoạn sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật.

Theo kết quả khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2017 cho thấy, khi được hỏi về việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong 2 năm vừa qua, tỷ lệ doanh nghiệp trả lời có tham gia là 55,43% nhưng chủ yếu được thực hiện thông qua các tọa đàm/hội nghị đối thoại. Đối với những doanh nghiệp có tham gia góp ý thì hình thức góp ý phổ biến nhất là qua Hiệp hội (26,09%) sau đó là đóng góp ý kiến trên các trang thông tin điện tử đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (22,83%) và cuối cùng, ít phổ biến nhất là đóng góp ý kiến bằng văn bản gửi tới cơ quan Nhà nước (2,83%)¹⁰⁸.

Việc góp ý thông qua các tọa đàm, hội nghị đối thoại của doanh nghiệp được thực hiện phổ biến nhất là vì phương tiện góp ý có nhiều ưu việt so với các hình thức khác. Vì lý do này mà một số bộ, ngành, trong đó có Bộ Giao thông vận tải đã quy định thành một thủ tục bắt buộc việc lấy ý kiến doanh nghiệp đối với cơ quan soạn thảo¹⁰⁹. Nhiều kiến nghị, góp ý có giá trị của doanh nghiệp đã được Bộ Giao thông vận tải tiếp thu, chỉnh sửa theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện để văn bản tính khả thi cao hơn¹¹⁰. Thời gian qua, tại Bộ Tài chính, Cổng thông tin Bộ Tài chính đã tiếp nhận được nhiều ý kiến góp ý, kiến nghị hoàn thiện văn bản pháp luật do ngành chủ trì thực hiện¹¹¹. Hầu hết các ý kiến góp ý, phản ánh đều được Bộ Tài chính nghiên cứu trả lời; ngành Hải quan cũng nhận được nhiều ý kiến góp ý, phản ánh của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật hải quan (Ví dụ, tại Tọa đàm ngày 16/5/2013 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tại Hà Nội, nhiều doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện dự thảo Luật Hải quan sửa đổi, trong đó, các ý kiến góp ý xoay quanh việc quản lý rủi ro, quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan; thời hạn làm thủ tục hải quan; khai hải quan; hồ sơ hải quan; xác

¹⁰⁸Kết quả khảo sát năm 2017 của Bộ Tư pháp được công bố tại Hội nghị ngày 12/11/2017.

¹⁰⁹Công văn số 2234/BGTVT-PC ngày 13/4/2009 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 và Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 5/3/2009 của Chính phủ do Bộ Giao thông vận tải ban hành nêu rõ: “Đối với những dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi tới Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến của các doanh nghiệp, thời gian để Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho ý kiến tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc”.

¹¹⁰Thông tư số 45/2019/TT-BGTVT ngày 11/11/2019 của Bộ Giao thông vận tải ký ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy, động cơ sử dụng cho xe đạp điện và động cơ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy điện.

¹¹¹Ví dụ: Dự thảo Luật Thuế tài sản được đăng lấy ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính đã nhận được rất nhiều ý kiến trái chiều.

định trước mã số, xuất xứ hàng hóa; kiểm tra sau thông quan tại trụ sở hải quan; thời hạn kiểm tra sau thông quan...).

Thực tế hiện nay, các cơ quan chuyên môn (như các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội...) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi nhận được kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật thì phải nghiên cứu, xem xét, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung đồng thời, chuyển đến Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết. Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thì Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định trên, trong đó, có hoạt động tiếp nhận, tổng hợp các kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến các quy định của pháp luật, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan Trung ương đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền ban hành của cơ quan Trung ương. Tuy nhiên, trên thực tế việc triển khai hoạt động này tại các địa phương còn nhiều bất cập và chưa hiệu quả do chưa có cơ chế thẩm quyền, trách nhiệm rõ ràng của Sở Tư pháp và tại nhiều địa phương Sở Tư pháp chưa được quan tâm bố trí kinh phí, nhân lực để thực hiện công tác này nói riêng và công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung.

Nhìn chung, việc tiếp nhận kiến nghị, hoàn thiện pháp luật tuy đã được quan tâm hơn so với trước đây, tuy nhiên, kết quả khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2017 về vấn đề này đã cho thấy, chất lượng thực hiện các hoạt động này là chưa cao (trung bình chiếm 44%, khá chiếm 37%¹¹²). Ví dụ, trong công tác lấy ý kiến doanh nghiệp về xây dựng và hoàn thiện pháp luật cho thấy, nhiều cơ quan soạn thảo không tiếp thu hoặc tiếp thu nhưng không có giải trình, dẫn đến nhiều sự bất bình trong xã hội. Ví dụ liên quan đến Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi năm 2014 (về việc thanh toán 1 lần số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội), ý kiến của doanh nghiệp, người lao động đã đóng góp rất nhiều thông qua các hội thảo, diễn đàn do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam... tổ chức, nhưng không được cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải

¹¹²Kết quả khảo sát của Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện – Dự án USAID GIG và Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện năm 2017.

trình dẫn đến việc sau khi được ban hành thì Điều 60 của Luật này đã nhận rất nhiều ý kiến, phản ứng của doanh nghiệp, người lao động, buộc Quốc hội phải xin lỗi người lao động và đã kịp thời sửa đổi Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội)¹¹³. Tình trạng này đang là phổ biến trong quá trình lấy ý kiến doanh nghiệp đối với nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác.

Qua nghiên cứu thực tiễn tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật trong thời gian qua có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, việc tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật là trách nhiệm của nhà nước và là một trong các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả. Qua việc tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật thì Nhà nước tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật để thực hiện tốt hơn chức năng quản lý xã hội của mình.

Thứ hai, việc tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp để hoàn thiện pháp luật vẫn còn nhiều bất cập cần được nghiên cứu và hoàn thiện để xây dựng quy trình, tiêu chí, cách thức thực hiện hiệu quả nhằm tiếp nhận được nhiều kiến nghị xác đáng của doanh nghiệp trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2.3.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

2.3.2.1. Sự cần thiết phải có các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong đó có Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành dành cho doanh nghiệp và Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở bộ, ngành và địa phương được thực hiện đến năm 2020 theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (ví dụ: Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020 do Bộ Tư pháp quản lý được phê duyệt theo Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 01/10/2015...). Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 16/8/2019), tiếp tục cho phép xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với tư cách là

¹¹³ Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 02/01/2018 của Bộ Tư pháp tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018.

một trong hai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Nghị định này (từ Điều 10 đến Điều 13 của Mục 2 Chương I các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên được thực hiện là nhằm hiện thực hóa nội dung khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, theo quan điểm của Nghiên cứu sinh, sự cần thiết phải có các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là xuất phát từ các lý do cơ bản như sau:

Thứ nhất, việc xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp căn cứ vào Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (điểm b khoản 3 Điều 14), theo đó, Luật này quy định: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:... b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật”. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định chi tiết Luật Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 cũng có quy định về hoạt động hỗ trợ pháp lý này (Mục 2 Chương I các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa);

Thứ hai, việc xây dựng và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm thực hiện một cách đồng bộ, tổng thể các hoạt động hỗ trợ pháp lý ở một giai đoạn nhất định (thường là 05 năm) bao gồm việc bố trí nguồn lực, xác định mục tiêu rõ ràng trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhất là việc thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ pháp chế doanh nghiệp. Nói cách khác, cần phải xây dựng và ban hành các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vì không có các chương trình này thì sẽ không có cơ sở pháp lý và các điều kiện khác (tài chính, nhân sự...) để triển khai thực hiện trên thực tế các biện pháp hỗ trợ pháp lý mà Nhà nước cam kết dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.3.2.2. Các loại Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Việc xây dựng các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp căn cứ vào nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong từng thời kỳ, ngành, lĩnh vực, địa phương; Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh; và nguồn lực của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Các loại Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp:

- Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp: các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý chủ động hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp đề xuất hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, gửi đến Bộ Tư pháp để tổng hợp xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp;

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và tổ chức khác, cá nhân có liên quan xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ:

Theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thì bộ, cơ quan ngang bộ lồng ghép các nội dung của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vào Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trước đây Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (điểm a khoản 3 Điều 12) thì Bộ trưởng các Bộ tổ chức xây dựng và phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

Việc thay đổi nêu trên là trên cơ sở tình hình thực tiễn và kết quả triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trong 10 năm thực hiện, theo đó, việc triển khai thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được triển khai chủ yếu qua Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 và giai đoạn 2015-2020. Tại các bộ, ngành chủ yếu ban hành kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho

doanh nghiệp, chỉ có một số bộ, ngành ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực mình quản lý như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng... vì vậy, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định bộ, ngành không ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý nữa mà lồng ghép các nội dung của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vào Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi địa phương:

Theo quy định số 55/2019/NĐ-CP, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức khác và cá nhân có liên quan xây dựng và đề xuất Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp.

Ngoài ra, để đảm bảo tính khả thi của các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các địa phương, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc bố trí kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương (khoản 3 Điều 12).

Qua việc phân loại của các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nêu trên cho thấy, sự khác nhau giữa Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành khác với Chương trình của địa phương ở phạm vi, đối tượng thực hiện. Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành được triển khai trên phạm vi toàn quốc, với tất cả các loại hình doanh nghiệp thụ hưởng với các mục tiêu cụ thể, do Bộ Tư pháp chủ trì trên cơ sở phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở địa phương được triển khai trong phạm vi địa phương, với các đối tượng là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương.

2.3.2.3. Sự khác nhau giữa Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Tính đến hết năm 2018, có 17/22 bộ và cơ quan ngang bộ đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (do Nghị định số

55/2019/NĐ-CP mới được ban hành nên tính đến thời điểm hiện tại nay một số địa phương đã ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định này¹¹⁴). Tuy nhiên, kể cả khi tổng kết thực hiện Nghị định số 66/2008/NĐ-CP cho thấy, cũng chỉ mới có 03/22 bộ ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến hết năm 2018, tất cả chính quyền cấp tỉnh (63/63) đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Tuy nhiên, trong đó chỉ có 20/63 địa phương ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hiện nay, việc xây dựng và ban hành Kế hoạch/Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đang được bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện theo quy định mới của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

Sự khác nhau giữa Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thể hiện ở các điểm cơ bản như sau:

Thứ nhất, về sự khác biệt của thẩm quyền ban hành: theo quy định của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thẩm quyền ban hành các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thường được ban hành ở cơ quan có thẩm quyền cao hơn so với kế hoạch. Ví dụ: Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình này do Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt. Các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, việc ban hành kế hoạch triển khai Chương trình do Sở Tư pháp ban hành;

Thứ hai, về sự khác biệt của nội dung Chương trình/kế hoạch: các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có nội dung tổng thể, phạm vi rộng để triển khai đồng loạt, thống nhất công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giữa các ngành khác nhau. Các Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

¹¹⁴ Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2024 và những năm tiếp theo; Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025...

Thứ ba, sự khác biệt về thời hạn thực hiện: các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thường có thời gian 05 năm, có định hướng các năm tiếp theo nhằm đảm bảo tính kế thừa, hiệu quả trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thường ban hành từng năm một trên cơ sở kế hoạch, trong tâm, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

2.3.2.4. Các nội dung cơ bản của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thì nội dung cơ bản của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp (nếu có);

- Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật;

- Hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực.

Đây là những nội dung cơ bản của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, khác với Nghị định số 66/2008/NĐ-CP thì Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã xác định rõ các nội dung của Chương trình. Trước đây, Nghị định số 66/2008/NĐ-CP không xác định rõ nội dung Chương trình trong Nghị định, Điều 12 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây chỉ xác định mục tiêu, căn cứ và thẩm quyền xây dựng các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó có Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành, Chương trình bộ, ngành và Chương trình địa phương. Đến Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thì Chương trình ở bộ, ngành đã không được ghi nhận thành việc ban hành thành các chương trình riêng của bộ, ngành mà lồng ghép các nội dung của Chương trình hỗ trợ pháp lý vào Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.3.2.5. Kết quả thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện giai đoạn 2010-2014, giai đoạn 2015-2020 đã bước đầu tạo ra được “cú hích” trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cả nước. Để thực hiện các chương trình này, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí một khoản kinh phí dành riêng cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (180 tỷ đồng bao gồm từ ngân sách Trung ương, địa phương và huy động từ nguồn kinh phí xã hội hóa của doanh nghiệp), nguồn kinh phí này đã “tiếp thêm sức mạnh” cho các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các hoạt động của Chương trình. Chương trình đã triển khai đồng bộ các hoạt động với 3 Dự án: thông tin pháp luật cho doanh nghiệp; tăng cường năng lực cho các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên một số hoạt động cụ thể. Cụ thể từ năm 2010-2018¹¹⁵, Chương trình đã tổ chức 120 tọa đàm/đối thoại thu hút hơn 13.000 lượt đại biểu tham dự; tổ chức 153 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp, thu hút hơn 16.000 lượt đại biểu tham dự; tổ chức 90 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho hơn 10.000 lượt cán bộ pháp chế doanh nghiệp tham dự; tổ chức 85 lớp bồi dưỡng/tọa đàm cho hơn 9.000 lượt cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tham dự; xây dựng và phát thường xuyên “Chương trình Kinh doanh và Pháp luật” trên Đài truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam từ tháng 7/2012 đến nay (800 chuyên đề “*Kinh doanh và pháp luật*” trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV) và 200 chuyên đề trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV2)); thực hiện xây dựng và duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại 30 tỉnh, thành phố trên cả nước¹¹⁶.

Các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các địa phương được ban hành trước đây và gần đây có Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2015; Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân

¹¹⁵Tính đến ngày 15/10/2018 theo số liệu của Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020.

¹¹⁶Tạp chí dân chủ và pháp luật, tháng 7/2018: Kết quả 10 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tác giả Trần Minh Sơn.

dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2019-2024 và những năm tiếp theo; Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020-2024...

Trong quá trình triển khai các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận nêu trên, trong những năm triển khai hoạt động của các Chương trình đã gặp phải không ít khó khăn, vướng mắc như sau:

Thứ nhất, việc bố trí kinh phí cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các chương trình hỗ trợ pháp lý chưa thực sự được quan tâm; định mức kinh phí đối với một số hoạt động theo quy định của pháp luật như: bồi dưỡng kiến thức pháp luật, biên soạn cẩm nang, bản tin... còn thấp so với thực chi trên thực tế dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các hoạt động¹¹⁷. Ngoài ra, nhiều địa phương không có kinh phí riêng bố trí cho việc triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thứ hai, nhân lực thực hiện công tác pháp chế chưa được kiện toàn theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 07/4/2011 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế nhằm bố trí nhân lực thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP trước đây và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP hiện nay.

Thứ ba, nhiều bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương chưa ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, cũng chưa có tính kết nối, đồng bộ trong việc triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giữa các bộ, ngành và với địa phương.

Thứ tư, chưa huy động được đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong một số hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp dẫn đến tính hiệu quả của một số

¹¹⁷ Ví dụ: Kinh phí chuyên gia, giảng viên lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp là 600.000đ/buổi (khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 157/TTLT-BTC-BTP). Trong khi đó, trên thực tiễn kinh phí chuyên gia, giảng viên lớp bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp thấp nhất phải chỉ từ 2.000.000đ-5.000.000đ/buổi, có những chuyên gia cao cấp thì mức chi là 5.000.000đ-10.000.000đ/buổi.

hoạt động của các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa cao. Công tác tuyên truyền các hoạt động của các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn chưa thực sự hiệu quả, lan tỏa tới từng doanh nghiệp trong và ngoài nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. Kết quả nghiên cứu của Chương 2 cũng cho thấy lịch sử hình thành và phát triển của các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở nước ta ở các giai đoạn trước năm 2008 (giai đoạn chưa hình thành cơ sở pháp lý về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam); giai đoạn sau năm 2008 đến khi có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (giai đoạn thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP) và giai đoạn từ khi triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đến nay mà cụ thể là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Các giai đoạn lịch sử hình thành và phát triển của các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở nước ta đã cho thấy tầm quan trọng của các quy định pháp luật trong việc hình thành và triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở từng giai đoạn, từng thời kỳ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của từng giai đoạn nhất là thời điểm ra đời của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

2. Qua việc phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam cho thấy, các quy định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau từ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định của Chính phủ, Thông tư... đến các Nghị quyết chỉ đạo của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu của Chương này đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế cơ bản của các quy định và văn bản pháp luật và thực tiễn thực hiện về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua và giai đoạn hiện nay. Trong đó, có việc phân tích, đánh giá chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lần đầu tiên được ghi nhận trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, cùng với việc Nghị định số 55/2019/NĐ-CP mới được ban hành và triển khai trên thực tiễn thì việc tiếp tục nghiên cứu để tiếp tục làm rõ các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trong các văn bản pháp luật này thì việc đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để tìm ra các nguyên nhân của những ưu điểm, nhược điểm đó giúp cho chúng ta có cái nhìn tổng quan hơn về thực trạng pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

3. Qua phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã luận giải được những kết quả đạt được và hạn chế, vướng mắc, tồn tại trong nội tại pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và thực tiễn thi hành pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như những nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng và thực tiễn thi hành này như hạn chế của quy định pháp luật trước đây là Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và cả hiện nay khi được ghi nhận thành 01 điều khoản trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và việc ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về tính hiệu lực, khả thi của các quy định pháp luật cũng như vấn đề đưa pháp luật vào cuộc sống trong khi nhân sự, kinh phí thực hiện cho hoạt động này còn chưa thỏa đáng, đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa; sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; áp lực về công việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật...), đầu mối thực hiện công tác này; năng lực chuyên môn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng như nhận thức và ý thức thi hành pháp luật của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn hạn chế.

Ngoài ra, Chương này cũng đã nghiên cứu và đánh giá được thực tiễn xây dựng và tổ chức thực hiện các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (từ Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành, đến các chương trình bộ, ngành và địa phương...), qua đó phân tích sự khác nhau và tính hiệu quả của Chương trình và kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được triển khai ở hầu hết các bộ, cơ quan ngang bộ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời gian qua, thống nhất các nội dung chính của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đồng thời nêu rõ sự cần thiết và định hướng nội dung của việc xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp sau năm 2020.

Chương 3:
ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT,
NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ
CHO DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam được áp dụng vào thực tiễn trong thời gian qua đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác này. Tuy nhiên, thực tiễn ở Việt Nam hiện nay cũng đã cho thấy công tác này chưa thực sự đáp ứng được nguyện vọng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp. Do vậy, việc nghiên cứu làm rõ những yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là rất cần thiết.

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam phải phù hợp với đường lối đổi mới, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp

Hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Đồng thời, việc hoàn thiện các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi và không làm cản trở việc thực hiện các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII đã nêu rõ: “Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế”. Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020, đặt mục tiêu tới năm 2020 cả nước ta có 1 triệu doanh nghiệp (tuy nhiên, đến cuối năm 2019 mới đạt được trên 624.000 doanh nghiệp). Tại kỳ họp Quốc hội năm 2017, Chính phủ cũng trình Quốc hội thông qua dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Như vậy, chủ trương hỗ trợ doanh nghiệp của Đảng là rõ ràng, Chính phủ, các bộ, ngành cũng thể hiện quyết tâm vì doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa và điều còn lại là Việt Nam phải xây dựng thể chế, chính sách như thế nào trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung trong đó hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng,

doanh nghiệp, xã hội phải làm gì để chủ trương và chính sách đó đi vào cuộc sống cộng đồng doanh nghiệp.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một nội dung công việc quan trọng của Nhà nước nên hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, nhất là hoạt động cải cách hành chính, nâng cao chính số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện chỉ số A9 (giải quyết tranh chấp hợp đồng), chỉ số A10 (chỉ số phá sản doanh nghiệp)¹¹⁸... Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một trong các biện pháp để đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, phù hợp với mục tiêu của Nhà nước pháp quyền và phải được đặt trong tổng thể cải cách tư pháp, cải cách bộ máy nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng cần đặt trong bối cảnh tăng cường triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để nâng cao mục tiêu phản ánh chính sách, tiếp thu kịp thời, hiệu quả các vướng mắc pháp lý trên thực tiễn áp dụng pháp luật của doanh nghiệp để phản hồi lại cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nhà lập pháp, xây dựng pháp luật để kịp thời nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động... và kể các lĩnh vực pháp luật như Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Bán đấu giá tài sản... nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện dưới các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, từ sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh

¹¹⁸Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới lần đầu tiên được giới thiệu vào năm 2003 (với tên gọi Doing Business 2004) xem xét 5 chỉ số và 133 nền kinh tế. Đến năm 2018, Doing Business 2019 (công bố ngày 31/10/2018) xếp hạng 190 nền kinh tế; gồm cả những nền kinh tế nhỏ nhất và một số nước nghèo nhất. Qua các năm, số lượng các chỉ số và các nước khảo sát được mở rộng.

ng nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo; nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là từ nguồn kinh phí của cơ quan nhà nước là chủ yếu (kinh phí từ Trung ương và địa phương), ngoài ra có sự huy động sự đóng góp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác, trong đó, có sự tham gia, đóng góp các nguồn lực hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và bản thân các doanh nghiệp với tư cách là đối tượng thụ hưởng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là trên cơ sở các quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) với các nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), trong đó quy định trách nhiệm cụ thể của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật đối với người dân và doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020) quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đăng ký và hoạt động theo quy định của Luật. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định các hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó, có hỗ trợ thuế, tài chính, mặt bằng sản xuất, thông tin pháp lý cho doanh nghiệp... các hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp được đặt trong giải pháp chung về hỗ trợ pháp lý của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (vì các hoạt động hỗ trợ khác của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa như thuế, mặt bằng sản xuất... đều liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

Do đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật, trong đó có việc xây dựng các giải pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải gắn liền với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hữu quan khi việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; đảm bảo được sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (như: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Hội doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, Hội

các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp...) và các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) tại Hàn Quốc, Nhật Bản cho thấy việc hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho doanh nghiệp đòi hỏi có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần đẩy mạnh thông qua phương thức truyền truyền, giáo dục, thuyết phục doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đảm bảo tính đồng bộ, tính khả thi

Theo kết quả nghiên cứu lý luận cho thấy, thì yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm yếu tố về nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong từng thời kỳ, tại các vùng, ngành, lĩnh vực và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, chương trình xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương; cũng như tâm lý, sự hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp... là các vấn đề phải xem xét tới khi hoàn thiện các quy định pháp luật và triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Hiện nay, những tồn tại, hạn chế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có nguyên nhân từ những hạn chế trong quy định của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; sự quá tải do áp lực công việc của nhân sự thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và công tác này nói riêng; khó khăn trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của cán bộ công chức trong việc thực thi các nhiệm vụ liên quan đến doanh nghiệp... Do vậy, yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới là đưa ra được các giải pháp có tính đồng bộ và khả thi cao nhằm hạn chế được những yếu tố có tác động

tiêu cực tới hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hướng tới việc khắc phục những hạn chế, tồn tại trong pháp luật và thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Các giải pháp đề xuất hoàn thiện các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đề ra nếu không được xây dựng và thực hiện một cách đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, nhu cầu của doanh nghiệp thì sẽ không mang tính hiệu quả cao, chỉ mang tính chất tình thế, hình thức. Vì vậy, khi xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đều phải nghiên cứu kỹ các vấn đề liên quan để đưa ra giải pháp đồng bộ để xử lý từ việc hoàn thiện quy định pháp luật đến nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Đối với những vấn đề có nội dung phức tạp và do nhiều nguyên nhân khác nhau gây nên, trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ bản chất nội tại của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, có nguyên nhân xuất phát từ luật định (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa), có nguyên nhân xuất phát từ các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật đưa ra phải đảm bảo khắc phục được cơ bản các nguyên nhân và đặt trong tổng thể các biện pháp về kinh tế, chính trị, xã hội để hạn chế mức thấp nhất bất cập và đảm bảo tính khả thi của giải pháp. Bởi thế, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải đồng bộ, có tính khả thi trong thực tế.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Theo quan điểm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được nêu trên thì việc hoàn thiện pháp luật trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau đây:

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Một trong những nội dung (vấn đề) mà doanh nghiệp rất quan tâm là các hình thức hỗ trợ pháp lý mà họ được Nhà nước cung cấp. Xét về mặt thực chất thì đây là vấn đề mà các doanh nghiệp quan tâm nhất và chính vì vậy, đây cũng là vấn đề mà Nhà nước cần phải quan tâm giải quyết nhất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, mặc dù đã được pháp luật (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) ghi nhận nội dung và biện pháp thực hiện nhưng nhìn chung, các hình thức hỗ trợ này vẫn chưa phát huy được vai trò, tác dụng trong thực tiễn, chưa đáp ứng được kỳ vọng của các

doanh nghiệp. Vì vậy, đây cũng là vấn đề mà Nhà nước phải tiếp tục quan tâm giải quyết để các quyền của doanh nghiệp (quyền được tiếp cận thông tin pháp lý, quyền được giải đáp pháp luật, quyền được đối thoại với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan...) không chỉ tồn tại trên giấy mà thực sự được thực thi trong cuộc sống.

Về thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ có một điều khoản quy định về thông tin, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Khoản 3 Điều 14), văn bản dưới Luật có Nghị định của Chính phủ ban hành về công tác này (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP), tuy nhiên, trên thực tế triển khai trong thời gian qua cho thấy, hiệu lực ở tầm văn bản Nghị định chưa thực sự được quan tâm thực hiện và nâng cao trách nhiệm thực hiện của các cơ quan nhà nước đối với công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, công tác thực thi pháp luật của doanh nghiệp, vì vậy, cần hoàn chỉnh quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoản 3 Điều 14) và Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo hướng cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy (nhất là các nước Cộng đồng chung Châu Âu), việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc cung cấp thông tin pháp lý là hình thức hỗ trợ pháp lý hiệu quả đã thực hiện trong thời gian qua và cần được tăng cường hơn nữa trong thời gian tới ở Việt Nam khi nền kinh tế chúng ta đang đà phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Việc xây dựng và khai thác thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (trên cơ sở khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) cần được quy định theo hướng thiết kế một Trang thông tin hoặc Cổng thông tin chính thức về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để doanh nghiệp dễ dàng cập nhật và tham khảo các thông tin pháp lý, các vướng mắc pháp lý trên thực tế đã được tháo gỡ, tránh tình trạng manh mún cơ quan nào cũng có chức năng, nhiệm vụ thực hiện công việc này nhưng doanh nghiệp muốn tiếp cận và thu thập thì rất khó khăn. Việc hoàn thiện và quảng bá Trang/cổng thông tin này tới doanh nghiệp cũng cần được thực hiện bài bản và thường xuyên để tạo thói quen cho doanh nghiệp truy cập, sử dụng. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của các nước

thuộc Cộng đồng chung Châu Âu coi hỗ trợ cung cấp thông tin pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là trách nhiệm của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) tiếp tục cần được hoàn thiện theo hướng các cơ quan nhà nước phải giải đáp các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng pháp luật (tương tự như các cơ quan thuế, hải quan vẫn đang thực hiện). Trên thực tế, các yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp chủ yếu liên quan đến những trường hợp cụ thể phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, cần quan tâm xây dựng và vận hành tốt mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ Tư pháp quản lý trong thời gian tới.

Theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ đó. Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại Nghị định, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử đến bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định, bộ, cơ quan ngang bộ xem xét thông báo bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nguyên tắc quy định. Trường hợp không đồng ý hỗ trợ chi phí thì phải nêu rõ lý do. Trường hợp được Bộ, cơ quan ngang Bộ đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và sau khi có văn bản tư vấn pháp luật của tư vấn viên pháp luật thì doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật vụ việc, vướng mắc được hỗ trợ.

Nghiên cứu phương án xây dựng và vận hành mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP theo hướng quan tâm bổ sung việc Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên, tháo gỡ các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với các điều kiện, thủ tục cụ thể; các bộ, cơ quan ngang bộ quan tâm đẩy nhanh việc hình thành và thực hiện mạng lưới tư vấn pháp lý chuyên nghiệp tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện pháp luật. Mạng lưới tư vấn viên pháp luật là một bộ phận của mạng lưới tư vấn viên

theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, gồm luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật, trung tâm tư vấn pháp luật đủ điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật, tự nguyện thông báo tham gia và được bộ, cơ quan ngang bộ công bố công khai để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong chế định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần quy định rõ việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đẩy mạnh đối thoại pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc tổ chức đối thoại pháp lý công khai định kỳ ít nhất hai lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp ở địa phương, hạn chế áp lực đẩy lên Trung ương xử lý. Cũng cố, hoàn thiện đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng/Trang thông tin điện tử chính thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp pháp lý cho doanh nghiệp.

Việc lấy ý kiến doanh nghiệp góp ý nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật đối với doanh nghiệp cần được quy định thành một quy trình tổ chức, thực hiện cụ thể, rõ ràng, có ý kiến phản hồi tiếp thu hay không tiếp thu, lý do; có tổng kết, đánh giá, kiểm tra nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này. Sắp tới cũng cần có biện pháp về mặt pháp luật nhằm nâng cao vai trò, vị trí, chức năng của Bộ Tư pháp trong việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức trong việc góp ý xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định hiện hành không rõ, kinh phí không được bảo đảm¹¹⁹ nên đã gây ra không ít khó khăn cho Bộ Tư pháp trong quá trình lấy ý kiến các doanh nghiệp về nội dung của các dự thảo văn bản mà Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, góp ý, thẩm định.

Việc nghiên cứu hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia tố tụng tài tòa án, trọng tài cũng cần phải đặt ra nhằm góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh này. Kinh nghiệm các nước như Singapore, Nhật Bản cho thấy, việc hỗ trợ về mặt tố tụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất cần thiết và có hiệu quả thiết thực, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật theo hướng đảm bảo kinh phí cần thiết cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

¹¹⁹ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung nhằm làm rõ vấn đề này và bố trí kinh phí hợp lý cho quá trình thực hiện.

Theo quy định, kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được cấp từ ngân sách nhà nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trên cơ sở kế hoạch hoạt động được xây dựng hàng năm. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn chi tiết định mức chi hiện nay có liên quan đến triển khai các hoạt động này còn nhiều bất cập. Cụ thể như sau:

Để triển khai tập huấn, hội nghị, tọa đàm, theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ về công tác phí, chế độ chi hội nghị thì mức chi rất hạn chế, không phù hợp với thực tế¹²⁰. Theo kinh nghiệm từ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giải đáp pháp luật và những vấn đề liên quan tới pháp luật cho doanh nghiệp, trong khi dự án được duyệt theo cơ chế phối hợp ngân sách Nhà nước chiếm tỉ lệ 70% và thu đối ứng từ doanh nghiệp 30%, thì thực tế ngân sách chỉ đảm bảo từ 30% đến 50% so với tổng chi phí mà thôi.

Định mức chi, được quy định cụ thể tại Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung chi cũng không phù hợp với thực tiễn (được ban hành áp dụng từ năm 2010, theo điều kiện kinh tế, xã hội 10 năm trước). Cụ thể:

- Các định mức trong Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP còn thấp so với mặt bằng chung, không còn phù hợp với thực tiễn:

Định mức chi cho chuyên gia, giảng viên lớp bồi dưỡng pháp luật cho doanh nghiệp, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp, cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là 600.000 đồng/buổi. Mức này là thấp so với các văn bản hiện hành, khó huy động được chuyên gia giỏi, có nhiều kinh nghiệm tham gia các lớp bồi dưỡng pháp luật. Ví dụ: Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức quy định mức chi thù lao giảng viên trong nước đã là 2.000.000 đồng/buổi (điểm a khoản 2 Điều 5).

Định mức chi cho chủ trì hội nghị, đối thoại, tọa đàm trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có tính đặc thù. Người chủ trì phải là chuyên gia, phải chuẩn bị bài

¹²⁰Duyệt chi ngân sách ở mức từ 500.000 đồng cho diễn giả nhưng thực tế phải chi trả với mức cao hơn, phổ biến là 1.000.000 đồng tới 2.000.000 đồng.

dẫn đề, phát biểu và điều hành hội nghị, đối thoại, tọa đàm; nếu áp dụng tương tự như các hội nghị, đối thoại, tọa đàm thông thường như hiện nay (200.000 đồng/buổi) là thấp, khó có thể đảm bảo chất lượng các hoạt động này và đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp. Trong khi đó, Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quy định mức chi cho người chủ trì là 1.500.000 đồng/buổi hội thảo (khoản 5 Điều 7).

Kinh phí viết bài tham luận cho hội nghị, đối thoại, tọa đàm hiện nay rất thấp, chỉ tối đa 300.000 đồng /bài tham luận (và bài nhận xét góp ý chỉnh sửa chỉ tối đa là 200.000 đồng/bài). Trong khi đó, Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định mức chi 1.000.000 đồng/báo cáo (khoản 8 Điều 4).

Định mức chi thuê chuyên gia giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp chỉ từ 150.000 đồng đến 400.000 đồng/lần (ý kiến tham gia bằng văn bản); chi cho luật gia, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn chỉ 20.000 đồng - 30.000 đồng/giờ tư vấn. Các định mức này là thấp, không thu hút được chuyên gia, luật gia, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia mạng lưới tư vấn viên pháp luật. Trong khi đó, hiện nay mức lương cơ sở đã tăng hơn 02 lần (từ 730.000 đồng lên 1.490.000 đồng) so với thời điểm năm 2010 - thời điểm ban hành Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP.

- Một số nội dung cần phải chi trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhưng chưa được quy định trong Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP, ví dụ: (i) Nội dung chi cho công tác xây dựng, duy trì, quản lý, cập nhật Trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu pháp luật liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 5 đến Điều 8);¹²¹ (ii) Nội dung chi cho: công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả thực hiện hoạt

¹²¹Trong khi đó, Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/2/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có các quy định tương tự.

động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;¹²² hoạt động xây dựng báo cáo hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Điều 16 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP);¹²³(iii) Nội dung và mức chi cho các hoạt động đặc thù cho quản lý hoạt động mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp; nội dung và mức chi cho các cuộc họp chuyên gia giải quyết các vụ việc cụ thể theo kiến nghị của doanh nghiệp để trả lời, giải đáp cho doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 8); (iv) Chi phụ cấp cho công chức kiêm nhiệm làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; chi trả lương cho cán bộ hợp đồng chuyên trách phục vụ quản lý hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa¹²⁴...

Để triển khai hiệu quả, có chất lượng chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và trên cơ sở các khó khăn, vướng mắc như đã nêu ở trên, việc ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP là rất cần thiết. Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP cần giải quyết được một số vấn đề sau: nâng định mức kinh phí chi cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cần được hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, bao gồm: (i) Chủ trì hội nghị, đối thoại, tọa đàm: 1.000.000đ/buổi (người chủ trì hội nghị đối thoại, tọa đàm có thể áp dụng tương tự như chuyên gia viết tham luận và trình bày tại hội nghị đối thoại, tọa đàm vì thực tế người chủ trì phải có bài dẫn đề, phát biểu và điều hành hội nghị, tọa đàm); (ii) Chuyên gia, giảng viên lớp bồi dưỡng pháp luật cho doanh nghiệp, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp, cán bộ thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: mức thù lao 2.000.000đ/buổi để có thể huy động chuyên gia giỏi, có nhiều kinh nghiệm tham gia các lớp bồi dưỡng; (iii) Kinh phí viết bài tham luận (cả viết và trình bày tại hội nghị, đối

¹²²Trong khi đó, một số văn bản hiện hành có quy định về nội dung chi cho công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả thực hiện. Ví dụ, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 07/2018/TT-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” quy định “Chi công tác phí đi chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC”.

¹²³Trong khi đó, Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định kinh phí xây dựng báo cáo là 800.000 đồng/báo cáo (khoản 3 Điều 4).

¹²⁴Ít nhất phải bằng mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ (hiện tại là theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (khoản 1 Điều 3 quy định mức lương tối thiểu là 4.180.000đ).

thoại, tọa đàm): tối thiểu 1.000.000đ/tham luận; (iv) Chi giải đáp pháp luật bằng văn bản: tối thiểu 1.000.000 đồng/văn bản.

Cần nghiên cứu, bổ sung một số nội dung chi đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và quy định rõ ràng hơn, sát với thực tế bộ, ngành và địa phương, bao gồm: (i) Bổ sung định mức các khoản chi lập dự toán, sử dụng, thanh quyết toán cụ thể cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để thực hiện Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 13) và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 9), trong đó có quy định: (1) Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm; (2) Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm; (3) Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm; (ii) Bổ sung nội dung chi cho công tác xây dựng, duy trì, quản lý, cập nhật trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu pháp luật liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp¹²⁵; (iii) Bổ sung các nội dung kinh phí chi cho: công tác kiểm tra việc thực hiện và kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hoạt động xây dựng báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các hoạt động quản lý mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp; phụ cấp cho công chức kiêm nhiệm làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; chi trả lương cho cán bộ hợp đồng chuyên trách phục vụ quản lý hoạt động hỗ trợ pháp lý của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đơn giản hóa các thủ tục lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đề nghị giảm bớt các thủ tục, hồ sơ trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó có thể nghiên cứu áp dụng các hình thức khoán, thuê dịch vụ trọn gói cụ thể đối với một số nội dung, hình thức để thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

¹²⁵ Có thể quy định tương tự Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT.

Nghiên cứu áp dụng phương thức điện tử trong đề xuất, thực hiện và thanh toán kinh phí đối với các hoạt động triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Kinh nghiệm ở Hàn Quốc cho thấy, đơn giản hóa các thủ tục thanh quyết toán tối đa 2.000 USD/doanh nghiệp/năm khi tham gia tư vấn qua mạng lưới tư vấn pháp luật do các luật sư thực hiện đặt ở Bộ Lập pháp Hàn Quốc là rất thiết thực và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nhanh gọn, đơn giản trong thanh quyết toán đối với doanh nghiệp hoặc những người thực hiện dịch vụ công hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn pháp luật hay các hình thức hỗ trợ pháp lý khác đang được hiện diện ở Việt Nam.

Có cơ chế đề Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, bố trí kinh phí thỏa đáng cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ví dụ: cần nghiên cứu ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giải pháp hàng năm tổ chức các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và thực hiện (hoặc trả lời) giải đáp các kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình áp dụng pháp luật do văn bản các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, trong Chỉ thị cũng nêu rõ việc bố trí nguồn lực kinh phí dành cho công tác này và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cụ thể như thế nào và mốc thời hạn, kết quả thực hiện. Tránh trường hợp đến nay vẫn còn nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ có chủ trương chung chung là quan tâm, hỗ trợ doanh nghiệp nhưng lại không bố trí nguồn lực, kinh phí hiệu quả cho công tác này.

Như vậy có thể thấy, định mức chi ngân sách thiếu tương thích với thực tế là một trong những trở ngại lớn nhất trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, ngay từ khâu lập kế hoạch ở các Bộ, ngành và từng địa phương. Vì vậy, cần nghiên cứu để chỉnh sửa các định mức cho phù hợp với thực tiễn. Ngoài ra, để đảm bảo kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần quy định rõ việc giao định mức ngân sách nhà nước cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là khoản chi thường xuyên ngoài định mức để đảm bảo việc các bộ, ngành và địa phương quan tâm, bố trí kinh phí hàng năm dành cho công tác này, bởi nếu không quy định và thực hiện rõ thì hàng năm kinh phí cấp cho các cơ quan thực hiện công tác này vẫn được tính trong định mức thường

xuân nên dẫn đến kinh phí không đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Tham khảo kinh nghiệm một số nước trong khu vực cho thấy, kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định rất lớn đến hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ví dụ: tại Hàn Quốc, mỗi năm Nhà nước hỗ trợ pháp lý cho mỗi doanh nghiệp tối đa 1/3 kinh phí hoặc tối đa 2.000 USD/trên mỗi vụ kiện nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp¹²⁶ (tương đương gần 45 triệu đồng/doanh nghiệp/năm) (cao hơn rất nhiều lần so với định mức hỗ trợ của Việt Nam trong giai đoạn triển khai mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp với mức 25.000đ-30.000đ/giờ tư vấn cho doanh nghiệp và 400.000đ/văn bản tư vấn cho doanh nghiệp/năm).

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật theo hướng nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Để hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện kịp thời, hiệu quả đòi hỏi phải có sự phân công rõ ràng quyền hạn, trách nhiệm và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý. Trên thực tế, việc triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong những năm qua còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ một phần là xuất phát từ lý do này. Sự yếu kém trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức này không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của doanh nghiệp mà còn làm gia tăng các vụ việc pháp lý, các tranh chấp trong kinh doanh cũng như các khiếu nại, tố cáo làm ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp. Vì thế cần quy định rõ, đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhất là trong việc thông tin đúng, kịp thời các thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp và tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về kinh doanh nói riêng.

¹²⁶ Trần Minh Sơn, *Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp, luận văn thạc sĩ luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014, tr.48 - 49.

Trong số các cơ quan nhà nước thì Bộ Tư pháp có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, sắp tới trong pháp luật cần có giải pháp để nâng cao hơn nữa vai trò của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực này.

Đối với Bộ Tư pháp trong thời gian tới vẫn cần có trách nhiệm chính về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam. Với vai trò này, Bộ Tư pháp cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây: (i) nghiên cứu, hoàn thiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo các phương thức mới, hiện đại, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; (ii) tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên phạm vi cả nước; (iii) tổ chức, kiện toàn đầu mối hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ Trung ương tới địa phương (cấp tỉnh); (iv) đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (v) xây dựng, vận hành hệ thống thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tập trung một đầu mối, đáp ứng được nhu cầu thông tin pháp lý đúng, kịp thời của doanh nghiệp, định kỳ công bố thông tin, thống kê về kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và hiệu quả của nó.

Ngoài ra, với chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp cần quan tâm hơn nữa việc đánh giá, tổng kết kết quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hàng năm và 05 năm/01 trên phạm vi toàn quốc (không chỉ ở trong nước mà cả nước ngoài, khi bản thân các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn cần các hình thức hỗ trợ pháp lý của nhà nước như thông tin minh bạch các chính sách pháp luật cho doanh nghiệp); quan tâm nghiên cứu và triển khai các Đề tài khoa học cấp bộ nghiên cứu về vấn đề lý luận pháp luật và thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để từ đó nghiên cứu và hoàn thiện các quy định pháp luật trong các hoạt động này, đồng thời triển khai thống nhất, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cả nước, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp về hỗ trợ pháp lý ở Việt Nam.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mang tính chuyên ngành cao, do đó, Bộ Tư pháp mặc dù được coi là cơ quan đầu mối có vai trò thống nhất quản lý nhà nước và thực thi một số hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhưng do bị hạn chế về nhiều mặt (năng lực chuyên môn, bộ máy, kinh phí, nhân lực thực hiện...) nên không thể một mình gánh vác được hết trọng trách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, trong Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã dành nhiều quy định cụ thể để làm rõ mối quan hệ giữa Bộ Tư pháp với các bộ, ngành khác có liên quan đến việc thực thi trách nhiệm chung của

Nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Nghiên cứu sinh, sau khi nghiên cứu các quy định về vấn đề này có thể nhận định rằng, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành và đặc biệt là mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan này với Bộ Tư pháp – đầu mối về công tác quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vẫn còn không ít điều chưa rõ, chưa đầy đủ, chưa hợp lý. Ví dụ: Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn lập dự toán, bố trí, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định này không rõ phạm vi, trách nhiệm, kết quả thực hiện dẫn đến việc chậm ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thay thế Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (đến tháng 8/2020, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch nêu trên).

Vì vậy, đây sẽ là vấn đề mà sắp tới Nhà nước ta phải quan tâm giải quyết vì trong bất cứ việc gì của Nhà nước, sự thành công của nó phụ thuộc rất nhiều vào năng lực hành động, chất lượng làm việc của cán bộ, công chức có liên quan.

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không phải là độc quyền của Nhà nước. Hiệp hội, các tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp, các Liên đoàn, Đoàn Luật sư cũng đóng vai trò không kém phần quan trọng trong lĩnh vực này (ví dụ: tổng đài tư vấn doanh nghiệp miễn phí 19006199 do một số Công ty Luật thực hiện như Công ty Luật Việt Luật...; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam thường xuyên tổ chức hỗ trợ pháp lý miễn phí cho doanh nghiệp hội viên qua các đối thoại, tọa đàm, lớp bồi dưỡng pháp luật kinh doanh được tổ chức hằng năm...). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp ở nước ta trong thời gian qua còn nhiều hạn chế.

Theo thống kê hiện nay của Bộ Nội vụ, Việt Nam có khoảng trên 300 hội có phạm vi hoạt động toàn quốc và hơn 2000 hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó, theo nghiên cứu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thì số lượng tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trên cả nước có khoảng trên 300 tổ chức¹²⁷, trong đó chủ yếu tập trung tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước

¹²⁷Báo cáo của Bộ Nội vụ về công tác hội năm 2016.

như TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, TP. Hải Phòng. Chỉ riêng TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh đã chiếm hơn 42% trên tổng số các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trên cả nước. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay chỉ có hơn 30% tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đang hoạt động tốt, số còn lại đang hoạt động cầm chừng (nhiều tổ chức còn duy trì, hoạt động nhờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước) và thực sự chưa phát huy hết vai trò của mình trong các hoạt động đại diện cho các doanh nghiệp thành viên, trong khi đó, theo báo cáo của các Hiệp hội doanh nghiệp cho thấy, vai trò hỗ trợ doanh nghiệp hội viên thông qua việc hỗ trợ pháp lý để bảo vệ quyền lợi hội viên là nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp tham gia hội. Nhiều tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đưa nhiệm vụ này là nhiệm vụ hàng đầu và trọng tâm hoạt động của tổ chức mình như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp...¹²⁸

Tình trạng hoạt động khó khăn của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, nhất là trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thành viên của mình là có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là điều kiện vật chất dành cho các tổ chức này còn rất yếu kém, thiếu thốn. Tóm lại là “lực bất tòng tâm”, vì vậy, nhằm tăng cường vai trò của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Nhà nước cần có quy định pháp luật để khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức này phát huy vai trò về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thành viên thông qua việc hàng năm, Nhà nước ký các hợp đồng giao việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp để các tổ chức đại diện này có điều kiện về mặt tài chính để thành lập, duy trì các trung tâm tư vấn pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp hội viên của mình; định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội nghị đối thoại lấy ý kiến doanh nghiệp hội viên; thực hiện khảo sát, lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về các thông tin, chỉ số, phản hồi cho các cơ quan nhà nước tham khảo, phục vụ việc điều hành nền kinh tế có hiệu quả.

¹²⁸ Sau khi có Nghị định số 66/2008/NĐ-CP nhiều tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đã thành lập hoặc nâng cấp các đơn vị trực thuộc chuyên triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hội viên. Ví dụ: Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam có Trung tâm hỗ trợ pháp luật và phát triển nguồn nhân lực; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có Ban Pháp chế; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có Trung tâm tư vấn pháp luật; Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp có Trung tâm tư vấn pháp luật và bồi dưỡng nghiệp vụ...

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

3.3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức và đối với doanh nghiệp

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức các cấp, các ngành và doanh nghiệp về tầm quan trọng của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp. Hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp cần được nhìn nhận đúng đắn, đầy đủ và toàn diện về vị trí, vai trò và ý nghĩa của nó trong điều kiện phát triển kinh tế, xã hội hiện nay. Thực tiễn những năm qua đã cho thấy, nội dung pháp luật cũng như việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp chưa được các cơ quan, tổ chức, nhân dân và toàn xã hội nhìn nhận một cách đúng đắn, đầy đủ và toàn diện về vị trí, vai trò và ý nghĩa của nó trong việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Vai trò, vị trí của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế đất nước ngày càng được coi trọng. Tình trạng không chỉ doanh nghiệp mà cả cán bộ, công chức không tôn trọng, thậm chí “thờ ơ, coi thường” các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp là khá phổ biến.

Trong khi đó, trên thực tế, chưa có công trình khoa học nào đánh giá, tổng kết một cách toàn diện về khoa học, lý luận và pháp luật hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp, để từ đó, đề ra các quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật. Thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp đã cho thấy vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế về cả nội dung và hình thức pháp luật. Vì vậy, việc nâng việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp luật đối với cán bộ, công chức và doanh nghiệp là giải pháp cần thiết và đầu tiên phải thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Việc nhận thức đúng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mới hành động đúng theo pháp luật.

- Đối tượng được tuyên truyền không chỉ cho các cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà còn cho cả doanh nghiệp, người quản lý, sử dụng và lao động trong doanh nghiệp, vì:

+ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (ở Trung ương có các bộ, ngành liên quan; ở địa phương có các sở, ngành liên quan) để họ biết

mình phải làm gì, làm như thế nào để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

+ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để họ biết về quyền và lợi ích của mình, qua đó mà đề nghị, buộc các cơ quan nhà nước có liên quan phải thực hiện tốt nhiệm vụ của mình đối với doanh nghiệp.

- Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý hiện nay đã có nhưng chưa thực sự hiệu quả. Ví dụ: (1) việc xây dựng và vận hành Trang tin về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng thông tin của Bộ Tư pháp vì nhiều lý do, trong đó có nguồn nhân lực và kinh phí cho Trang thông tin chưa được đầu tư, cập nhật thường xuyên các thông tin pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các thông tin chưa được phân loại và cập nhật thường xuyên, chưa thu hút được sự truy cập thông tin của các cá nhân, cơ quan, tổ chức và của doanh nghiệp; (2) việc xây dựng và phát hành các bản tin, tài liệu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do nguồn kinh phí thấp, không thu hút được đơn vị tham gia thực hiện nên các bản tin, tài liệu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không được xây dựng và phát hành thường xuyên, định kỳ (theo tháng hoặc quý) để thông tin về pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tới các bộ, ngành, địa phương và với doanh nghiệp quan tâm, thực hiện.

Vì vậy, việc tổ chức tổng kết, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện thực trạng hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp đặt trong bối cảnh hiện nay trước những yêu cầu của quy định pháp luật (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP), nhu cầu cần hỗ trợ pháp luật của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm xây dựng và tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp. Việc tổng kết, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp, đặt trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

- Trên cơ sở đó, để tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần tập trung, nâng cao các hình thức tuyên truyền, phổ biến hiệu quả như sau:

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm, hiệu quả về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Các bộ, ngành và địa phương cần chủ động xây dựng, hoàn thiện các

mô hình hiệu quả trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như mô hình “*Cà phê doanh nhân*”, “*Cà phê doanh nghiệp thứ 7*”¹²⁹... nhằm rút ngắn khoảng cách giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, là địa chỉ để giải đáp các thắc mắc pháp lý cho doanh nghiệp và tiếp nhận các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật cũng như tổ chức thi hành pháp luật. Mô hình “*Bác sĩ doanh nghiệp*” ở tỉnh Bắc Ninh. Đây là mô hình sáng tạo nhằm thực hiện chủ trương hỗ trợ cho doanh nghiệp; Chính phủ đổi mới, sáng tạo thông qua việc các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các hoạt động cụ thể nhằm giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa chuẩn đoán “bệnh” vướng mắc pháp lý để chữa “bệnh” cho doanh nghiệp. Mô hình này của tỉnh Bắc Ninh cần được nghiên cứu thí điểm rộng hơn ở các tỉnh khác.

Việc nhân rộng và phát triển các mô hình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ tạo ra các “điểm sáng” trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hình thành các mô hình hiệu quả cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu cần hỗ trợ của các loại hình doanh nghiệp, phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trên cả nước.

- Quan tâm triển khai thường xuyên có hiệu quả, chất lượng các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm thông tin thường xuyên pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tới các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp thông qua các tọa đàm, hội nghị đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp; các hội nghị, bồi dưỡng pháp luật kinh doanh trực tuyến cho doanh nghiệp. Quan tâm, đầu tư nhân lực và kinh phí cho Trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (đặt ở Cổng thông tin của Bộ Tư pháp) để trở thành 01 trang tin điện tử chính thống về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thu hút sự truy cập của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong đó, nhiệm vụ chính của Trang tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này là việc thông tin đầy đủ 100% các chủ trương, đề án, chính sách, chương trình, kế hoạch hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời tham khảo mô hình hoạt động của “Trang tin điện tử Chính phủ” để nâng cấp một bước Trang tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản giải đáp pháp luật cho doanh

¹²⁹Các mô hình này đã được triển khai hiệu quả ở một số tỉnh phía Bắc và phía Nam như: Quảng Ninh, Bắc Giang, Đồng Nai, Long An...

ngành để hoạt động giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp cần được nâng cao hơn nữa đáp ứng nhu cầu cần giải đáp trong áp dụng pháp luật của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc tiếp nhận, phản hồi các vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật, nhất là các quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp (như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế Xuất nhập khẩu...) cần được tin học hóa và áp dụng công nghệ cuộc Cách mạng 4.0 để phát huy hơn nữa nhiệm vụ này cũng như vai trò của Bộ Tư pháp nói chung và hoạt động quản lý nhà nước trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng trong thời gian tới (Kinh nghiệm ở Hàn Quốc, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là một trong những nhiệm vụ quan trọng và ưu tiên của Bộ Lập pháp Hàn Quốc trước đây và hiện nay).

Việc xây dựng thường xuyên và phát hành các bản tin, tài liệu về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; đổi mới các hình thức, nội dung trong việc xây dựng và phát sóng định kỳ hàng tuần các chương trình “Kinh doanh và pháp luật” trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; xây dựng các Clip bài giảng điện tử về pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp, các tài liệu hướng dẫn pháp luật đơn giản, cụ thể dễ hiểu để phát rộng rãi trên các môi trường mạng, điện tử hay các trang xã hội để tăng cường lan tỏa các quy định pháp luật tới từng doanh nghiệp có nhu cầu.

3.3.2. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là 03 mối quan hệ phối hợp chủ yếu như sau:

- Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giữa cơ quan nhà nước Trung ương với cơ quan nhà nước địa phương.
- Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giữa các cơ quan nhà nước Trung ương với nhau; giữa các cơ quan nhà nước địa phương với nhau.
- Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giữa các cơ quan nhà nước Trung ương với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các hiệp hội ở

Trung ương; giữa các cơ quan nhà nước địa phương với các tổ chức đại diện, hiệp hội ở địa phương.

Việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một trong những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được giao cho các cơ quan nhà nước, cụ thể là bộ, ngành (đầu mối là các tổ chức pháp chế) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ở địa phương đầu mối là các Sở Tư pháp). Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 nói chung và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP nói riêng cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp trong việc phối hợp, hỗ trợ các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong khi đó, trên thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương thì công tác giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả. Ví dụ: Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020, tuy là Chương trình liên ngành, nhưng công tác phối kết hợp liên ngành giữa các cơ quan ở bộ, ngành và địa phương với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được sự tham gia của các bộ như Bộ Công Thương, Bộ Tài chính... các hiệp hội, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng ít đăng ký tham gia các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo kế hoạch năm 2015 đến 2019 của Chương trình¹³⁰.

Chính vì vậy, trong thời gian tới việc tăng cường mối quan hệ phối hợp trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa là trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và là trách nhiệm chủ động của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp. Mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp nếu được thực hiện hài hòa sẽ góp phần không nhỏ vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

¹³⁰ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ Tư pháp về tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

Ngoài ra, mối quan hệ phối hợp từ Trung ương tới địa phương có cơ chế phối hợp giữa Trung ương (pháp chế các Bộ, ngành) và địa phương (Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong quá trình tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong quá trình tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm tạo ra nguồn lực thống nhất tạo thành sức mạnh tổng hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong thời gian tới là rất cần thiết nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả, tránh chồng chéo giữa các hoạt động (ví dụ: hoạt động thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; tổ chức các tọa đàm, đối thoại với doanh nghiệp...), phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Trên tinh thần như vậy, để tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần phải thống nhất và thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần thống nhất sự phối hợp nên được thực hiện thông qua việc phối hợp thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; tổ chức các hội nghị đối thoại, tọa đàm, lấy ý kiến doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; phối hợp trong việc xây dựng tài liệu, giới thiệu văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp; phối hợp giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp.

Thứ hai, cần nghiên cứu xây dựng Quy chế phối hợp chung thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giữa Trung ương với địa phương, giữa các bộ, ngành với nhau và giữa bộ, ngành với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các hiệp hội trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Cơ chế phối hợp này là để xây dựng, duy trì, cập nhật và khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quy định pháp luật, các vụ việc pháp lý, vướng mắc pháp luật được đồng bộ, thống nhất, phát huy vai trò đầu mối của Bộ Tư pháp cũng như vai trò của các bộ, ngành địa phương, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Ngoài ra, việc phối hợp trong xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (bao gồm Chương trình liên ngành và Chương trình địa phương) cũng cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và của cả doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình nhằm

phát huy tối đa hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý, tránh trùng lặp, lãng phí trong các hoạt động.

Riêng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp trong thời gian tới sau năm 2020 khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mới cần xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trong quá trình phối hợp thực hiện Chương trình này; sự phối hợp giữa Trung ương (Bộ Tư pháp là cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình liên ngành) và các chương trình địa phương. Sau khi Chương trình liên ngành mới được ban hành, cần nghiên cứu xây dựng quy trình thực hiện thống nhất để các bộ, ngành và địa phương dễ tham gia và nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động của Chương trình.

3.3.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các hình thức, phương tiện, công nghệ thông tin hiện đại nhằm truyền tải, thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay. Với việc chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động, nhất là việc thông tin, tuyên truyền về pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng sẽ nâng cao năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các cán bộ, công chức cơ quan nhà nước nói chung và thực hiện sử dụng, thụ hưởng các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các doanh nghiệp, người lao động nói riêng sẽ được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý đa dạng của doanh nghiệp.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đã dành 01 Điều (Điều 14) quy định về hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là một trong 07 giải pháp, hình thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Luật, giải pháp này được đánh giá là quan trọng và xuyên suốt, đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Luật (mặt bằng sản xuất, thuế, tài chính...). Nghị định số 55/2019/NĐ-CP tại Mục 1, Chương II đã quy định việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật (từ Điều 5 đến

Điều 9), theo đó, ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những giải pháp xuyên suốt, quan trọng của các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là việc hoàn thiện Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ Tư pháp quản lý nhằm đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần quan tâm nghiên cứu và thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

Thứ nhất, việc quản lý, sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật các ứng dụng công nghệ thông tin cần được triển khai áp dụng đến các cơ quan tư pháp (từ tổ chức pháp chế ở các bộ, ngành đến các Sở Tư pháp thành một hệ thống tin xuyên trục) trong toàn quốc và kể các bộ phận tư pháp ở các cơ quan lãnh sự quán, đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài. Theo đó, cần xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để tổ chức thực hiện, báo cáo thống kê hiệu quả về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong và ngoài nước, từ Trung ương tới địa phương.

Thứ hai, cần quan tâm kiện toàn và nâng cấp “Trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” của Bộ Tư pháp thành “Trang thông tin Quốc gia về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” nhằm phục vụ công tác quản lý, khai thác thông tin, đánh giá, rút kinh nghiệm trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; công khai thông tin về kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, công tác thông tin pháp luật cho doanh nghiệp, giải đáp pháp luật và tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật, tích hợp các nội dung, thông tin về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương vào Trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm thống nhất đầu mối và quản lý, theo dõi chung hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Kinh nghiệm các nước như Anh, Pháp, Hàn Quốc cho thấy, việc hỗ trợ thông tin pháp lý cho doanh nghiệp qua cơ sở dữ liệu, trang tin điện tử là hiệu quả và đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp trong thời đại công nghệ số hiện nay.

Thứ ba, nghiên cứu thí điểm, đánh giá kết quả, nhân rộng việc tuyên truyền, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên các kênh thông tin khác ngoài kênh thông tin trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các Trang thông tin điện tử... như kênh thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên facebook, youtube, twitter và các mạng xã hội khác... đang được đánh giá có tính tuyên truyền, phổ biến cao và tính

lan tỏa mạnh mẽ hơn đối với các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

3.3.4. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp mới sau năm 2020; đổi mới xây dựng và thực hiện chương trình

Năm 2020 là năm cuối kết thúc triển khai Chương trình 585 giai đoạn 2010-2014 và 2015-2020, ngoài quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định việc xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp thực hiện sau năm 2020 (Điều 12) thì qua nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình liên ngành trong thời gian qua cho thấy, việc xây dựng một Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành mới cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sau năm 2020 (thực hiện giai đoạn 2021-2026) là rất cần thiết vì các lý do cơ bản như sau:

Thứ nhất, hiện nay nhu cầu về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ngày càng cao. Một trong những mục tiêu cơ bản của Chương trình 585 là xác lập, tăng cường và nâng cao tri thức pháp luật cho các doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có điều kiện và khả năng tự giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Mục tiêu này chỉ có thể đạt được thông qua việc tiến hành một cách đồng bộ, có hệ thống và liên tục các giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 585/QĐ-TTg. Mặt khác, hiện nay, Hiệp pháp năm 2013 đã được Quốc hội thông qua, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đã ghi nhận 01 điều khoản về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. Ngoài ra, Chính phủ cũng đang chuẩn bị đề xuất sửa đổi một loạt các đạo luật mới liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Phá sản.... Trong bối cảnh như vậy, việc tiếp tục thực hiện Chương trình 585 là tạo điều kiện, cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam có được sự hỗ trợ về mặt pháp lý từ phía Nhà nước.

Thứ hai, việc tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành sau năm 2020 hoặc xây dựng một Chương trình mới nhằm phát huy được vai trò định hướng, phối hợp cùng các Chương trình hỗ trợ pháp lý của các bộ, ngành, địa phương tạo thành sức mạnh tổng hợp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc. Trên

cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và Quyết định số 585/QĐ-TTg, tính đến hết năm 2018, hầu hết các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành, địa phương mình. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP mới được ban hành thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP nhưng cũng nhận được nhiều sự quan tâm của các bộ, ngành và địa phương khi triển khai thực hiện. Các hoạt động này đã phát huy tác dụng, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao tri thức pháp lý và thói quen sử dụng pháp luật trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, sẽ có hiệu quả hơn nếu các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương này được thực hiện có sự phối hợp với nhau, đặc biệt là với Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp thì hiệu quả sẽ cao hơn.

Ngoài ra, hiện nay, vẫn còn một số bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (nay là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng vậy) của Chính phủ, dự kiến đến năm 2020 có thể cũng chưa ban hành xong, do đó, cần tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp sau năm 2020 để tạo điều kiện cho các Bộ, ngành, địa phương này được tiếp tục tiếp cận với các hoạt động của Chương trình liên ngành, đảm bảo tất cả các doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc được thụ hưởng các hoạt động hỗ trợ pháp lý của Chương trình liên ngành của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ ba, việc tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp sau năm 2020 để tạo điều kiện tiếp tục thực hiện các hoạt động của Chương trình liên ngành giai đoạn 2010-2020 chưa hoàn tất. Qua quá trình triển khai Chương trình liên ngành, bên cạnh những thành công đạt được trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Chương trình liên ngành vẫn còn không ít hạn chế. Một số hoạt động chưa được thực hiện xong. Một số công việc đã hoàn thành nhưng chưa tạo được kết quả bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục thực hiện Chương trình liên ngành để các Bộ, ngành có điều kiện thực hiện đầy đủ và có hiệu quả mục đích, nhiệm vụ mà Quốc hội đã đề ra trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

Từ các lý do nêu trên cho thấy, việc tổng kết, đánh giá và triển khai các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành

dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sau năm 2020 là rất cần thiết nhằm góp phần hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Ngoài ra, cần nghiên cứu đổi mới xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: tiếp cận từ mô hình quản lý theo kết quả và hướng tới nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Mô hình quản lý theo kết quả đã được áp dụng ở nhiều địa phương và trong xu hướng hiện nay đều gắn với các Chỉ số đo lường chất lượng quản trị địa phương, thích ứng với các địa phương như PCI, PAPI, ICT Index, SIPAS¹³¹ và các nhóm Chỉ số theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 6/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

Những khó khăn và kiến nghị của doanh nghiệp có thể được khắc phục và thực hiện nếu áp dụng mô hình quản lý theo kết quả, xác định các hình thức hỗ trợ với khung đầu ra và kết quả (kèm theo đó là các chỉ tiêu, chỉ số đo lường) cũng như bố trí nguồn lực tương ứng. Vì vậy, cần xây dựng khung đầu ra và kết quả cho Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành và nâng cao năng lực xây dựng Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở địa phương cấp tỉnh gắn với xác định và đầu ra và kết quả cụ thể. Trên cơ sở xác định đầu ra, kết quả, định mức kinh phí phù hợp tiến hành đấu thầu lựa chọn các cơ quan, tổ chức đủ điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3.3.5. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Kiện toàn tổ chức bộ máy hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Bộ Tư pháp cần chỉ đạo việc quan tâm trong việc sắp xếp, bố trí nhân sự chuyên trách trong công tác quản lý nhà nước hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi sự, doanh nghiệp sáng tạo sau năm 2020 (năm 2020 là năm tổng kết giai đoạn 2015-2020 của Chương trình 585). Trước mắt cần hình thành bộ phận chuyên trách thực hiện quản lý nhà nước trong công tác này tại Bộ Tư pháp (việc hình thành bộ phận này đảm bảo không phát sinh nhân sự mà Bộ có thể nghiên cứu bố trí riêng, đổi tên gọi nhóm thường trực hỗ trợ pháp lý (chủ yếu đang kiêm nhiệm hiện nay) để có vị trí, chức năng rõ ràng, độc lập trong việc

¹³¹**PCI:** Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; **PAPI:** Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; **ICT index:** Chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông; **SIPAS:** Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính.

thực hiện quản lý nhà nước về công tác này bởi trên thực tế Bộ Tư pháp vẫn đang phải thực tiếp tiếp dân, trả lời vướng mắc cho doanh nghiệp... (hay Bộ Lập pháp của Hàn Quốc bố trí 06 biên chế chuyên trách vận hành hiệu quả mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với sự tham gia của hơn 200 luật sư) hoặc giao nhiệm vụ này cho một đơn vị độc lập của Bộ Tư pháp giúp cho Bộ trưởng thực hiện công tác này (có thể Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế) (hợp lý hơn có thể là đơn vị có tư cách pháp nhân, hoặc toán độc lập, có nguồn thu huy động thêm nguồn lực xã hội hóa, phát huy hơn nữa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) (Ví dụ: Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật hoặc Cục Trợ giúp pháp lý... của Bộ Tư pháp¹³²) để triển khai Nghị định thay thế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, quản lý tài chính trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cả nước và thống nhất việc xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các bộ, ngành, các địa phương; xây dựng và triển khai các mô hình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo trên cả nước.

Việc hình thành đầu mối chuyên trách hoạt động này sẽ giúp cho Bộ Tư pháp triển khai hiệu quả hơn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới vì: (1) sẽ có một bộ phận chuyên trách ở Trung ương thường xuyên thực hiện, theo dõi và triển khai hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; (2) tập trung được nguồn lực, kinh phí dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; và (3) thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương trong cả nước trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của các cơ quan nhà nước trong thời gian gần đây luôn được hoàn thiện và nâng cao nhưng về cơ bản là còn nhiều hạn chế trong điều kiện làm việc khó khăn, thu nhập thấp so với chi tiêu cuộc sống, vì vậy, những người làm ở các cơ quan nhà nước dễ bị dao động về lập trường tư tưởng, ảnh hưởng tới tinh thần trách nhiệm trong công tác nói chung và nhất là việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Do vậy, nguy cơ ngại hướng dẫn, thông tin hoặc tâm huyết thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả hoặc thực hiện hình thức, qua loa

¹³² Giao cho những đơn vị này sẽ phát huy được nhân sự, cơ sở vật chất hiện có của các đơn vị và có thể triển khai mạnh mẽ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian tới.

là khó tránh khỏi, do đó, để đảm bảo hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tăng cường sự tích cực của các cơ quan nhà nước trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng và doanh nghiệp khởi sự, doanh nghiệp sáng tạo thì phải đáp ứng đầy đủ và kịp thời kinh phí cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động, đặt biệt là áp dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3.3.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát và tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được đánh giá bước đầu đã có những kết quả thực hiện tích cực nhất là trong việc triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

Để đạt được kết quả trên, hàng năm Bộ Tư pháp đều phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành kiểm tra, giám sát và tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các Bộ, ngành và địa phương đại diện cho các tỉnh ở các miền Bắc, Trung và Nam và một số tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Qua công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các Bộ, ngành và địa phương đại diện cho các tỉnh ở các miền Bắc, Trung và Nam và một số tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đã tiếp nhận được nhiều thông tin thực tiễn về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, những kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn và các kiến nghị đề xuất về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo, thực hiện các kiến nghị của các cơ quan, tổ chức nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Từ thực tế trên, các cơ quan chức năng có thẩm quyền, nhất là Bộ Tư pháp cần tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm kịp thời phát hiện các vướng mắc, khó khăn, uốn nắn kịp thời các nội

dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tập trung công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng công tác kiểm tra đột xuất nhằm kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm, nhất là những nơi có nhiều đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp. Thường xuyên tổng kết, đánh giá những mặt được, chưa được trong quá trình kiểm tra, giám sát, từ đó nghiên cứu, tổng hợp đề xuất hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không còn phù hợp với thực tiễn hoặc ban hành văn bản chỉ đạo việc thực hiện trong toàn quốc nhằm tạo sự thống nhất trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tránh trùng lặp, lãng phí và hình thức, không đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Việc tổng kết thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo định kỳ hoặc theo chuyên đề phải hình thành được những quan điểm, những bài học và những hướng dẫn để đảm bảo việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện thống nhất theo một quy chuẩn chung mà pháp luật quy định.

3.3.7. Hoàn thiện chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Kịp thời động viên, khen thưởng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có thành tích trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bộ Tư pháp cần có các chế độ khen thưởng khích lệ cho các cá nhân, tổ chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ví dụ: cần ban hành Quy chế khen thưởng và tổ chức thực hiện các hoạt động gắn với việc nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc tổ chức thường xuyên hàng năm để bình chọn, tôn vinh các luật sư, văn phòng luật sư... có nhiều hoạt động thiết thực, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ví dụ: “Chương trình tôn vinh Luật sư để góp phần hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp”; “Chương trình Vinh danh Hãng Luật và Luật sư tiêu biểu” có nhiều đóng góp cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là việc thông tin kịp thời, chính xác các thông tin pháp lý cho doanh nghiệp khi có yêu cầu, thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận và xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; xử lý nghiêm, kiên quyết thay thế những công chức nhũng nhiễu, gây phiền hà, vi phạm đạo đức, lối sống và chuyên môn nghiệp vụ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ví dụ: trường hợp công chức

không thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận và xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp thì có thể xem xét để đánh giá mức độ hoàn thành công việc cuối năm và là căn cứ để xem xét khi bình bầu, khen thưởng cho cán bộ, công chức đối với nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được giao.

Đối với công chức phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp thực hiện không đúng hoặc không thực hiện việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các hình thức như thông tin pháp lý cho doanh nghiệp khi có yêu cầu, thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận và xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật. Đối với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và các cá nhân, doanh nghiệp cũng phải xử lý nghiêm nếu có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hình thức, gây lãng phí ngân sách của nhà nước và kịp thời khen thưởng bằng các hình thức khen thưởng xứng đáng đối với kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Kết quả nghiên cứu của Chương 3 đề luận giải về định hướng hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Các định hướng hoàn thiện và thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp xuất phát từ đường lối của Đảng về cải cách hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, nhất là cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, cộng đồng doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 97,7% trong tổng số 624.000 doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay vừa yếu về công nghệ, thiếu về nguồn vốn, nhân lực, nhưng quan trọng nhất là ý thức pháp luật, nhận thức pháp lý trong kinh doanh còn nhiều điểm hạn chế cần phải được hỗ trợ pháp lý nhằm tăng cường ý thức pháp luật, nhận thức pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp không chỉ trong thị trường trong nước mà còn vươn ra cả thị trường thế giới.

2. Các giải pháp đề xuất đồng bộ từ định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật đến thực thi pháp luật, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đến huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà Nhà nước đang thực hiện. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới được nghiên cứu và đề xuất trong Chương 3 của Luận án trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua, trên cơ sở có tính đến lộ trình lâu dài cũng như các kiến nghị cụ thể nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay như: hoàn thiện quy định pháp luật về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hoàn thiện quy định pháp luật để đảm bảo kinh phí cần thiết cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thì Chương này cũng đã nghiên cứu, phân tích và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với

các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, giữa Trung ương và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và việc đề xuất xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai sau năm 2020.

3. Các yêu cầu và giải pháp được nghiên cứu, đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh, tái cơ cấu nền kinh tế sau giai đoạn khó khăn hiện nay khi tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến phát triển kinh tế toàn cầu, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước ngày càng cao, góp phần hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội đất nước.

KẾT LUẬN

1. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế- xã hội ở Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới nhằm mục đích triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

Với tư cách là một trong những hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp đã được ghi nhận trong các chủ trương của Đảng, Chính phủ, quy định pháp luật, trong đó tập trung doanh nghiệp nhỏ và vừa để doanh nghiệp tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, các vấn đề về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tất yếu phải được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật. Việc nghiên cứu pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là điều hết sức cần thiết, nhằm tìm ra mô hình điều chỉnh pháp luật phù hợp đối với chúng, bảo đảm sự hoàn thiện và phát triển ổn định ngày càng tốt hơn trong nền kinh tế - xã hội của đất nước. Đây là một bộ phận cấu thành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước nằm trong cấu trúc pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp khởi sự, sáng tạo. Đây là trách nhiệm về pháp lý của Nhà nước và xã hội nói chung đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo, cả các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, các cá nhân, tổ chức kinh doanh khác, là cơ chế hỗ trợ đặc biệt của nhà nước, tuy nhiên trải qua quá trình áp dụng vẫn còn có những khiếm khuyết, những điểm chưa thực sự phù hợp nên chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp, nhiều quy định còn chưa rõ, chung chung, do đó, khi áp dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam thì chưa thực sự bảo đảm được tính khả thi.

2. Qua việc nghiên cứu đề tài, luận án đã làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, qua đó có thể thấy rằng cơ chế hỗ trợ này tương đối phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp hiện nay. Song, thực tế cho thấy cơ chế này còn chịu sự điều chỉnh có nhiều bất cập từ khía cạnh pháp luật thực định nên chưa thể phát huy được trong thực tiễn của Việt Nam và đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Nhiều quy định nằm trong các văn bản khác nhau còn chưa thống nhất, khiến cho việc áp dụng chúng vào cuộc sống chưa được như ý muốn. Điều đó có nghĩa là thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở

Việt Nam còn bộc lộ nhiều thiếu sót, nhược điểm gây ra những trở ngại cho việc thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên thực tế cũng như phát huy được cơ chế này nhằm nâng cao ý thức pháp lý của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thời kỳ hội nhập kinh tế, quốc tế như hiện nay.

3. Để nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Luận án đã đề ra các quan điểm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và các giải pháp cơ bản để hoàn thiện, thực thi hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như sau:

3.1. Các quan điểm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được đề ra để phù hợp với đường lối đổi mới, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp; huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; đảm bảo tính đồng bộ, tính khả thi của các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định pháp luật về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý và nhu cầu đa dạng trong các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Nhà nước với mục đích thông tin có hiệu quả các thông tin pháp lý, kiến thức pháp luật kinh doanh không chỉ cho các doanh nghiệp mà cả với các cán bộ, công chức nhà nước thực thi hiệu quả các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Việc thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; bồi dưỡng pháp luật cho doanh nghiệp; giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp; đối thoại pháp luật với doanh nghiệp hay tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp... là những hình thức hỗ trợ pháp lý truyền thống cho doanh nghiệp, tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay khi Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được ban hành với 02 hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chính là xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin pháp lý cho doanh nghiệp và xây dựng, thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng cần được nghiên cứu, có phương án hoàn thiện các quy định pháp luật để đảm bảo việc triển khai có hiệu quả các hình thức hỗ trợ pháp lý này, ngoài ra, cần nghiên cứu hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia tố tụng tại tòa án, trọng tài là một trong những hình thức hỗ trợ pháp lý đang được các doanh nghiệp đề xuất thực hiện.

Thứ hai, hoàn thiện quy định pháp luật để đảm bảo kinh phí cần thiết cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với các định mức nội dung, kinh phí dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (tọa đàm, đối thoại; bồi dưỡng; tư vấn pháp

luật;...); kinh phí Trung ương và địa phương, kinh phí huy động từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước ở Trung ương đóng vai trò chính, quyết định trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cả nước.

Thứ ba, hoàn thiện quy định pháp luật để nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó có vai trò của Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ triển khai, quản lý công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cả nước. Ở Trung ương và địa phương ngoài vai trò của Bộ Tư pháp thì các tổ chức pháp chế tại các bộ, ngành cơ quan Trung ương, Sở Tư pháp tại các địa phương cần được tiếp tục kiện toàn và nâng cao trách nhiệm thực hiện công tác này; các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp cần được quan tâm nâng cao vị trí, vai trò của mình trong công tác này.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được trình bày trong Luận án có tính chất động bộ, hệ thống, có tính đến lâu dài, nâng cao hiệu quả trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Từ giải pháp (i) tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức quản lý nhà nước và đối với doanh nghiệp; đến việc (ii) tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan Trung ương và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hay việc (iii) tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Tóm lại, các giải pháp được trình bày trong Luận án được phân tích và đề xuất trên cơ sở luận cứ khoa học và nghiên cứu pháp luật, thực tiễn thi hành hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian quan nhằm đưa ra các giải pháp đồng bộ, có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay và định hướng trong thời gian tới, nhất là năm 2020 khi Việt Nam nói riêng và các nước trên toàn cầu nói chung phải trải qua một giai đoạn dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, vì vậy, việc quan tâm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải có sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan có liên quan từ Trung ương tới địa phương trên cả nước và các cơ quan đại diện ở nước ngoài, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và bản thân các doanh nghiệp.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Bản thân tác giả cũng có **13** công trình nghiên cứu về cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được công bố trên Tạp chí dân chủ và pháp luật, Tạp chí nghề Luật... Cụ thể như sau:

1. “Xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2026” của đồng tác giả ThS. Trần Minh Sơn và TS. Trần Thị Thu Hà, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, Số chuyên đề – tháng 4/2020.

2. “Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên thế giới và một số kinh nghiệm đối với Việt Nam” của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, Số chuyên đề – tháng 6/2019.

3. “*Thực trạng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp*” của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Ấn phẩm đặc biệt của Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, tháng 11/2018.

4. “*Kết quả 10 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam*” của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Ấn phẩm đặc biệt của Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, tháng 7/2018.

5. “*Triển khai mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017*” của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 11/2017;

6. “*Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp – một nội dung quan trọng trong Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017*” của đồng tác giả TS. Nguyễn Thanh Tú -ThS. Trần Minh Sơn, Tạp chí nghề Luật, số chuyên đề năm 2017;

7. “*Tạo bước tiến mới trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2015-2020*” của Trần Minh Sơn, Trang tin Tạp chí dân chủ và pháp luật (Thi hành pháp luật) - Bộ Tư pháp, ngày 20/12/2015.

8. “*Kết quả toàn quốc sau 05 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP*” của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp

luật – Bộ Tư pháp, số chuyên đề hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, ấn phẩm đặc biệt tháng 11/2014.

9. *“Nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, số chuyên đề tháng 2/2014;

10. *“Bước đột phá mới góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, số chuyên đề, tháng 5/2013;

11. *“Vai trò của Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, số chuyên đề tháng 12/2010;

12. *“Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay – một vài bất cập, nguyên nhân và kiến nghị”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, số tháng 1(214)/2010;

13. *“Cơ chế mới hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ làm thay đổi đời sống doanh nghiệp”*, của Trần Minh Sơn, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp, số 8 năm 2008.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

1. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.
3. Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2012).
4. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
5. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
6. Chính phủ, *Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
7. Chính phủ, *Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*, Hà Nội.
8. Chính phủ, *Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
9. Chính phủ, *Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Chính phủ, *Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 9/11/2018 ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí doanh nghiệp*, Hà Nội.
11. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 5/5/2010 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014*, Hà Nội.
12. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 phê duyệt điều chỉnh các dự án và tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014*, Hà Nội.
13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên*, Hà Nội.
14. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, *Quyết định số 1696/QĐ-BTP ngày 25/7/2019 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp*, Hà Nội.

15. Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp, *Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP* ngày 12/10/2010 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Hà Nội.

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tiếng Việt

16. Từ điển tiếng việt của Hoàng Phê (Chủ biên), *Nhà Xuất bản Từ điển Bách Khoa*, xuất bản năm 2004, tr.789.

17. Bộ Tư pháp (2014), *Báo cáo kết quả triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014*, Hà Nội, tr 8,12.

18. Ban Chỉ đạo Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 (2014), *Báo cáo kết quả thực hiện năm 2013, triển khai kế hoạch năm 2014*, Hà Nội, tr 6,8.

19. Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh (2009), *Cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò, trách nhiệm của các hiệp hội chuyên ngành trong hỗ trợ doanh nghiệp thành phố phát triển, cạnh tranh và hội nhập*, TP. Hồ Chí Minh, tr 16.

20. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức (2007), *Các loại hình doanh nghiệp*, Hà Nội, tr 9.

21. Tổng Cục thống kê (2010), *Doanh nghiệp Việt Nam chín năm đầu thế kỷ XXI*, Nhà Xuất bản Thống Kê, Hà Nội, tr35.

22. PGS-TS. Dương Đăng Huệ và Ths. Nguyễn Thanh Tịnh (chủ biên), *Cẩm nang pháp luật kinh doanh dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp và Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức, Hà Nội, tập1, tr57.

23. Ngân hàng thế giới (2002), *Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, vai trò và hoạt động*, Hà Nội.

24. Michel Capron và Francoise Quairel-Lanoizelée (2009), *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*, Lê Minh Tiên và Phạm Như Hồ dịch, Nhà xuất bản Tri Thức, Hà Nội.

25. Ngân hàng thế giới (2002), *Xây dựng thể chế hỗ trợ thị trường*, Vũ Hoàng Linh dịch, Vũ Cương hiệu đính, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr18,45.

26. Ths. Nguyễn Thanh Bình (số tháng 2/2012), *Nâng cao hoạt động hỗ trợ pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên trong hệ thống Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

27. Trương Thanh Đức (số tháng 7/2010), *Doanh nghiệp mong gì từ hỗ trợ pháp lý*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

28. TS. Đinh Trung Tụng (số tháng 5/2013), *Kết quả đáng ghi nhận của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

29. PGS-TS. Dương Đăng Huệ (số tháng 2/2012), *Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2013 và định hướng hoạt động năm 2014*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

30. Tô Hoài Nam, Ths. Lê Anh Văn (số chuyên đề tháng 5/2013). *Phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

31. Hồ Thị Hằng (số tháng 2/2014). *Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

32. ThS. Trần Minh Sơn và TS. Trần Thị Thu Hà (số chuyên đề – tháng 4/2020). *Xây dựng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2026*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

33. TS. Nguyễn Thanh Tú - ThS. Trần Minh Sơn (số chuyên đề năm 2017). *Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp – một nội dung quan trọng trong Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017*, Tạp chí nghề Luật.

34. KTV Mạnh Thị Thu Hiền - TS. Nguyễn Thị Nga (số chuyên đề tháng 4/2020). *Kinh nghiệm bồi dưỡng kiến thức pháp luật trực tuyến cho doanh nghiệp trong kỷ nguyên công nghệ 4.0*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

35. Ths. Trần Minh Sơn (số chuyên đề – tháng 6/2019). *Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên thế giới và một số kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp.

36.. Ths. Trần Minh Sơn (Ấn phẩm đặc biệt tháng 11/2018). *Thực trạng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp.

37. Ths. Trần Minh Sơn (Ấn phẩm đặc biệt tháng 7/2018). *Kết quả 10 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật – Bộ Tư pháp.

38. Luật sư, CVCC Nguyễn Duy Lâm (số chuyên đề tháng 4/2020). *Kiến toàn các tổ chức pháp chế để triển khai hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2026*, Tạp chí dân chủ và pháp luật.

39. Bộ Tư pháp (2007). *Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và việc mở rộng thị trường dịch vụ pháp lý trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, Đề tài nghiên cứu, tr 57, 62.

40. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2014). *Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội*”, Đề tài nghiên cứu, tr 23, 56, 70.

41. Nhà Xuất bản Tư pháp – Bộ Tư pháp (năm 2013). *Chuyên đề về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*, Cẩm nang, tr23, 47.

42. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (năm 2009). *Đề án tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An từ nay đến 2015*, Đề tài nghiên cứu, tr18.

43. Phan Thị Thu Thủy (2012). *Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Luận văn thạc sĩ luật học, tr29,49.

44. Phạm Thị Kim Oanh (2015). *Thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc*”, Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế, tr18,51.

45. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2012). *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ pháp chế sở, ngành trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng*”, Đề tài nghiên cứu, tr28, 43.

Tiếng nước ngoài

46. Alice Armitage, *Startups and Unmet Legal Needs*, University of California, Hastings College of the Law 2016.

47. Temitayo Ojo, *Small and Medium Scale Businesses and the need for Legal Support*, <https://www.linkedin.com/pulse/small-medium-scale-businesses-need-for-legal-support-temitayo-ojo>, truy cập ngày 19/5/2019.

48. Nhóm chuyên gia AVSI Kinh doanh và Nhân Quyền Alessandro Costa, *Business and Human Rights: a challenge for enterprises?* www.avsi.org.

49. Kiwamu Masai; Tomohide Koh; Hiroshi Shindo; Satoshi Nagaura và Tetsuo Tachibana, *Laws & Regulations on Setting Up Business in Japan*, Invest Japan Department, Japan External Trade Organization, 2004.

C. Website

50. www.moj.gov.vn.

51. www.mpi.gov.vn.

52. www.sotuphap.hanoi.gov.vn; tuphap.hatinh.gov.vn; danang.gov.vn.

53. www.vinasme.vn; www.vcci.com.vn.